

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ GÓI THẦU

1. Tên hoạt động ứng dụng CNTT được lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật

Tăng hiệu năng nhằm tối ưu hóa khả năng xử lý các yêu cầu của người sử dụng, yêu cầu nghiệp vụ trong môi trường vận hành hệ thống xử lý vi phạm hành chính ins.dms.gov.vn, hệ thống quản lý tài chính kế toán fin.dms.gov.vn và xây dựng, nâng cấp hệ thống phân tích dữ liệu và dự báo biến động giá cả thị trường.

2. Tên gói thầu

Tăng hiệu năng nhằm tối ưu hóa khả năng xử lý các yêu cầu của người sử dụng, yêu cầu nghiệp vụ trong môi trường vận hành hệ thống xử lý vi phạm hành chính ins.dms.gov.vn.

3. Chủ đầu tư

Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Bộ Công Thương.

4. Địa điểm thực hiện

Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Bộ Công Thương - 91 Đinh Tiên Hoàng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

5. Thời gian thực hiện

Năm 2025.

Thời gian thực hiện hợp đồng là: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

6. Loại nguồn vốn

Nguồn kinh phí thực hiện không tự chủ năm 2025.

7. Mục tiêu

Sửa đổi, làm tăng hiệu năng nhằm tối ưu hóa khả năng xử lý các yêu cầu của người sử dụng, yêu cầu nghiệp vụ trong môi trường vận hành hệ thống xử lý vi phạm hành chính: <http://ins.dns.gov.vn>.

8. Phạm vi, quy mô

- Chính sửa đáp ứng thay đổi mô hình tổ chức của Tổng cục quản lý thị trường (nay là Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước).
- Chính sửa, bổ sung chức năng đáp ứng thay đổi địa bàn hành chính theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội khóa 15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

- Chính sửa, bổ sung chức năng, biểu mẫu đáp ứng theo ND số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/03/2025, Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính.

- Chính sửa thay đổi theo luật số 88/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Sửa đổi biểu mẫu theo nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

- Sửa đổi về thẩm quyền xử phạt theo nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

- Sửa đổi thẩm quyền quyết định kiểm tra định kỳ, bỏ phương án kiểm tra, phương án khám theo thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15/07/2025 của Bộ Công thương: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường;

- Chính sửa, bổ sung chức năng đáp ứng thay đổi, tinh gọn đơn vị cấp đội, sáp nhập đơn vị cấp chỉ cục quản lý thị trường theo Quyết định của UBND các tỉnh, thành phố quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục quản lý thị trường.

- Chính sửa, bổ sung các chức năng đáp ứng yêu cầu của người sử dụng trong quá trình thực hiện nghiệp vụ và quản lý hồ sơ.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hệ thống nhằm hỗ trợ tối đa về công tác nghiệp vụ cho cán bộ, công chức đi làm nhiệm vụ nâng cao hiệu suất và sự chính xác khi thực thi công vụ:

- ✓ *Giai đoạn 1 (thực hiện năm 2025):*

- + Xây dựng hệ thống chatbot thông minh phân tích các văn bản để hỗ trợ cho cán bộ trong quá trình thực thi nhiệm vụ (Giải đáp các thắc mắc về quy trình thực hiện, các hành vi vi phạm và hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục).

9. Căn cứ pháp lý

9.1 Căn cứ pháp lý chung

Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội khóa 15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Pháp lệnh Quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH13 ngày 08/3/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27/5/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Nghị định số 47/2024/NĐ-CP ngày 09/05/2024 của Chính phủ quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia;

Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi một số điều của nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;

Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính Phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương;

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/ 4/2025 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc phê duyệt đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Thông tư số 41/2017/TT-BTTTT ngày 19/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử trong cơ quan nhà nước;

Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30/9/2020 của Bộ Công thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30/9/2020 của Bộ Công thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

Thông tư số 22/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021 của Bộ Công thương quy định về quản lý, sử dụng biểu mẫu trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Thông tư số 18/2024/TT-BTTTT ngày 30/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

Quyết định số 742/QĐ-BTTTT ngày 22/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành yêu cầu an toàn cơ bản đối với phần mềm nội bộ;

Quyết định số 671/QĐ-BTTTT ngày 26/4/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hướng dẫn xác định chi phí phần mềm nội bộ;

Quyết định số 939/QĐ-BCT ngày 02/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;

Quyết định số 1471/QĐ-BCT ngày 28/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Công thương phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí các nhiệm vụ năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;

Các Quyết định của UBND các tỉnh, thành phố quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục quản lý thị trường.

9.2 Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi hệ thống xử lý vi phạm hành chính

Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật số 67/2020/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Luật số 88/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính;

Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15/07/2025 của Bộ Công thương: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường;

Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30/9/2020 của Bộ Công thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021 của Bộ Công thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30/9/2020 của Bộ Công thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

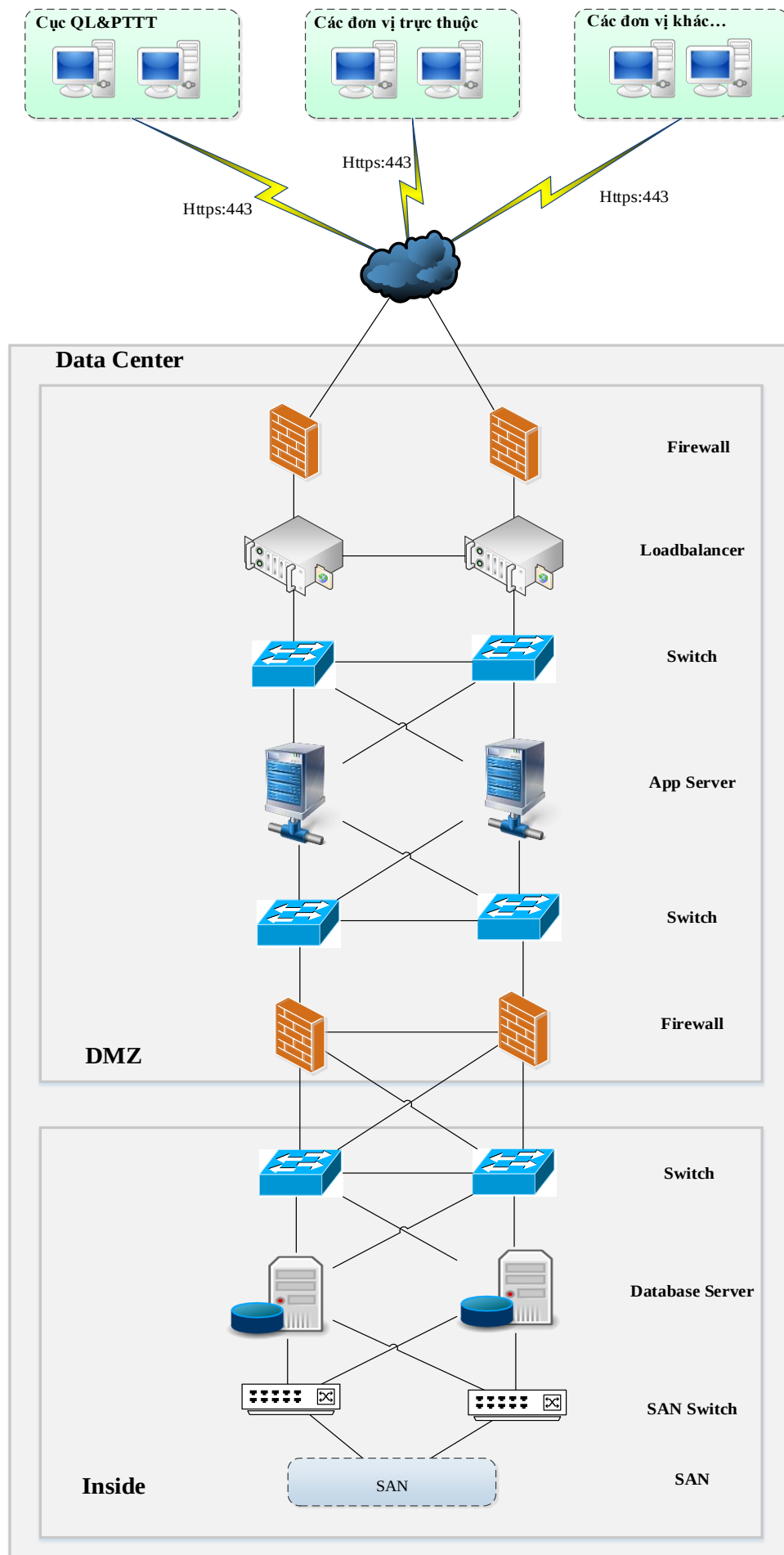
Thông tư số 22/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021 của Bộ Công thương quy định về quản lý, sử dụng biểu mẫu trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

II. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG

1. Hạ tầng kỹ thuật của Cục QL&PTTT

Hạ tầng kỹ thuật của Cục trên cơ sở kế thừa hạ tầng kỹ thuật của Tổng cục QLTT và Vụ thị trường trong nước (các đơn vị cũ trước khi sáp nhập thành Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước). Hạ tầng kỹ thuật đang vận hành đảm bảo hoạt động của các hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu hiện có

✓ **Mô hình tổng thể**



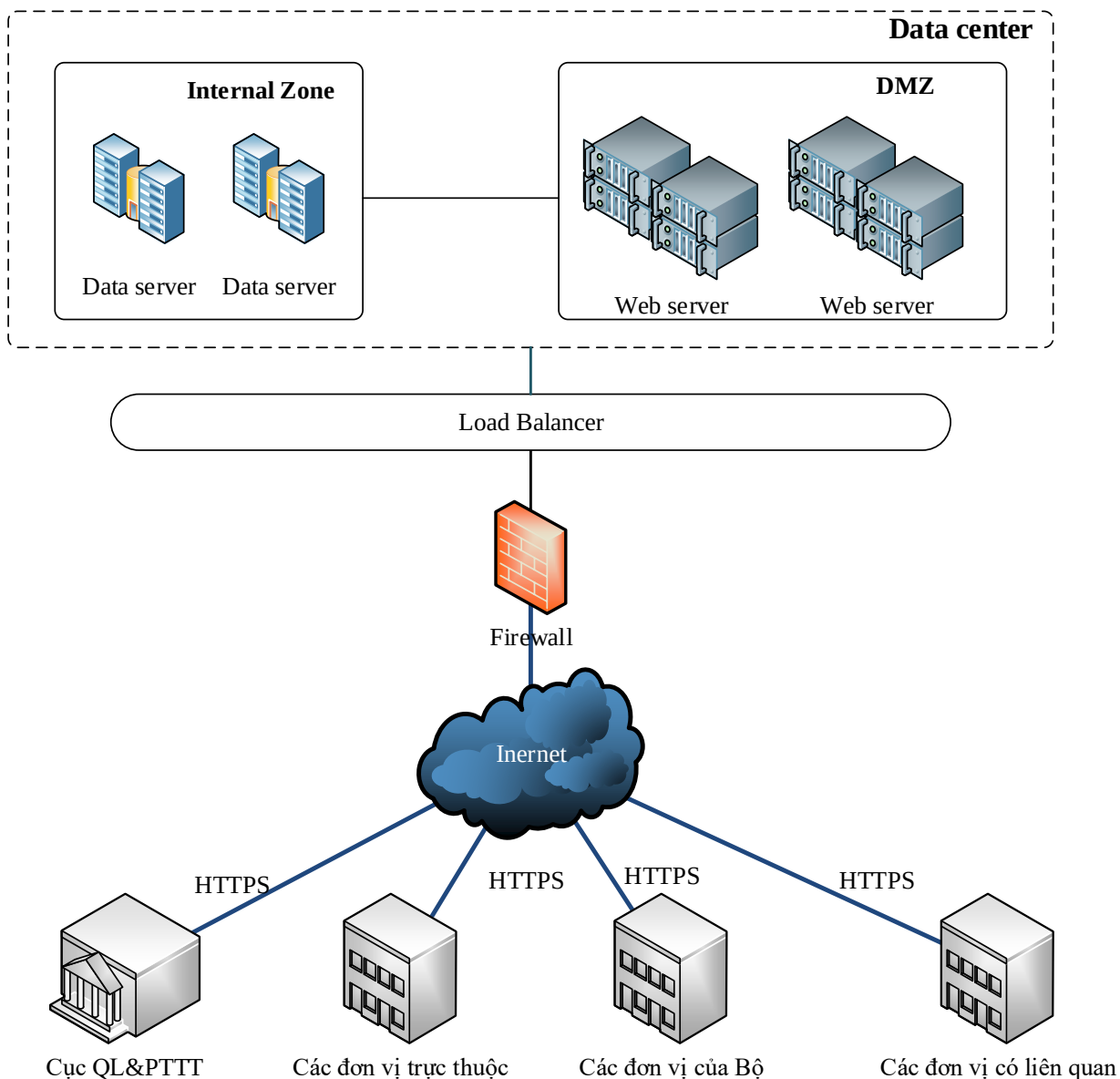
Hệ thống được cài đặt gồm các thành phần chính sau:

Hệ thống cân bằng tải: Là hệ thống có nhiệm vụ phân chia các yêu cầu phục vụ từ người sử dụng đều cho các máy chủ thành viên trong cùng một vùng máy chủ ứng dụng.

Hệ thống máy chủ ứng dụng: Là hệ thống có nhiệm vụ xử lý các yêu cầu đến từ người dùng, thực hiện truy vấn các dữ liệu từ vùng máy chủ CSDL và trả lại kết quả cho người dùng.

Hệ thống máy chủ CSDL: Là hệ thống có nhiệm vụ tổ chức, lưu trữ dữ liệu của toàn hệ thống và xử lý các yêu cầu truy vấn, khai thác dữ liệu. Hệ thống máy chủ CSDL bao gồm 02 máy chủ chạy theo mô hình Clustering, 02 máy chủ vừa đóng vai trò phân tải (các yêu cầu xử lý của hệ thống sẽ được phân đều trên cả hai máy chủ), vừa đóng vai trò dự phòng (nếu một máy chủ CSDL gặp sự cố về phần cứng hoặc phần mềm dẫn đến không thể hoạt động được, thì các yêu cầu xử lý sẽ được chuyển sang máy chủ CSDL không có sự cố để xử lý).

✓ **Mô hình triển khai**



Hệ thống được cài đặt, cấu hình và vận hành trên hệ thống máy chủ tại Trung tâm dữ liệu thuộc phạm vi gói thầu thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành các phần mềm ứng dụng của dự án.

Triển khai tại Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước- Bộ Công Thương. Địa chỉ: Số 91, Đinh Tiên Hoàng - Hoàn Kiếm - Hà Nội.

Triển khai cho các đơn vị trực thuộc và các địa phương trên toàn quốc, các đơn vị có liên quan sẽ kết nối với hệ thống thông qua đường truyền Internet được bảo mật.

Hệ thống các phần mềm được triển khai theo phương thức làm việc trực tuyến (online):

Các đơn vị trực thuộc và các địa phương trên toàn quốc sẽ kết nối trực tiếp với máy chủ hệ thống đặt tại Trung tâm dữ liệu.

Trao đổi thông tin, dữ liệu theo các chuẩn về an toàn thông tin SSL v3.0, HTTPS. SSL là một tiêu chuẩn an ninh công nghệ toàn cầu tạo ra một liên kết giữa

máy chủ web và trình duyệt. Liên kết này đảm bảo tất cả các dữ liệu trao đổi giữa máy chủ web và trình duyệt luôn được bảo mật và an toàn. SSL đảm bảo rằng dữ liệu truyền đi trong hệ thống được mang tính riêng tư, tách rời. HTTPS là phần mở rộng bảo mật của HTTP. Website được cài đặt chứng chỉ SSL có thể dùng giao thức HTTPS để thiết lập kênh kết nối an toàn tới máy chủ (server).

✓ **Danh mục thiết bị hiện có**

TT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	ĐVT	SL
1	Máy chủ	HPE ProLiant DL380 Gen10 8SFF, HPE	Bộ	8
2	Thiết bị chuyển mạch lưu trữ	HPE SN6610C 32Gb, HPE	Bộ	2
3	Bộ lưu trữ	HPE MSA 2062 16Gb Fibre Channel SFF Storage, HPE	Bộ	1
4	Thiết bị chuyển mạch mạng lõi	Aruba 3810M 24SFP+ 250W Switch, Aruba	Bộ	2
5	Thiết bị chuyển mạch mạng quản trị	Aruba 2930M 24G 1-slot Switch, Aruba	Bộ	2
6	Thiết bị định tuyến	HPE MSR3044 Router, HPE	Chiếc	2
7	Thiết bị tường lửa mạng	Fortigate FG-601E-BDL-950-36 kèm FN-TRAN-SFP+SR và SP-FG300E-PS, Fortinet	Chiếc	2
8	Thiết bị cân bằng tải và tường lửa cho ứng dụng Web	FortiADC FAD-400F-BDL-619-36 kèm SP-FAD400F-PS, Fortinet	Bộ	2
9	Thiết bị bảo vệ thư điện tử	FortiMail FML-900F-BDL-641-36, Fortinet	Bộ	2
10	Phần mềm ảo hóa	Vmware vSphere 7 Standard, Vmware	License	16
11	Phần mềm quản lý môi trường ảo hóa	Vmware vCenter Server 7 Standard, Vmware	License	1
12	Bản quyền hệ điều hành máy chủ	Microsoft Windows Server 2019	License	160
13	Bản quyền truy cập hệ điều hành máy chủ	Microsoft Windows Server 2019	License	40
14	Bản quyền hệ quản trị cơ sở dữ liệu cho máy chủ	Microsoft SQL Server 2019	License	4
15	Bản quyền truy cập hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Microsoft SQL Server 2019	License	5
16	Trực tích hợp dữ liệu	TIBCO BusinessWorks Enterprise (Prodplus license) 04 packs; TIBCO Message Enterprise Edition (Prodplus license) 02 packs, TIBCO	Bộ	1

2. Hệ thống xử lý vi phạm hành chính

Hệ thống phần mềm xử lý vi phạm hành chính INS.DMS.GOV.VN được triển khai năm 2019. Từ năm 2020 Tổng cục Quản lý thị trường (nay là Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước) đưa vào thí điểm diện rộng đến hết năm 2021. Cuối năm 2021 đã chính thức yêu cầu các đơn vị sử dụng phần mềm.

Từ năm 2020 đến hết năm 2024, hệ thống phần mềm đã được nâng cấp, chỉnh sửa để đáp ứng quy định mới của các văn bản pháp luật sau: Thông tư số 27/2020/TT-BCT sửa đổi bổ sung Thông tư số 35/2018/TT-BCT; Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BCT (về nội dung, trình tự, thủ tục kiểm tra, xử lý VPHC của QLTT); Thông tư số 22/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021 thay thế Thông tư số 26/2013/TT-BCT và Thông tư số 08/2018/TT-BCT (về quản lý, sử dụng biểu mẫu trong kiểm tra, xử lý VPHC của QLTT); Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính.

Việc áp dụng Hệ thống xử lý vi phạm hành chính INS.DMS.GOV.VN là một bước đột phá trong ứng dụng CNTT vào hoạt động nghiệp vụ của lực lượng QLTT, tạo sự đồng bộ, giúp thống nhất liên thông quản lý, điều hành, xử lý, lưu trữ hồ sơ trong toàn lực lượng. Rút ngắn thời gian tổng hợp, đánh giá, nhận định tình hình mang lại hiệu quả trong việc thực thi nhiệm vụ.

Giai đoạn xây dựng phần mềm năm 2019 đã triển khai sử dụng Hệ thống xử lý vi phạm hành chính trong toàn lực lượng quản lý thị trường bao gồm Tổng cục Quản lý thị trường, các Cục Quản lý thị trường tại các tỉnh thành và các Đội Quản lý thị trường ở cấp quận, huyện.

Phần mềm đã mang lại nhiều hiệu quả lớn trong công tác cải tiến, đổi mới phương thức hoạt động của ngành, công tác báo cáo, thống kê về tình hình xử phạt vi phạm được thực hiện hoàn toàn trên phần mềm, việc quản lý thông tin, số liệu trong hoạt động một cách đầy đủ, khoa học thuận tiện tra cứu, khai thác. Ngoài ra phần mềm còn giúp rút ngắn thời gian xử lý công việc, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động. Công tác xử lý vi phạm hành chính trong ngành quản lý thị trường đã được cải tiến, đổi mới, đáp ứng kịp thời trong tình hình bùng nổ của nền kinh tế nước ta trong lĩnh vực hàng hóa và dịch vụ: sản xuất, lưu giữ, tiêu thụ trong nước, xuất khẩu ra nước ngoài, nhập khẩu từ nước ngoài,...

Về kết nối liên thông với các hệ thống khác: Hệ thống xử lý vi phạm hành chính đã kết nối với Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, Hệ thống cấp số dự phòng, góp phần nâng cao chất lượng lưu trữ, đồng bộ dữ liệu, mang lại hiệu quả cao trong việc khai thác dữ liệu.

Giai đoạn nâng cấp năm 2022 đã đạt được các mục tiêu đề ra là: Thực hiện chỉnh sửa và cập nhật, nâng cấp Hệ thống xử lý vi phạm hành chính INS.DMS.GOV.VN để đáp ứng các quy định mới của các văn bản quy phạm pháp

luật của Bộ Công Thương (Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30/9/2020, Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021, Thông tư số 22/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021) và cập nhật, bổ sung một số chức năng phần mềm, biểu mẫu báo cáo phù hợp với nhu cầu quản lý của đơn vị trực tiếp sử dụng phần mềm cũng như các cấp quản lý sau thời gian triển khai. Ngoài ra còn xây dựng bổ sung hệ thống cấp số dự phòng để cấp số dự phòng và trao đổi các thông tin, đồng bộ dữ liệu cần thiết với hệ thống xử lý vi phạm hành chính.

Qua các giai đoạn triển khai, vận hành Hệ thống xử lý vi phạm hành chính, có thể nhận thấy các hiệu quả sử dụng sau đây:

- Hỗ trợ đắc lực cho công tác nghiệp vụ, giúp các đơn vị trong toàn ngành cập nhật một khối lượng lớn các số liệu về kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính, quản lý đồng bộ, đầy đủ, kịp thời các thông tin có liên quan tới lĩnh vực hoạt động.
- Lưu trữ xuyên suốt, có hệ thống các thông tin cho phép tra cứu, tìm kiếm thông tin, thống kê, tổng hợp báo cáo phục vụ công tác chuyên môn, làm cơ sở để ra quyết định và xây dựng các chính sách, quy định phù hợp cho toàn lực lượng.
- Cung cấp thông tin toàn diện về lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính cho các tổ chức, đơn vị có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường khả năng phối kết hợp giữa các đơn vị.
- Giúp cho các đơn vị cập nhật dữ liệu một cách dễ dàng nhanh chóng, chính xác, hiệu chỉnh thuận tiện khi có thay đổi.
- Giúp nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng sử dụng phần mềm của cán bộ nghiệp vụ trong toàn ngành nhằm tăng khả năng xử lý các công việc, kịp thời phát hiện, xử lý đúng các trường hợp vi phạm, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong công tác quản lý thị trường.
- Đáp ứng kịp thời các quy định mới của Bộ Công Thương về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính, về quản lý, sử dụng biểu mẫu và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính.

Giai đoạn nâng cấp năm 2023 đã bổ sung, chỉnh sửa theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, theo yêu cầu nghiệp vụ quản lý. Đặc biệt, trong giai đoạn này đã ứng dụng chữ ký số trong công tác quản lý. Việc ứng dụng chữ ký số đã đem lại các hiệu quả sau:

- Giúp đơn vị có thể tiết kiệm được thời gian và chi phí.
- Không mất công đi lại, in ấn các loại hồ sơ mà có thể dễ dàng gửi trực tiếp qua Internet.
- Có thể ký tất cả các loại giao dịch, các loại hồ sơ, các loại giấy tờ của cơ quan nhà nước tại bất kỳ đâu, vào bất kỳ thời gian nào.

- Việc tiếp nhận và chuyển giao tài liệu được xử lý nhanh chóng và thuận lợi, đảm bảo tính chính xác và bảo mật tuyệt đối.

- Đơn giản hóa mọi hoạt động nghiệp vụ.

- Giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành: Với đặc trưng nổi bật là sở hữu tính bảo mật cao, việc sử dụng chữ ký số giúp đơn vị có thể đảm bảo an toàn tuyệt đối trong các giao dịch điện tử. Nhờ đó tránh được những rủi ro không đáng có như thiếu sót tài liệu hay bị tiết lộ thông tin quan trọng ra bên ngoài.

Ngoài ra, các chức năng trên mobile cũng được chỉnh sửa, bổ sung để phục vụ tốt hơn trong công tác theo dõi, báo cáo, tổng hợp số liệu về số vụ vi phạm hành chính, số vụ kiểm tra, số vụ đã xử lý, số tiền phạt, giá trị hàng hóa theo từng năm, từng tháng,...tại bất cứ thời điểm nào khi cần thiết để đáp ứng tốt trong tình hình mới.

Giai đoạn nâng cấp năm 2024 đã sửa đổi, bổ sung một số yêu cầu như sau:

- Bổ sung công thông tin tra cứu vi phạm hành chính: tổ chức cá nhân có thể tra cứu thông tin chung về tình hình vi phạm hành chính, theo dõi được các vụ việc vi phạm của bản thân cũng như tình hình xử lý.

- Chỉnh sửa/bổ sung các chức năng để phù hợp hơn với nhu cầu quản lý, khai thác số liệu.

- Tích hợp với cổng dịch vụ công quốc gia, cho phép tra cứu, nộp phạt vi phạm hành chính trực tuyến thông qua cổng dịch vụ công quốc gia.

3. Danh sách các đơn vị sử dụng hệ thống xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý thị trường

Dưới đây là danh sách tạm thời các đơn vị sử dụng hệ thống xử lý vi phạm hành chính. Danh sách chính thức sẽ được cập nhật sau khi công tác sáp nhập, chia, tách, sắp xếp tổ chức v.v. các địa phương và đơn vị trực thuộc được chính thức ban hành:

TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
A	Bộ Công Thương	TW
1	Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước	
2	Phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường	T00.01
3	Văn phòng Cục	T69.P002
4	Phòng Dự báo và Cân đối cung cầu	TW.P003
5	Phòng Hạ tầng thương mại	TW.P004
6	Phòng Chính sách - Pháp chế	TW.P005
7	Phòng Quản lý kinh doanh xăng dầu	TW.P006
B	Các đơn vị địa phương	
8	Chi cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội	T01
9	Đội Quản lý thị trường số 1	T01.01
10	Đội Quản lý thị trường số 2	T01.02
11	Đội Quản lý thị trường số 3	T01.03

TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
12	Đội Quản lý thị trường số 4	T01.04
13	Đội Quản lý thị trường số 5	T01.05
14	Đội Quản lý thị trường số 6	T01.06
15	Đội Quản lý thị trường số 7	T01.07
16	Đội Quản lý thị trường số 8	T01.08
17	Đội Quản lý thị trường số 9	T01.09
18	Đội Quản lý thị trường số 10	T01.10
19	Đội Quản lý thị trường số 11	T01.11
20	Đội Quản lý thị trường số 12	T01.12
21	Đội Quản lý thị trường số 13	T01.13
22	Đội Quản lý thị trường số 14	T01.14
23	Đội Quản lý thị trường số 15	T01.15
24	Đội Quản lý thị trường số 16	T01.16
25	Đội Quản lý thị trường số 17	T01.17
26	Đội Quản lý thị trường số 18	T01.18
27	Đội Quản lý thị trường số 19	T01.19
28	Đội Quản lý thị trường số 20	T01.20
29	Đội Quản lý thị trường số 21	T01.21
30	Đội Quản lý thị trường số 22	T01.22
31	Đội Quản lý thị trường số 23	T01.23
32	Đội Quản lý thị trường số 24	T01.24
33	Đội Quản lý thị trường số 25	T01.25
34	Phòng Tổ chức - Hành chính	T01.P002
35	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T01.P003
36	Phòng Kiểm tra	T01.P005
37	Chi cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh	T02
38	Đội Quản lý thị trường số 1	T02.01
39	Đội Quản lý thị trường số 2	T02.02
40	Đội Quản lý thị trường số 3	T02.03
41	Đội Quản lý thị trường số 4	T02.04
42	Đội Quản lý thị trường số 5	T02.05
43	Đội Quản lý thị trường số 6	T02.06
44	Đội Quản lý thị trường số 7	T02.07
45	Đội Quản lý thị trường số 8	T02.08
46	Đội Quản lý thị trường số 9	T02.09
47	Đội Quản lý thị trường số 10	T02.10
48	Đội Quản lý thị trường số 11	T02.11
49	Đội Quản lý thị trường số 12	T02.12
50	Đội Quản lý thị trường số 14	T02.14
51	Đội Quản lý thị trường số 15	T02.15
52	Đội Quản lý thị trường số 16	T02.16
53	Đội Quản lý thị trường số 17	T02.17
54	Đội Quản lý thị trường số 18	T02.18
55	Đội Quản lý thị trường số 19	T02.19
56	Phòng Tổ chức - Hành chính	T02.P002
57	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T02.P003
58	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T02.P004
59	Phòng Kiểm tra - Phối hợp Liên ngành	T02.P005

TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
60	Chi cục Quản lý thị trường thành phố Hải Phòng	T03
61	Đội Quản lý thị trường số 1	T03.01
62	Đội Quản lý thị trường số 2	T03.02
63	Đội Quản lý thị trường số 3	T03.03
64	Đội Quản lý thị trường số 4	T03.04
65	Đội Quản lý thị trường số 5	T03.05
66	Đội Quản lý thị trường số 6	T03.06
67	Đội Quản lý thị trường số 7	T03.07
68	Đội Quản lý thị trường số 8	T03.08
69	Phòng Tổ chức - Hành chính	T03.P002
70	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T03.P003
71	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T03.P004
72	Chi cục Quản lý thị trường Đà Nẵng	T04
73	Đội Quản lý thị trường số 1	T04.01
74	Đội Quản lý thị trường số 2	T04.02
75	Đội Quản lý thị trường số 3	T04.03
76	Đội Quản lý thị trường số 4	T04.04
77	Đội Quản lý thị trường số 5	T04.05
78	Đội Quản lý thị trường số 6	T04.06
79	Phòng Tổ chức - Hành chính	T04.P002
80	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T04.P003
81	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T04.P004
82	Chi cục Quản lý thị trường thành phố Cần Thơ	T05
83	Đội Quản lý thị trường số 1	T05.01
84	Đội Quản lý thị trường số 2	T05.02
85	Đội Quản lý thị trường số 3	T05.03
86	Đội Quản lý thị trường số 4	T05.04
87	Đội Quản lý thị trường số 5	T05.05
88	Đội Chống buôn lậu	T05.10
89	Đội Chống hàng giả	T05.11
90	Phòng Tổ chức - Hành chính	T05.P002
91	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T05.P003
92	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T05.P004
93	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Giang	T10
94	Đội Quản lý thị trường số 1	T10.01
95	Đội Quản lý thị trường số 2	T10.02
96	Đội Quản lý thị trường số 3	T10.03
97	Đội Quản lý thị trường số 4	T10.04
98	Đội Quản lý thị trường số 5	T10.05
99	Đội Quản lý thị trường số 6	T10.06
100	Đội Quản lý thị trường số 7	T10.07
101	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T10.P003
102	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Cao Bằng	T11
103	Đội Quản lý thị trường số 1	T11.01
104	Đội Quản lý thị trường số 2	T11.02
105	Đội Quản lý thị trường số 3	T11.03
106	Đội Quản lý thị trường số 4	T11.04
107	Đội Quản lý thị trường số 5	T11.05

TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
108	Đội Quản lý thị trường số 6	T11.06
109	Phòng Tổ chức - Hành chính	T11.P002
110	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T11.P003
111	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Lai Châu	T12
112	Đội Quản lý thị trường số 1	T12.01
113	Đội Quản lý thị trường số 2	T12.02
114	Đội Quản lý thị trường số 3	T12.03
115	Đội Quản lý thị trường số 4	T12.04
116	Đội Quản lý thị trường số 5	T12.05
117	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Lào Cai	T13
118	Đội Quản lý thị trường số 01	T13.01
119	Đội Quản lý thị trường số 02	T13.02
120	Đội Quản lý thị trường số 03	T13.03
121	Đội Quản lý thị trường số 04	T13.04
122	Đội Quản lý thị trường số 05	T13.05
123	Phòng Tổ chức - Hành chính	T13.P002
124	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T13.P003
125	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T13.P004
126	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Tuyên Quang	T14
127	Đội Quản lý thị trường số 1	T14.01
128	Đội Quản lý thị trường số 2	T14.02
129	Đội Quản lý thị trường số 3	T14.03
130	Đội Quản lý thị trường số 4	T14.04
131	Đội Quản lý thị trường số 5	T14.05
132	Phòng Tổ chức - Hành chính	T14.P002
133	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T14.P003
134	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T14.P004
135	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Lạng Sơn	T15
136	Đội Quản lý thị trường số 1	T15.01
137	Đội Quản lý thị trường số 2	T15.02
138	Đội Quản lý thị trường số 3	T15.03
139	Đội Quản lý thị trường số 4	T15.04
140	Đội Quản lý thị trường số 5	T15.05
141	Đội Quản lý thị trường số 6	T15.06
142	Đội Quản lý thị trường số 7	T15.07
143	Đội Quản lý thị trường số 8	T15.08
144	Phòng Tổ chức - Hành chính	T15.P002
145	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T15.P003
146	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T15.P004
147	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thái Nguyên	T16
148	Đội Quản lý thị trường số 1	T16.01
149	Đội Quản lý thị trường số 2	T16.02
150	Đội Quản lý thị trường số 3	T16.03
151	Đội Quản lý thị trường số 4	T16.04
152	Đội Quản lý thị trường số 5	T16.05
153	Phòng Tổ chức - Hành chính	T16.P002
154	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T16.P003
155	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Yên Bái	T17

TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
156	Đội Quản lý thị trường số 1	T17.01
157	Đội Quản lý thị trường số 2	T17.02
158	Đội Quản lý thị trường số 3	T17.03
159	Đội Quản lý thị trường số 4	T17.04
160	Phòng Tổ chức - Hành chính	T17.P002
161	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T17.P003
162	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T17.P004
163	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Sơn La	T18
164	Đội Quản lý thị trường số 1	T18.01
165	Đội Quản lý thị trường số 2	T18.02
166	Đội Quản lý thị trường số 3	T18.03
167	Đội Quản lý thị trường số 4	T18.04
168	Đội Quản lý thị trường số 5	T18.05
169	Đội Quản lý thị trường số 6	T18.06
170	Phòng Hành chính - Nghiệp vụ - Tổng hợp	T18.P002
171	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T18.P003
172	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T18.P004
173	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Phú Thọ	T19
174	Đội Quản lý thị trường số 1	T19.01
175	Đội Quản lý thị trường số 2	T19.02
176	Đội Quản lý thị trường số 3	T19.03
177	Đội Quản lý thị trường số 4	T19.04
178	Đội Quản lý thị trường số 5	T19.05
179	Đội Quản lý thị trường số 6	T19.06
180	Đội Quản lý thị trường số 7	T19.07
181	Phòng Tổ chức - Hành chính	T19.P002
182	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T19.P003
183	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T19.P004
184	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Ninh	T20
185	Đội Quản lý thị trường số 1	T20.01
186	Đội Quản lý thị trường số 2	T20.02
187	Đội Quản lý thị trường số 3	T20.03
188	Đội Quản lý thị trường số 4	T20.04
189	Đội Quản lý thị trường số 5	T20.05
190	Đội Quản lý thị trường số 6	T20.06
191	Đội Quản lý thị trường số 7	T20.07
192	Đội quản lý thị trường số 8	T20.08
193	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T20.P002
194	Phòng Tổ chức - Hành chính	T20.P003
195	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T20.P004
196	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang	T21
197	Đội Quản lý thị trường số 1	T21.01
198	Đội Quản lý thị trường số 2	T21.02
199	Đội Quản lý thị trường số 3	T21.03
200	Đội Quản lý thị trường số 4	T21.04
201	Đội Quản lý thị trường số 5	T21.05
202	Đội Quản lý thị trường số 6	T21.06
203	Phòng Tổ chức - Hành chính	T21.P002

TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
204	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T21.P003
205	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Hải Dương	T23
206	Đội Quản lý thị trường số 1	T23.01
207	Đội Quản lý thị trường số 2	T23.02
208	Đội Quản lý thị trường số 3	T23.03
209	Đội Quản lý thị trường số 4	T23.04
210	Đội Quản lý thị trường số 5	T23.05
211	Phòng Tổ chức - Hành chính	T23.P002
212	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T23.P003
213	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T23.P004
214	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Hòa Bình	T24
215	Đội Quản lý thị trường số 1	T24.01
216	Đội Quản lý thị trường số 2	T24.02
217	Đội Quản lý thị trường số 3	T24.03
218	Đội Quản lý thị trường số 4	T24.04
219	Phòng Hành Chính - Tổng hợp	T24.P002
220	Phòng Nghiệp vụ	T24.P003
221	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Nam Định	T25
222	Đội Quản lý thị trường số 1	T25.01
223	Đội Quản lý thị trường số 2	T25.02
224	Đội Quản lý thị trường số 3	T25.03
225	Đội Quản lý thị trường số 4	T25.04
226	Đội Quản lý thị trường số 5	T25.05
227	Phòng Tổ chức - Hành chính	T25.P002
228	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T25.P003
229	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T25.P004
230	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thái Bình	T26
231	Đội Quản lý thị trường số 1	T26.01
232	Đội Quản lý thị trường số 2	T26.02
233	Đội Quản lý thị trường số 3	T26.03
234	Đội Quản lý thị trường số 4	T26.04
235	Đội Quản lý thị trường số 5	T26.05
236	Phòng Tổ chức - Hành chính	T26.P002
237	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T26.P003
238	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T26.P004
239	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Thanh Hóa	T27
240	Đội Quản lý thị trường số 1	T27.01
241	Đội Quản lý thị trường số 2	T27.02
242	Đội Quản lý thị trường số 3	T27.03
243	Đội Quản lý thị trường số 4	T27.04
244	Đội Quản lý thị trường số 5	T27.05
245	Đội Quản lý thị trường số 6	T27.06
246	Đội Quản lý thị trường số 7	T27.07
247	Đội Quản lý thị trường số 8	T27.08
248	Đội Quản lý thị trường số 9	T27.09
249	Đội Quản lý thị trường số 10	T27.10
250	Đội Quản lý thị trường số 11	T27.11
251	Đội Quản lý thị trường số 12	T27.12

TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
252	Đội Quản lý thị trường số 13	T27.13
253	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T27.P003
254	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Ninh Bình	T28
255	Đội Quản lý thị trường số 1	T28.01
256	Đội Quản lý thị trường số 2	T28.02
257	Đội Quản lý thị trường số 3	T28.03
258	Đội Quản lý thị trường số 4	T28.04
259	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T28.P003
260	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T28.P004
261	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An	T29
262	Đội Quản lý thị trường số 1	T29.01
263	Đội Quản lý thị trường số 2	T29.02
264	Đội Quản lý thị trường số 3	T29.03
265	Đội Quản lý thị trường số 4	T29.04
266	Đội Quản lý thị trường số 5	T29.05
267	Đội Quản lý thị trường số 6	T29.06
268	Đội Quản lý thị trường số 7	T29.07
269	Đội Quản lý thị trường số 8	T29.08
270	Đội Quản lý thị trường số 9	T29.09
271	Đội Quản lý thị trường số 10	T29.10
272	Đội Quản lý thị trường số 11	T29.11
273	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T29.P003
274	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T29.P004
275	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Tĩnh	T30
276	Đội Quản lý thị trường số 1	T30.01
277	Đội Quản lý thị trường số 2	T30.02
278	Đội Quản lý thị trường số 3	T30.03
279	Đội Quản lý thị trường số 4	T30.04
280	Đội Quản lý thị trường số 5	T30.05
281	Đội Quản lý thị trường số 6	T30.06
282	Phòng Tổ chức - Hành Chính	T30.P002
283	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T30.P003
284	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Bình	T31
285	Đội Quản lý thị trường số 1	T31.01
286	Đội Quản lý thị trường số 2	T31.02
287	Đội Quản lý thị trường số 3	T31.03
288	Đội Quản lý thị trường số 4	T31.04
289	Đội Quản lý thị trường số 5	T31.05
290	Đội Quản lý thị trường số 6	T31.06
291	Phòng Tổ chức - Tổng hợp	T31.P002
292	Phòng Nghiệp vụ - Pháp chế	T31.P003
293	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị	T32
294	Đội Quản lý thị trường số 1	T32.01
295	Đội Quản lý thị trường số 2	T32.02
296	Đội Quản lý thị trường số 3	T32.03
297	Đội Quản lý thị trường số 4	T32.04
298	Phòng Tổ chức - Hành chính	T32.P002
299	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T32.P003

TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
300	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T32.P004
301	Chi cục Quản lý thị trường Huế	T33
302	Đội Quản lý thị trường số 1	T33.01
303	Đội Quản lý thị trường số 2	T33.02
304	Đội Quản lý thị trường số 3	T33.03
305	Đội Quản lý thị trường số 4	T33.04
306	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T33.P003
307	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T33.P004
308	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Nam	T34
309	Đội Quản lý thị trường số 1	T34.01
310	Đội Quản lý thị trường số 2	T34.02
311	Đội Quản lý thị trường số 3	T34.03
312	Đội Quản lý thị trường số 4	T34.04
313	Đội Quản lý thị trường số 5	T34.05
314	Đội Quản lý thị trường số 6	T34.06
315	Đội Quản lý thị trường số 7	T34.07
316	Đội Quản lý thị trường số 8	T34.08
317	Đội Quản lý thị trường số 9	T34.09
318	Phòng Nghiệp vụ - Pháp chế	T34.P003
319	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Ngãi	T35
320	Đội Quản lý thị trường số 1	T35.01
321	Đội Quản lý thị trường số 2	T35.02
322	Đội Quản lý thị trường số 3	T35.03
323	Phòng Tổ chức - Hành chính	T35.P003
324	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T35.P004
325	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Kon Tum	T36
326	Đội Quản lý thị trường số 1	T36.01
327	Đội Quản lý thị trường số 2	T36.02
328	Đội Quản lý thị trường số 3	T36.03
329	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T36.P003
330	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T36.P004
331	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Định	T37
332	Đội Quản lý thị trường số 1	T37.01
333	Đội Quản lý thị trường số 2	T37.02
334	Đội Quản lý thị trường số 3	T37.03
335	Đội Quản lý thị trường số 4	T37.04
336	Đội Quản lý thị trường số 5	T37.05
337	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T37.P003
338	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T37.P004
339	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Gia Lai	T38
340	Đội Quản lý thị trường số 1	T38.01
341	Đội Quản lý thị trường số 2	T38.02
342	Đội Quản lý thị trường số 3	T38.03
343	Đội Quản lý thị trường số 4	T38.04
344	Đội Quản lý thị trường số 5	T38.05
345	Đội Quản lý thị trường số 6	T38.06
346	Đội Quản lý thị trường số 7	T38.07
347	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T38.P003

TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
348	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T38.P004
349	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Phú Yên	T39
350	Đội Quản lý thị trường số 1	T39.01
351	Đội Quản lý thị trường số 2	T39.02
352	Đội Quản lý thị trường số 3	T39.03
353	Đội Quản lý thị trường số 4	T39.04
354	Đội Quản lý thị trường số 5	T39.05
355	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T39.P003
356	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T39.P004
357	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Đắk Lắk	T40
358	Đội Quản lý thị trường số 1	T40.01
359	Đội Quản lý thị trường số 2	T40.02
360	Đội Quản lý thị trường số 3	T40.03
361	Đội Quản lý thị trường số 4	T40.04
362	Đội Quản lý thị trường số 5	T40.05
363	Đội Quản lý thị trường Thương mại điện tử, cơ động	T40.06
364	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T40.P002
365	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T40.P003
366	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Khánh Hòa	T41
367	Đội Quản lý thị trường số 1	T41.01
368	Đội Quản lý thị trường số 2	T41.02
369	Đội Quản lý thị trường số 3	T41.03
370	Đội Quản lý thị trường số 4	T41.04
371	Đội Quản lý thị trường số 5	T41.05
372	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T41.P003
373	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T41.P004
374	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Lâm Đồng	T42
375	Đội Quản lý thị trường số 1	T42.01
376	Đội Quản lý thị trường số 2	T42.02
377	Đội Quản lý thị trường số 3	T42.03
378	Đội Quản lý thị trường số 4	T42.04
379	Đội Quản lý thị trường số 5	T42.05
380	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T42.P003
381	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Dương	T43
382	Đội Quản lý thị trường số 1	T43.01
383	Đội Quản lý thị trường số 2	T43.02
384	Đội Quản lý thị trường số 3	T43.03
385	Đội Quản lý thị trường số 4	T43.04
386	Đội Quản lý thị trường số 5	T43.05
387	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T43.P003
388	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T43.P004
389	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Ninh Thuận	T44
390	Đội Quản lý thị trường số 1	T44.01
391	Đội Quản lý thị trường số 2	T44.02
392	Đội Quản lý thị trường số 3	T44.03
393	Đội Quản lý thị trường số 4	T44.04
394	Phòng Nghiệp vụ - Pháp chế	T44.P003
395	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T44.P004

TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
396	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Tây Ninh	T45
397	Đội Quản lý thị trường số 1	T45.01
398	Đội Quản lý thị trường số 2	T45.02
399	Đội Quản lý thị trường số 3	T45.03
400	Đội Quản lý thị trường số 4	T45.04
401	Đội Quản lý thị trường số 5	T45.05
402	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T45.P003
403	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T45.P004
404	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Thuận	T46
405	Đội Quản lý thị trường số 1	T46.01
406	Đội Quản lý thị trường số 2	T46.02
407	Đội Quản lý thị trường số 3	T46.03
408	Đội Quản lý thị trường số 4	T46.04
409	Đội Quản lý thị trường số 5	T46.05
410	Phòng Tổ chức - Hành chính	T46.P002
411	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T46.P003
412	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T46.P011
413	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Nai	T47
414	Đội Quản lý thị trường số 1	T47.01
415	Đội Quản lý thị trường số 2	T47.02
416	Đội Quản lý thị trường số 3	T47.03
417	Đội Quản lý thị trường số 4	T47.04
418	Đội Quản lý thị trường số 5	T47.05
419	Đội Quản lý thị trường số 6	T47.06
420	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T47.P003
421	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T47.P004
422	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Long An	T48
423	Đội Quản lý thị trường số 1	T48.01
424	Đội Quản lý thị trường số 2	T48.02
425	Đội Quản lý thị trường số 3	T48.03
426	Đội Quản lý thị trường số 4	T48.04
427	Đội Quản lý thị trường số 5	T48.05
428	Đội Quản lý thị trường Cơ động	T48.06
429	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T48.P003
430	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T48.P004
431	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp	T49
432	Đội Quản lý thị trường số 1	T49.01
433	Đội Quản lý thị trường số 2	T49.02
434	Đội Quản lý thị trường số 3	T49.03
435	Đội Quản lý thị trường số 4	T49.04
436	Phòng Tổ chức - Hành chính	T49.P002
437	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T49.P003
438	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T49.P004
439	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh An Giang	T50
440	Đội Quản lý thị trường số 1	T50.01
441	Đội Quản lý thị trường số 2	T50.02
442	Đội Quản lý thị trường số 3	T50.03
443	Đội Quản lý thị trường số 4	T50.04

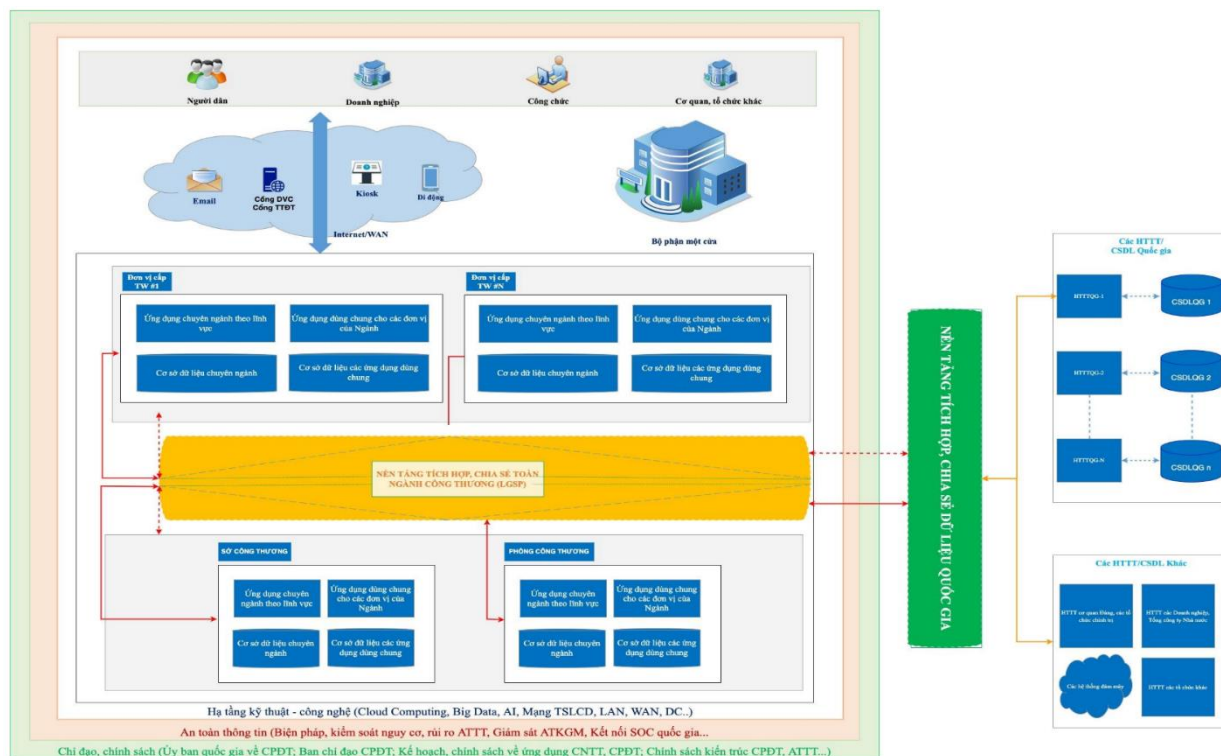
TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
444	Đội Quản lý thị trường số 5	T50.05
445	Đội Quản lý thị trường số 6	T50.06
446	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T50.P002
447	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T50.P003
448	Phòng Tổ chức - Hành chính	T50.P004
449	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	T51
450	Đội Quản lý thị trường số 1	T51.01
451	Đội Quản lý thị trường số 2	T51.02
452	Đội Quản lý thị trường số 3	T51.03
453	Đội Quản lý thị trường số 4	T51.04
454	Phòng Tổ chức - Hành chính	T51.P002
455	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T51.P003
456	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Tiền Giang	T52
457	Đội Quản lý thị trường số 1	T52.01
458	Đội Quản lý thị trường số 2	T52.02
459	Đội Quản lý thị trường số 3	T52.03
460	Đội Quản lý thị trường số 4	T52.04
461	Đội Quản lý thị trường số 5	T52.05
462	Đội Quản lý thị trường số 6	T52.06
463	Đội Quản lý thị trường số 7	T52.07
464	Đội Quản lý thị trường số 8	T52.08
465	Đội Quản lý thị trường số 9	T52.09
466	Phòng Tổ chức - Hành chính	T52.P002
467	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T52.P003
468	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T52.P004
469	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Kiên Giang	T53
470	Đội Quản lý thị trường số 1	T53.01
471	Đội Quản lý thị trường số 2	T53.02
472	Đội Quản lý thị trường số 3	T53.03
473	Đội Quản lý thị trường số 4	T53.04
474	Đội Quản lý thị trường số 5	T53.05
475	Đội Quản lý thị trường số 6	T53.06
476	Đội Quản lý thị trường số 7	T53.07
477	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T53.P003
478	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T53.P004
479	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Hậu Giang	T54
480	Đội Quản lý thị trường số 1	T54.01
481	Đội Quản lý thị trường số 2	T54.02
482	Đội Quản lý thị trường số 3	T54.03
483	Đội Quản lý thị trường số 4	T54.04
484	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T54.P003
485	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T54.P004
486	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bến Tre	T55
487	Đội Quản lý thị trường số 1	T55.01
488	Đội Quản lý thị trường số 2	T55.02
489	Đội Quản lý thị trường số 3	T55.03
490	Đội Quản lý thị trường số 4	T55.04
491	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T55.P003

TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
492	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T55.P004
493	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Vĩnh Long	T56
494	Đội Quản lý thị trường số 1	T56.01
495	Đội Quản lý thị trường số 2	T56.02
496	Đội Quản lý thị trường số 3	T56.03
497	Đội Quản lý thị trường số 4	T56.04
498	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T56.P003
499	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T56.P004
500	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Trà Vinh	T57
501	Đội Quản lý thị trường số 1	T57.01
502	Đội Quản lý thị trường số 2	T57.02
503	Đội Quản lý thị trường số 3	T57.03
504	Đội Quản lý thị trường số 4	T57.04
505	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T57.P003
506	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T57.P004
507	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Sóc Trăng	T58
508	Đội Quản lý thị trường số 1	T58.01
509	Đội Quản lý thị trường số 2	T58.02
510	Đội Quản lý thị trường số 3	T58.03
511	Đội Quản lý thị trường số 4	T58.04
512	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T58.P003
513	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T58.P004
514	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Cà Mau	T59
515	Đội Quản lý thị trường số 1	T59.01
516	Đội Quản lý thị trường số 2	T59.02
517	Đội Quản lý thị trường số 3	T59.03
518	Đội Quản lý thị trường số 5	T59.05
519	Đội Quản lý thị trường số 6	T59.06
520	Phòng Tổ chức – Hành chính	T59.P002
521	Phòng nghiệp vụ - Tổng hợp	T59.P003
522	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Kạn	T60
523	Đội Quản lý thị trường số 1	T60.01
524	Đội Quản lý thị trường số 2	T60.02
525	Đội Quản lý thị trường số 3	T60.03
526	Đội Quản lý thị trường số 4	T60.04
527	Phòng Tổ chức - Hành chính	T60.P002
528	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T60.P003
529	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Vĩnh Phúc	T61
530	Đội Quản lý thị trường số 1	T61.01
531	Đội Quản lý thị trường số 2	T61.02
532	Đội Quản lý thị trường số 3	T61.03
533	Đội Quản lý thị trường số 4	T61.04
534	Đội Quản lý thị trường số 5	T61.05
535	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T61.P003
536	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T61.P004
537	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Ninh	T62
538	Đội Quản lý thị trường số 1	T62.01
539	Đội Quản lý thị trường số 2	T62.02

TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ ĐƠN VỊ
540	Đội Quản lý thị trường số 3	T62.03
541	Đội Quản lý thị trường số 4	T62.04
542	Đội Quản lý thị trường số 5	T62.05
543	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T62.P003
544	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T62.P004
545	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Hưng Yên	T63
546	Đội Quản lý thị trường số 1	T63.01
547	Đội Quản lý thị trường số 2	T63.02
548	Đội Quản lý thị trường số 3	T63.03
549	Đội Quản lý thị trường Cơ động	T63.04
550	Đội Quản lý thị trường số 7	T63.07
551	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T63.P003
552	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Nam	T64
553	Đội Quản lý thị trường số 1	T64.01
554	Đội Quản lý thị trường số 2	T64.02
555	Đội Quản lý thị trường số 3	T64.03
556	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T64.P003
557	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T64.P004
558	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bình Phước	T65
559	Đội Quản lý thị trường số 1	T65.01
560	Đội Quản lý thị trường số 2	T65.02
561	Đội Quản lý thị trường số 3	T65.03
562	Đội Quản lý thị trường số 4	T65.04
563	Đội Quản lý thị trường số 5	T65.05
564	Đội Quản lý thị trường số 6	T65.06
565	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T65.P003
566	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T65.P004
567	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Bạc Liêu	T66
568	Đội Quản lý thị trường số 1	T66.01
569	Đội Quản lý thị trường số 2	T66.02
570	Đội Quản lý thị trường số 3	T66.03
571	Đội Quản lý thị trường số 4	T66.04
572	Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp	T66.P003
573	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T66.P004
574	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Điện Biên	T67
575	Đội Quản lý thị trường số 1	T67.01
576	Đội Quản lý thị trường số 2	T67.02
577	Đội Quản lý thị trường số 3	T67.03
578	Đội Quản lý thị trường số 4	T67.04
579	Phòng Nghiệp vụ - Hành chính - Tổng hợp	T67.P003
580	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T67.P004
581	Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Đắk Nông	T68
582	Đội Quản lý thị trường số 1	T68.01
583	Đội Quản lý thị trường số 2	T68.02
584	Đội Quản lý thị trường số 3	T68.03
585	Đội Quản lý thị trường số 4	T68.04
586	Phòng Nghiệp vụ - Pháp chế	T68.P003
587	Phòng Thanh tra - Pháp chế	T68.P004

III. TUÂN THỦ KIẾN TRÚC CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

Thiết kế chi tiết các hạng mục đầu tư của dự án phải tuân thủ Kiến trúc chính phủ điện tử Bộ Công thương được ban hành theo Quyết định số 1785/QĐ-BCT ngày 11/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Công Thương phiên bản 2.0.



Sơ đồ khái quát Kiến trúc Bộ điện tử, phiên bản 2.0

Các thành phần chính trong hình trên được mô tả cụ thể như sau:

Người sử dụng: Là các tác nhân tham gia sử dụng dịch vụ của Bộ Công Thương, bao gồm: Lãnh đạo Bộ; Cán bộ của Vụ Kế hoạch Tài chính, Quản lý doanh nghiệp; Kế toán trưởng, kế toán viên và các cán bộ được phân công thực hiện công tác quản lý tài chính kế toán của các đơn vị trực thuộc bộ; lãnh đạo, cán bộ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan.

Kênh giao tiếp: Hệ thống Bộ điện tử có những kênh triển khai dịch vụ khác nhau. Các đối tượng trong lớp Người dùng và hệ thống bên ngoài có thể tương tác, truy cập và sử dụng các dịch vụ do Bộ Công Thương cung cấp. Người dùng giao tiếp với hệ thống thông qua các kênh (các phương thức) mà hệ thống trao đổi thông tin với người sử dụng.

Các hệ thống ngoài: Là các hệ thống bên trong và bên ngoài hệ thống chính trị Việt Nam như: Các Cơ sở dữ liệu hoặc hệ thống thông tin cấp Quốc gia, các hệ thống thông tin của các bộ, ngành liên quan (Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ...), các hệ thống thông tin của

các địa phương, các hệ thống thông tin của các đối tác, đơn vị cung cấp sử dụng dịch vụ (như Cổng thanh toán Ngân hàng ...). Các hệ thống bên ngoài này được tương tác trực tiếp với các hệ thống của Bộ điện tử thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp (LGSP) trừ các trường hợp bắt buộc phải thực hiện kết nối, chia sẻ, liên thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ quốc gia (NGSP)

Dữ liệu và ứng dụng: Là các hệ thống ứng dụng, cơ sở dữ liệu của Bộ Công Thương cần xây dựng/phát triển mới hoặc nâng cấp từ các hệ thống đã có (nếu đủ điều kiện), bảo đảm đáp ứng nhu cầu thực tế của Bộ Công Thương, giúp cung cấp các dịch vụ tốt hơn cho công dân, doanh nghiệp. Các ứng dụng của Bộ Công Thương cơ bản gồm: 1) Các ứng dụng/CSDL chuyên ngành theo từng lĩnh vực cụ thể thuộc thẩm quyền/trách nhiệm quản lý nhà nước của các cơ quan hành chính trong bộ máy chính quyền; 2) Các ứng dụng dùng chung cấp thành phố cho các cơ quan sử dụng để bảo đảm tính kết nối liên thông, đồng bộ, thống nhất, tránh đầu tư dàn trải lãng phí.

Kỹ thuật - công nghệ: Thành phần kỹ thuật - công nghệ bao gồm các thành phần kỹ thuật công nghệ thông tin (CNTT) như máy tính, thiết bị lưu trữ, hạ tầng truyền dẫn LAN (mạng cục bộ), WAN (mạng diện rộng), hạ tầng kỹ thuật dùng chung (trung tâm dữ liệu,...). Dựa trên hiện trạng, nhu cầu, giải pháp kỹ thuật đề xuất áp dụng các công nghệ, xu thế công nghệ tiên tiến hiện nay như Điện toán đám mây (Cloud Computing), Trí tuệ nhân tạo (AI), Dữ liệu lớn (Big Data), Internet kết nối vạn vật (IoT), ...

An toàn thông tin: Việc bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển Bộ điện tử phải được triển khai cụ thể, thống nhất, đồng bộ giữa các thành phần trong Sơ đồ khái quát Bộ điện tử. Hệ thống bảo đảm an toàn thông tin quy mô quốc gia bao gồm các hệ thống chính: Hệ thống hỗ trợ giám sát và phòng chống tấn công mạng vào các hệ thống CPĐT; Hệ thống tổng hợp, phân tích, chia sẻ và cảnh báo các mối đe dọa, nguy cơ về an toàn thông tin. Các hệ thống thành phần được kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống kỹ thuật của Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia phục vụ hoạt động hỗ trợ giám sát và phòng chống tấn công mạng và điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin.

Chỉ đạo, chính sách: Bao gồm các công tác chỉ đạo, quản lý, tổ chức, hướng dẫn, đào tạo, môi trường pháp lý, truyền thông nhằm bảo đảm các điều kiện triển khai các hệ thống thông tin của Bộ điện tử.

Mô hình kiến trúc của Hệ thống xử lý vi phạm hành chính, Hệ thống quản lý tài chính kế toán, Hệ thống phân tích dữ liệu và dự báo biến động giá cả thị trường được xây dựng phù hợp với các kiến trúc: nghiệp vụ, dữ liệu, ứng dụng, kỹ thuật – công nghệ và an toàn thông tin trong kiến trúc chính phủ điện tử của Bộ Công Thương. Sự tuân thủ này được thể hiện trong mục **1. Phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ cho Hệ thống xử lý vi phạm hành chính**, Phần IV ngay sau đây.

IV. YÊU CẦU KỸ THUẬT NÂNG CẤP PHẦN MỀM

1. Phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ cho Hệ thống xử lý vi phạm hành chính

1.1 Phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, thiết bị

1.1.1 Phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, thiết bị phần mềm nghiệp vụ

Hệ thống xử lý vi phạm hành chính được xây dựng và triển khai năm 2019 và nâng cấp trong các năm 2022, 2023, 2024 trên các nền tảng công nghệ sau:

- Hệ điều hành máy chủ: Windows Server.
- Hệ quản trị CSDL: SQL Server.
- Framework: Microsoft .NET.
- Hạ tầng kỹ thuật, thiết bị phục vụ vận hành: Cài đặt, vận hành phần mềm trên hạ tầng kỹ thuật thuê của nhà cung cấp dịch vụ.

Tiếp tục áp dụng phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, thiết bị nêu trên của giai đoạn trước để thực hiện bảo trì, sửa chữa phần mềm, cụ thể:

- Công cụ lập trình: Microsoft Visual Studio 2017 trở lên.
- Nền tảng, công nghệ: Microsoft .NET 4.5 trở lên.
- Ngôn ngữ lập trình: C#, ASP.NET, CSS, HTML, XML, AJAX.
- Công cụ thiết kế báo cáo: Crystal Report, Microsoft Report Viewer hoặc tương đương.
- Web server: IIS 10 trở lên.
- Môi trường mạng: LAN, WAN, Internet.
- Hệ điều hành máy chủ: Windows Server 2019 trở lên.
- Hệ quản trị CSDL: SQL Server 2016 trở lên.
- Máy trạm: Hệ điều hành Linux, Windows.
- Trình duyệt web: Microsoft Edge, Firefox, Chrome,...
- Hạ tầng kỹ thuật, thiết bị phục vụ vận hành: Cài đặt, vận hành phần mềm trên hạ tầng kỹ thuật thuê của nhà chủ đầu tư.

1.1.2 Phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, thiết bị để đưa Trí tuệ nhân tạo vào ứng dụng

Kỹ thuật công nghệ áp dụng:

- Hệ điều hành máy chủ: Ubuntu 22.04 LTS
- Hệ quản trị CSDL: Mysql 8.x
- Framework/Middleware: FastAPI hoặc Node.js (áp dụng cho tầng API trung gian) hoặc tương đương
- Nền tảng AI: PyTorch 2.x, TensorFlow 2.x (dùng để huấn luyện và triển khai mô hình học máy) hoặc tương đương

- Cơ sở dữ liệu Vector: ElasticSearch 8.x
- Hệ thống quản lý File: Minio RELEASE.2025-06-13T11-33-47Z
- Hệ thống quản lý Cache: Redis bản Valkey 8
- Hệ thống message queue xử lý bất đồng bộ: Kafka 3.x hoặc Redis Stream hoặc tương đương
- Sử dụng nền tảng opensource RAGFlow
- Công cụ lập trình: Microsoft Visual Studio Code, Jupyter Notebook, PyCharm...
- Ngôn ngữ lập trình: Python 3.11 trở lên, JavaScript (cho giao diện web), ReAct (cho logic tác nhân AI) hoặc tương đương
- Web server: Nginx hoặc Uvicorn (đối với FastAPI) hoặc tương đương
- Môi trường mạng: LAN, WAN, Internet
- Máy trạm: Hệ điều hành Ubuntu, Linux Mint, Windows 10/11
- Trình duyệt web: Chrome, Firefox, Microsoft Edge, Safari,...

Hạ tầng máy chủ phục vụ ứng dụng AI: Phân hệ chatbot AI sẽ được triển khai trên 02 máy chủ (theo mô hình High Availability), cấu hình mỗi máy chủ như sau:

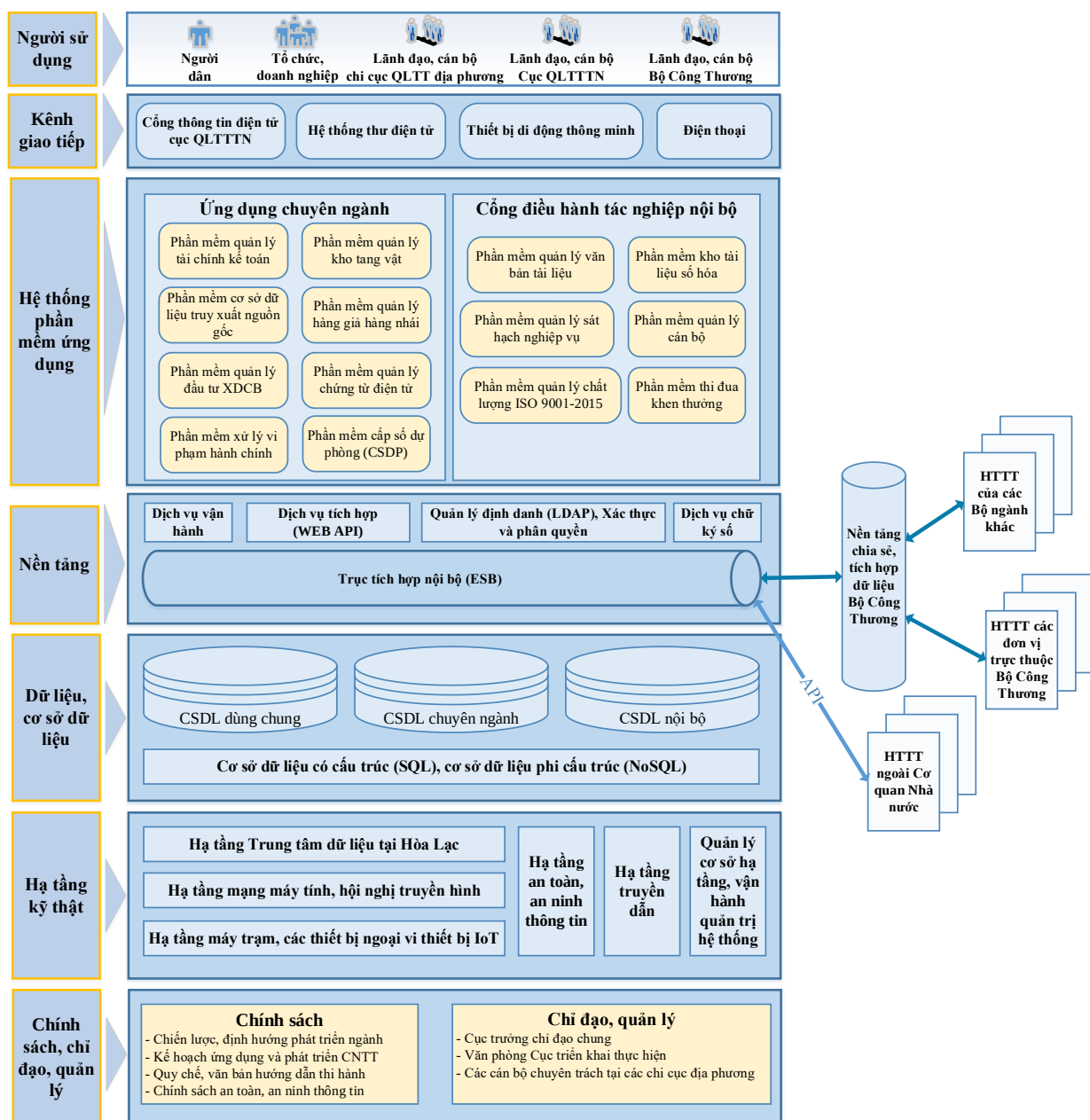
- GPU: 1 x NVIDIA A100 80GB hoặc H100 (mỗi GPU có thể phục vụ 25-30 CCU nếu dùng quantized model)
- CPU: 64 cores
- RAM: 512 GB
- Storage: 2TB NVMe SSD (lưu trữ embedding, knowledge, logs...)
- Network: 10 Gbps (intranet + public access)

Hạ tầng kỹ thuật, thiết bị phục vụ vận hành: Cài đặt, vận hành phần mềm trên hạ tầng kỹ thuật thuê của chủ đầu tư (không thực hiện đầu tư thuê/mua trong dự án).

1.2 Phương án, giải pháp bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan

Mô hình kiến trúc hệ thống thông tin của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước:

Kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước đảm bảo tính đồng nhất, an ninh, an toàn dữ liệu và đạt tiêu chuẩn về điều kiện hạ tầng cho các Trung tâm dữ liệu lớn. Kiến trúc tổng thể của hệ thống tuân thủ kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Công Thương ban hành theo Quyết định số 4849/QĐ-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương, thể hiện theo mô hình sau:



Mô hình kiến trúc HTTT của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước

Trong sơ đồ trên, tại tầng Dữ liệu, cơ sở dữ liệu, CSDL dùng chung là các CSDL đang vận hành dùng chung cho các phần mềm ứng dụng của Cục trong đó có hệ thống cơ sở dữ liệu LDAP để đồng bộ danh mục tài khoản người dùng và quản lý xác thực, hệ thống SSO để cho phép đăng nhập một lần đối với các ứng dụng.

Hiện tại Hệ thống Xử lý vi phạm hành chính được tích hợp, kết nối với các hệ thống khác thông qua trục tích hợp ESB của Cục, các phần mềm được tích hợp, kết nối gồm:

- Tích hợp với hệ thống LDAP để đồng bộ danh mục tài khoản người dùng và quản lý xác thực.

- Tích hợp với hệ thống SSO để cho phép đăng nhập một lần.
- Tích hợp với phần mềm Quản lý cán bộ để sử dụng chung danh mục cơ cấu tổ chức toàn ngành và danh sách các cán bộ trên toàn Cục. Phương thức kết nối thông qua Web Service.
- Tích hợp với hệ thống Phần mềm quản lý, tra cứu chứng từ điện tử trao đổi dữ liệu hồ sơ vụ việc.
- Tích hợp với hệ thống Phần mềm quản lý về hàng giả, hàng nhái, buôn lậu, gian lận thương mại và vi phạm sở hữu trí tuệ (HGHN) trao đổi dữ liệu tổ chức/cá nhân, tin báo vi phạm.
- Tích hợp với hệ thống cổng thông tin điện tử và phần mềm kho dữ liệu trao đổi dữ liệu tang vật, phương tiện thu giữ.
- Phần mềm kết nối với hệ thống cấp số dự phòng (CSDP) cho các trường hợp đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra tại vùng sâu, vùng xa và trong trường hợp hệ thống chính có sự cố.

2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng

Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước được công bố tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước cụ thể như sau:

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1	Tiêu chuẩn về kết nối			
1.1	Truyền siêu văn bản	HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	Bắt buộc áp dụng
		HTTP v2.0	Hypertext Transfer Protocol version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
1.2	Truyền tệp tin	FTP	File Transfer Protocol	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	
		HTTP v2.0	Hypertext Transfer Protocol version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		WebDAV	Web-based Distributed Authoring and Versioning	Khuyến nghị áp dụng
1.3	Truyền, phát luồng âm thanh/ hình ảnh	RTSP	Real-time Streaming Protocol	Khuyến nghị áp dụng
		RTP	Real-time Transport Protocol	Khuyến nghị áp dụng
		RTCP	Real-time Control Protocol	Khuyến nghị áp dụng
1.4	Truy cập và chia sẻ dữ liệu	OData v4	Open Data Protocol version 4.0	Khuyến nghị áp dụng
1.5	Truyền	SMTP/ MIME	Simple Mail Transfer	Bắt buộc áp

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
	thư điện tử		Protocol/Multipurpose Internet Mail Extensions	dùng
1.6	Cung cấp dịch vụ truy cập hộp thư điện tử	POP3	Post Office Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng cả hai tiêu chuẩn đối với máy chủ
		IMAP 4rev1	Internet Message Access Protocol version 4 revision 1	
1.7	Truy cập thư mục	LDAP v3	Lightweight Directory Access Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng
1.8	Dịch vụ tên miền	DNS	Domain Name System	Bắt buộc áp dụng
1.9	Giao vận mạng có kết nối	TCP	Transmission Control Protocol	Bắt buộc áp dụng
1.10	Giao vận mạng không kết nối	UDP	User Datagram Protocol	Bắt buộc áp dụng
1.11	Liên mạng LAN/WAN	IPv4	Internet Protocol version 4	Bắt buộc áp dụng
		IPv6	Internet Protocol version 6	Bắt buộc áp dụng đối với các thiết bị có kết nối Internet
1.12	Mạng cục bộ không dây	IEEE 802.11g	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11g	Bắt buộc áp dụng
		IEEE 802.11n	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11n	Khuyến nghị áp dụng
1.13	Truy cập Internet với thiết bị không dây	WAP v2.0	Wireless Application Protocol version 2.0	Bắt buộc áp dụng
1.14	Dịch vụ Web dạng SOAP	SOAP v1.2	Simple Object Access Protocol version 1.2	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		WSDL V2.0	Web Services Description Language version 2.0	
		UDDI v3	Universal Description, Discovery and Integration version 3	
1.15	Dịch vụ Web dạng RESTful	RESTful web service	Representational state transfer	Khuyến nghị áp dụng
1.16	Dịch vụ đặc tả Web	WS BPEL v2.0	Web Services Business Process Execution Language Version 2.0	Khuyến nghị áp dụng

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		WS-I Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Federation v1.2	Web Services Federation Language Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Addressing v1.0	Web Services Addressing 1.0	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Coordination Version 1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Policy v1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		OASIS Web Services Business Activity Version 1.2	Web Services Business Activity Version 1.2	Khuyến nghị áp dụng
		WS-Discovery Version 1.1	Web Services Dynamic Discovery Version 1.1	Khuyến nghị áp dụng
		WS-MetadataExchange	Web Services Metadata Exchange	Khuyến nghị áp dụng
1.17	Dịch vụ đồng bộ thời gian	NTPv3	Network Time Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		NTPv4	Network Time Protocol version 4	
2	Tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu			
2.1	Ngôn ngữ định dạng văn bản	XML v1.0 (5 th Edition)	Extensible Markup Language version 1.0 (5 th Edition)	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		XML v1.1 (2 nd Edition)	Extensible Markup Language version 1.1	
2.2	Ngôn ngữ định dạng văn bản cho giao dịch điện tử	ISO/TS 15000:2014	Electronic Business Extensible Markup Language (ebXML)	Bắt buộc áp dụng
2.3	Định nghĩa các lược đồ trong tài liệu XML	XML Schema V1.1	XML Schema version 1.1	Bắt buộc áp dụng
2.4	Biến đổi	XSL	Extensible Stylesheet	Bắt buộc áp

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
	dữ liệu		Language	dùng phiên bản mới nhất.
2.5	Mô hình hóa đối tượng	UML v2.5	Unified Modelling Language version 2.5	Khuyến nghị áp dụng
2.6	Mô tả tài nguyên dữ liệu	RDF	Resource Description Framework	Khuyến nghị áp dụng
		OWL	Web Ontology Language	Khuyến nghị áp dụng
2.7	Trình diễn bộ kí tự	UTF-8	8-bit Universal Character Set (UES)/Unicode Transformation Format	Bắt buộc áp dụng
2.8	Khuôn thức trao đổi thông tin địa lý	GML v3.3	Geography Markup Language version 3.3	Bắt buộc áp dụng
2.9	Truy cập và cập nhật các thông tin địa lý	WMS v1.3.0	OpenGIS Web Map Service version 1.3.0	Bắt buộc áp dụng
		WFS v1.1.0	Web Feature Service version 1.1.0	Bắt buộc áp dụng
2.10	Trao đổi dữ liệu đặc tả tài liệu XML	XMI v2.4.2	XML Metadata Interchange version 2.4.2	Khuyến nghị áp dụng
2.11	Sổ đăng ký siêu dữ liệu (MDR)	ISO/IEC 11179:2015	Sổ đăng ký siêu dữ liệu (Metadata registries - MDR)	Khuyến nghị áp dụng
2.12	Bộ phân tử siêu dữ liệu Dublin Core	ISO 15836-1:2017	Bộ phân tử siêu dữ liệu Dublin Core	Khuyến nghị áp dụng(*)
2.13	Định dạng trao đổi dữ liệu mô tả đối tượng dạng kịch bản JavaScript	JSON RFC 7159	JavaScript Object Notation	Khuyến nghị áp dụng
2.14	Ngôn ngữ mô hình quy trình nghiệp vụ	BPMN 2.0	Business Process Model and Notation version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
3	Tiêu chuẩn về truy cập thông tin			
3.1	Chuẩn nội dung Web	HTML v4.01	Hypertext Markup Language version 4.01	Bắt buộc, áp dụng

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		WCAG 2.0	W3C Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.0	Khuyến nghị áp dụng
		HTML 5	Hypertext Markup Language version 5	Khuyến nghị áp dụng
3.2	Chuẩn nội dung Web mở rộng	XHTML v1.1	Extensible Hypertext Markup Language version 1.1	Bắt buộc áp dụng
3.3	Giao diện người dùng	CSS2	Cascading Style Sheets Language Level 2	Bắt buộc áp dụng một trong ba tiêu chuẩn
		CSS3	Cascading Style Sheets Language Level 3	
		XSL	Extensible Stylesheet Language version	
3.4	Văn bản	(.txt)	Định dạng Plain Text (.txt): Dành cho các tài liệu cơ bản không có cấu trúc	Bắt buộc áp dụng
		(.rtf) v1.8, v1.9.1	Định dạng Rich Text (.rtf) phiên bản 1.8, 1.9.1: Dành cho các tài liệu có thể trao đổi giữa các nền khác nhau	Bắt buộc áp dụng
		(.docx)	Định dạng văn bản Word mở rộng của Microsoft (.docx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.pdf) v1.4, v1.5, v1.6, v1.7	Định dạng Portable Document (.pdf) phiên bản 1.4, 1.5, 1.6, 1.7: Dành cho các tài liệu chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.doc)	Định dạng văn bản Word của Microsoft (.doc)	
		(.odt) v1.2	Định dạng Open Document Text (.odt) phiên bản 1.2	
3.5	Bảng tính	(.csv)	Định dạng Comma eparated Variable/Delimited (.csv): Dành cho các bảng tính cần trao đổi giữa các ứng dụng khác nhau.	Bắt buộc áp dụng
		(.xlsx)	Định dạng bảng tính Excel mở rộng của Microsoft (.xlsx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.xls)	Định dạng bảng tính Excel của Microsoft (.xls)	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		(.ods) v1.2	Định dạng Open Document Spreadsheets (.ods) phiên bản 1.2	
3.6	Trình diễn	(.htm)	Định dạng Hypertext Document (.htm): cho các trình bày được trao đổi thông qua các loại trình duyệt khác nhau	Bắt buộc áp dụng

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
		(.pptx)	Định dạng PowerPoint mở rộng của Microsoft (.pptx)	Khuyến nghị áp dụng
		(.pdf)	Định dạng Portable Document (.pdf): cho các trình bày lưu dưới dạng chỉ đọc	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.ppt)	Định dạng PowerPoint (.ppt) của Microsoft	
		(.odp) v1.2	Định dạng Open Document Presentation (.odp) phiên bản 1.2	
3.7	Ảnh đồ họa	JPEG	Joint Photographic Expert Group (.jpg)	Bắt buộc áp dụng một, hai, ba hoặc cả bốn tiêu chuẩn
		GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	
		TIFF	Tag Image File (.tif)	
		PNG	Portable Network Graphics (.png)	
3.8	Ảnh gắn với tọa độ địa lý	GEO TIFF	Tagged Image File Format for GIS applications	Bắt buộc áp dụng
3.9	Phim ảnh, âm thanh	MPEG-1	Moving Picture Experts Group-1	Khuyến nghị áp dụng
		MPEG-2	Moving Picture Experts Group-2	Khuyến nghị áp dụng
		MPEG-4	Moving Picture Experts Group-4	Khuyến nghị áp dụng
		MP3	MPEG-1 Audio Layer 3	Khuyến nghị áp dụng
		AAC	Advanced Audio Coding	Khuyến nghị áp dụng
3.10	Luồng phim ảnh, âm thanh	(.asf), (.wma), (.wmv)	Các định dạng của Microsoft Windows Media Player (.asf), (.wma), (.wmv)	Khuyến nghị áp dụng
		(.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Các định dạng Real Audio/Real Video (.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Khuyến nghị áp dụng
		(.avi), (.mov), (.qt)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi), (.mov), (.qt)	Khuyến nghị áp dụng
3.11	Hoạt họa	GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	Khuyến nghị áp dụng
		(.swf)	Định dạng Macromedia Flash (.swf)	Khuyến nghị áp dụng
		(.swf)	Định dạng Macromedia Shockwave (.swf)	Khuyến nghị áp dụng
		(.avi), (.qt), (.mov)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi), (.qt), (.mov)	Khuyến nghị áp dụng
3.12	Chuẩn nội dung cho	WML v2.0	Wireless Markup Language version 2.0	Bắt buộc áp dụng

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
	thiết bị di động			
3.13	Bộ ký tự và mã hóa	ASCII	American Standard Code for Information Interchange	Bắt buộc áp dụng
3.14	Bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt	TCVN 6909:2001	TCVN 6909:2001 “Công nghệ thông tin - Bộ mã ký tự tiếng Việt 16-bit”	Bắt buộc áp dụng
3.15	Nén dữ liệu	Zip	Zip (.zip)	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		.gz v4.3	GNU Zip (.gz) version 4.3	
3.16	Ngôn ngữ kịch bản phía trình khách	ECMA 262	ECMAScript version 6 (6 th Edition)	Bắt buộc áp dụng
3.17	Chia sẻ nội dung Web	RSS v1.0	RDF Site Summary version 1.0	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		RSS v2.0	Really Simple Syndication version 2.0	
		ATOM v1.0	ATOM version 1.0	Khuyến nghị áp dụng
3.18	Chuẩn kết nối ứng dụng công thông tin điện tử	JSR 168	Java Specification Requests 168 (Portlet Specification)	Bắt buộc áp dụng
		JSR286	Java Specification Requests 286 (Portlet Specification)	Khuyến nghị áp dụng
		WSRP v1.0	Web Services for Remote Portlets version 1.0	Bắt buộc áp dụng
		WSRP v2.0	Web Services for Remote Portlets version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4	Tiêu chuẩn về an toàn thông tin			
4.1	An toàn thư điện tử	S/MIME v3.2	Secure Multi-purpose Internet Mail Extensions version 3.2	Bắt buộc áp dụng
		OpenPGP	OpenPGP	Khuyến nghị áp dụng
4.2	An toàn tầng giao vận	SSH v2.0	Secure Shell version 2.0	Bắt buộc áp dụng
		TLS v1.2	Transport Layer Security version 1.2	Bắt buộc áp dụng
4.3	An toàn truyền tệp tin	HTTPS	Hypertext Transfer Protocol Secure	Bắt buộc áp dụng
		FTPS	File Transfer Protocol Secure	Khuyến nghị áp dụng
		SFTP	SSH File Transfer Protocol	Khuyến nghị áp dụng
4.4	An toàn truyền thư điện tử	SMTPS	Simple Mail Transfer Protocol Secure	Bắt buộc áp dụng

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
4.5	An toàn dịch vụ truy cập hộp thư	POP3S	Post Office Protocol version 3 Secure	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		IMAPS	Internet Message Access Protocol Secure	
4.6	An toàn dịch vụ DNS	DNSSEC	Domain Name System Security Extensions	Khuyến nghị áp dụng
4.7	An toàn tầng mạng	IPsec - IP ESP	Internet Protocol security với IP ESP	Bắt buộc áp dụng
4.8	An toàn thông tin cho mạng không dây	WPA2	Wi-fi Protected Access 2	Bắt buộc áp dụng
4.9	Giải thuật mã hóa	TCVN 7816:2007	Công nghệ thông tin. Kỹ thuật mật mã thuật toán mã dữ liệu AES	Khuyến nghị áp dụng
		3DES	Triple Data Encryption Standard	Khuyến nghị áp dụng
		PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard - version 2.2	Khuyến nghị áp dụng, sử dụng lược đồ RSAES-OAEP để mã hóa
		ECC	Elliptic Curve Cryptography	Khuyến nghị áp dụng
4.10	Giải thuật chữ ký số	PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard - version 2.2	Bắt buộc áp dụng, sử dụng lược đồ RSASSA-PSS để ký
		ECDSA	Elliptic Curve Digital Signature Algorithm	Khuyến nghị áp dụng
4.11	Giải thuật băm cho chữ ký số	SHA-2	Secure Hash Algorithms-2	Khuyến nghị áp dụng
4.12	Giải thuật truyền khóa	RSA-KEM	Rivest-Shamir-Adleman - KEM (Key Encapsulation Mechanism) Key Transport Algorithm	Bắt buộc áp dụng
		ECDHE	Elliptic Curve Diffie Hellman Ephemeral	Khuyến nghị áp dụng
4.13	Giải pháp xác thực người sử dụng	SAML v2.0	Security Assertion Markup Language version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4.14	An toàn trao đổi	XML Encryption	XML Encryption Syntax and Processing	Bắt buộc áp dụng

TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
	bản tin XML	Syntax and Processing		
		XML Signature Syntax and Processing	XML Signature Syntax and Processing	Bắt buộc áp dụng
4.15	Quản lý khóa công khai bản tin XML	XKMS v2.0	XML Key Management Specification version 2.0	Khuyến nghị áp dụng
4.16	Giao thức an toàn thông tin cá nhân	P3P v1.1	Platform for Privacy Preferences Project version 1.1	Khuyến nghị áp dụng
4.17	Hạ tầng khóa công khai			Khuyến nghị áp dụng
	Cú pháp thông điệp mật mã cho ký, mã hóa	PKCS#7 v1.5 (RFC 2315)	Cryptographic message syntax for file-based signing and encrypting version 1.5	
	Cú pháp thông tin thẻ mật mã	PKCS#15 v1.1	Cryptographic token information syntax version 1.1	
	Cú pháp thông tin khóa riêng	PKCS#8 V1.2 (RFC 5958)	Private-Key Information Syntax Standard version 1.2	
	Giao diện thẻ mật mã	PKCS#11 v2.2 0	Cryptographic token interface standard version 2.20	
	Cú pháp trao đổi thông tin cá nhân	PKCS#12 v1.1	Personal Information Exchange Syntax version 1.1	
	Khuôn dạng danh sách chứng thư số thu hồi	RFC 5280	Certificate Revocation List Profile	
	Khuôn dạng chứng thư số	RFC 5280	Public Key Infrastructure Certificate	
	Cú pháp yêu cầu chứng thực	PKCS#10 v1.7 (RFC 2986)	Certification Request Syntax Specification version 1.7	
	Giao thức trạng thái chứng thư trực tuyến	RFC 6960	On-line Certificate status protocol	

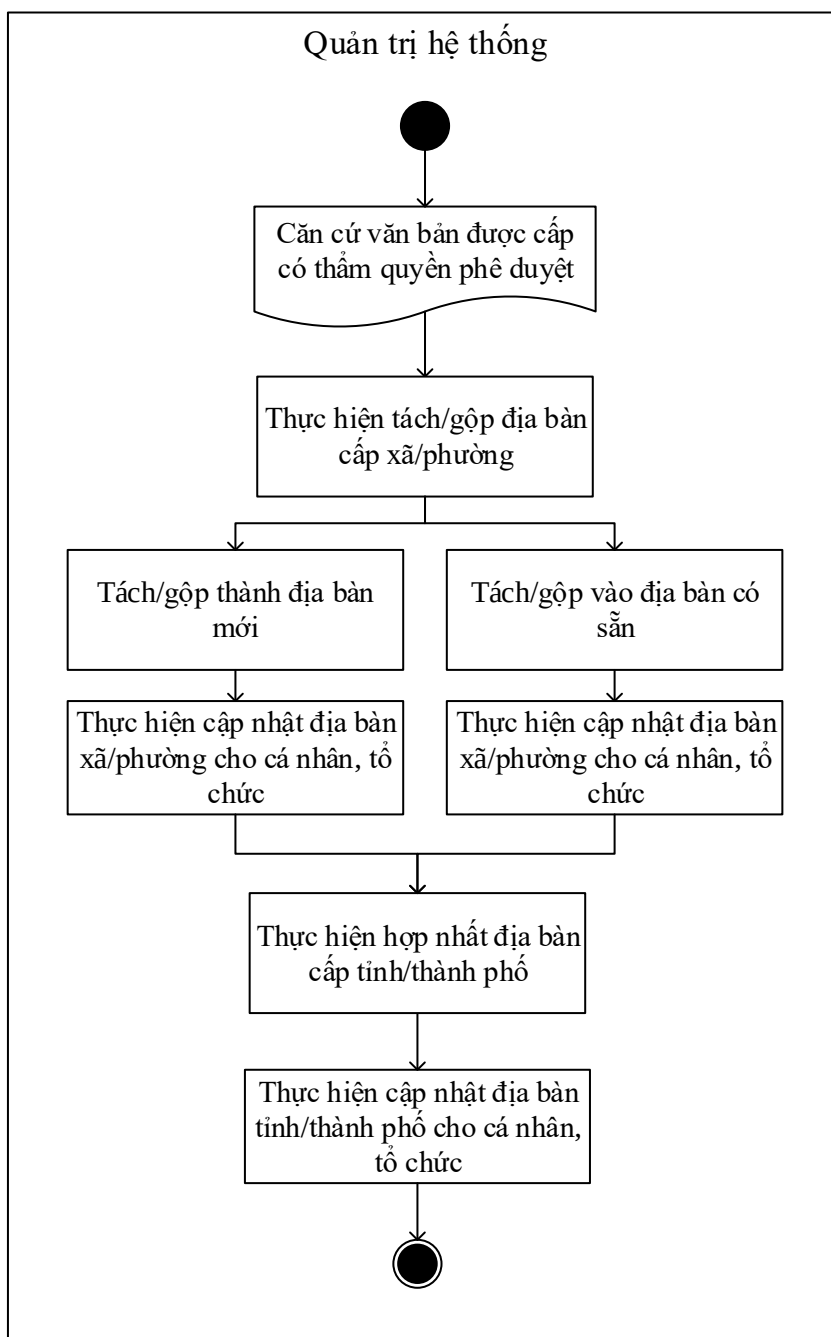
TT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
	Giao thức gắn tem thời gian	RFC 3161	Time stamping protocol	
	Dịch vụ tem thời gian	ISO/IEC 18014-1:2008 ISO/IEC 18014-2:2009 ISO/IEC 18014-3:2009 ISO/IEC 18014-4:2015	Information technology Security techniques - Time stamping services Part 1: Framework Part 2: Mechanisms producing independent tokens Part 3: Mechanisms producing linked tokens Part 4: Traceability of time sources	
4.18	An toàn cho dịch vụ Web	WS-Security v1.1.1	Web Services Security: SOAP Message Security Version 1.1.1	Khuyến nghị áp dụng
4.19	Khuôn dạng dữ liệu trao đổi sự cố an toàn mạng	RFC 7970	The Incident Object Description Exchange Format version 2 (IODEF)	Khuyến nghị áp dụng

Các yêu cầu an toàn cơ bản đối với phần mềm nội bộ được công bố tại Quyết định số 742/QĐ-BTTTT ngày 22/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành yêu cầu an toàn cơ bản đối với phần mềm nội bộ.

3. Các quy trình nghiệp vụ cần được nâng cấp, bổ sung

3.1 Quy trình cập nhật địa bàn hành chính

Sơ đồ quy trình:



Mô tả các bước của quy trình:

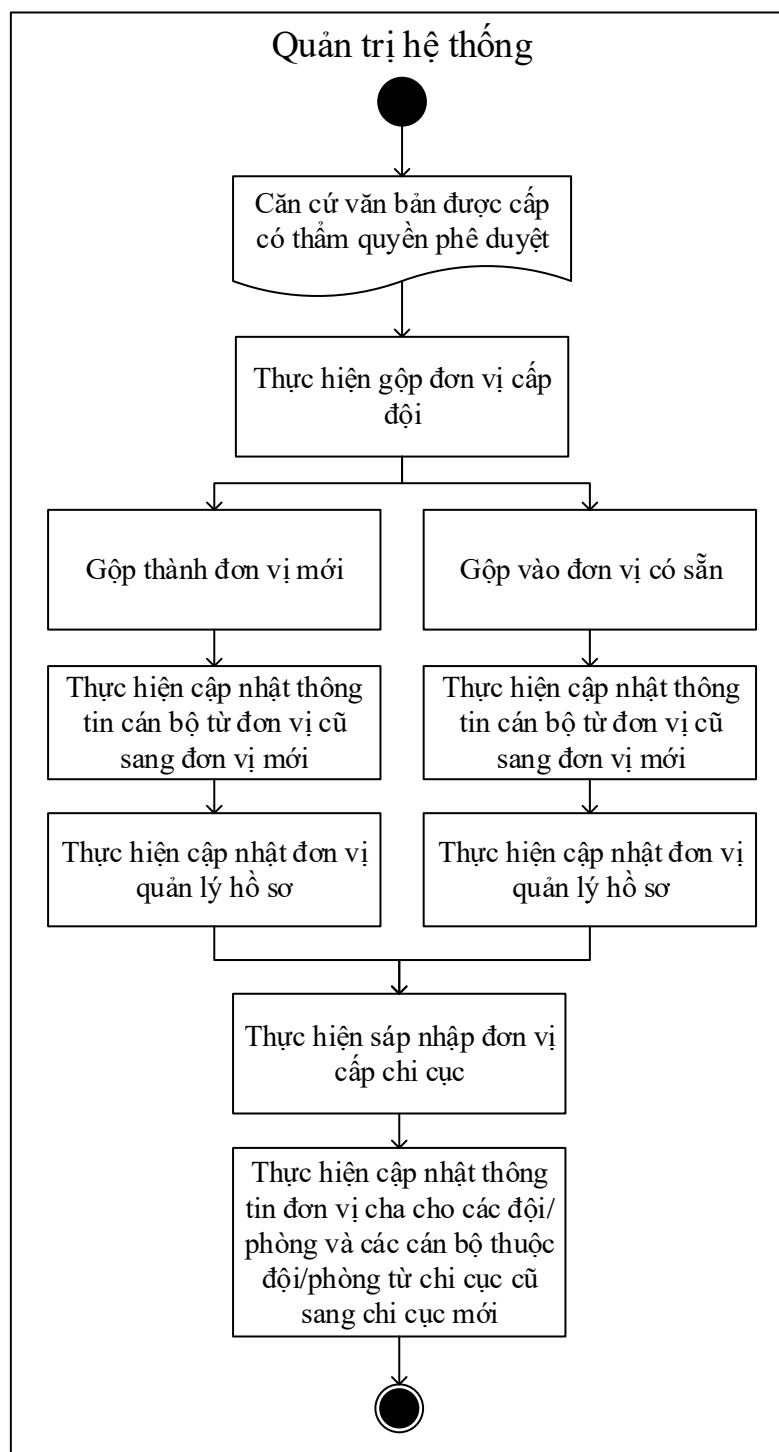
TT	Tên bước	Mô tả	Đối tượng thực hiện
1	Căn cứ văn bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Căn cứ các văn bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt về việc tách, gộp địa bàn.	
2	Thực hiện tách/gộp địa bàn cấp xã/phường	Quản trị hệ thống thực hiện tách/gộp địa bàn cấp xã/phường theo nội dung văn bản đã ban hành.	Quản trị hệ thống

TT	Tên bước	Mô tả	Đối tượng thực hiện
2.1	Tách/gộp thành địa bàn mới	Trường hợp tách/gộp các địa bàn cũ thành địa bàn mới: Quản trị hệ thống thực hiện chọn các xã/phường cần tách/gộp, nhập thông tin xã/phường mới và thực hiện chức năng tách/gộp địa bàn.	Quản trị hệ thống
2.1.1	Thực hiện cập nhật địa bàn xã/phường cho cá nhân, tổ chức	Quản trị hệ thống có thể thực hiện cập nhật địa bàn xã/phường cho các cá nhân, tổ chức thuộc địa bàn đã tách/gộp.	Quản trị hệ thống
2.2	Tách/gộp vào địa bàn có sẵn	Trường hợp tách/gộp các địa bàn cũ vào địa bàn có sẵn: Quản trị hệ thống thực hiện chọn các xã/phường cần tách/gộp, chọn xã/phường được giữ lại và thực hiện chức năng tách/gộp địa bàn.	Quản trị hệ thống
2.2.1	Thực hiện cập nhật địa bàn xã/phường cho cá nhân, tổ chức	Quản trị hệ thống có thể thực hiện cập nhật địa bàn xã/phường cho các cá nhân, tổ chức thuộc địa bàn đã tách/gộp.	Quản trị hệ thống
3	Thực hiện hợp nhất địa bàn cấp tỉnh/thành phố	Quản trị hệ thống căn cứ vào các văn bản được ban hành, thực hiện chọn các địa bàn cấp tỉnh/thành phố cần hợp nhất, chọn tỉnh được giữ lại và thực hiện chức năng hợp nhất địa bàn cấp tỉnh/thành phố.	Quản trị hệ thống
4	Thực hiện cập nhật địa bàn tỉnh/thành phố cho cá nhân, tổ chức	Hệ thống xử lý vi phạm hành chính (INS) thực hiện xử lý, cập nhật cá nhân tổ chức thuộc địa bàn cấp tỉnh/thành phố cũ sẽ được sang địa bàn mới.	Hệ thống xử lý vi phạm hành chính

3.2 Quy trình cập nhật đơn vị

- Hệ thống xử lý vi phạm hành chính

Sơ đồ quy trình:



Mô tả các bước của quy trình:

TT	Tên bước	Mô tả	Đối tượng thực hiện
1	Căn cứ văn bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Căn cứ các văn bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt về việc tách, gộp địa bàn.	
2	Thực hiện gộp đơn vị	Quản trị hệ thống thực hiện gộp địa đơn vị	Quản trị hệ

TT	Tên bước	Mô tả	Đối tượng thực hiện
	cấp đội	cấp đội theo nội dung văn bản đã ban hành.	thống
2.1	Gộp thành đơn vị mới	Trường hợp gộp các đơn vị cấp đội cũ thành đơn vị cấp đội mới: Quản trị hệ thống thực hiện chọn các đội cần gộp, nhập thông tin đội mới và thực hiện chức năng gộp đơn vị.	Quản trị hệ thống
2.1.1	Thực hiện cập nhật thông tin cán bộ từ đơn vị cũ sang đơn vị mới	Quản trị hệ thống có thể thực hiện cập nhật cho các cá nhân, tổ chức thuộc đội cũ sang đội mới.	Quản trị hệ thống
2.1.2	Thực hiện cập nhật đơn vị quản lý hồ sơ	Quản trị hệ thống có thể thực hiện cập nhật đơn vị quản lý hồ sơ cho các hồ sơ thuộc đội cũ sang đội mới.	Quản trị hệ thống
2.2	Gộp vào đơn vị có sẵn	Trường hợp gộp các đội cũ vào đội có sẵn: Quản trị hệ thống thực hiện chọn các đội cần gộp, chọn đội được giữ lại, nhập các thông tin của đội được giữ lại và thực hiện chức năng gộp đơn vị.	Quản trị hệ thống
2.2.1	Thực hiện cập nhật thông tin cán bộ từ đơn vị cũ sang đơn vị mới	Quản trị hệ thống có thể thực hiện cập nhật cho các cá nhân, tổ chức thuộc đội cũ sang đội mới.	Quản trị hệ thống
2.2.2	Thực hiện cập nhật đơn vị quản lý hồ sơ	Quản trị hệ thống có thể thực hiện cập nhật đơn vị quản lý hồ sơ cho các hồ sơ thuộc đội cũ sang đội mới.	Quản trị hệ thống
3	Thực hiện sáp nhập đơn vị cấp chi cục	Quản trị hệ thống căn cứ các văn bản được ban hành, thực hiện chọn các chi cục cần gộp, chọn chi cục được giữ lại, nhập các thông tin của chi cục được giữ lại và thực hiện chức năng sáp nhập đơn vị cấp chi cục.	Quản trị hệ thống
4	Thực hiện cập nhật thông tin đơn vị cha cho các đội/phòng và các cán bộ thuộc đội/phòng từ chi cục cũ sang chi cục mới	Hệ thống xử lý vi phạm hành chính (INS) thực hiện xử lý, cập nhật thông tin đơn vị cha cho các đội/phòng từ chi cục cũ sang chi cục mới; Cán bộ thuộc đội/phòng của Chi cục cũ sẽ mặc định chuyển theo đội/phòng quản lý sang chi cục mới	Hệ thống xử lý vi phạm hành chính

4. Các yêu cầu nâng cấp, bổ sung

4.1 Yêu cầu nâng cấp, bổ sung về nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính

STT	Yêu cầu
A	Chỉnh sửa, bổ sung các chức năng đáp ứng yêu cầu theo Nghị định 68/2025/NĐ-CP
1	Cập nhật Quyết định hủy bỏ của UBND.
2	Cập nhật Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần của UBND.
3	Cập nhật Quyết định đính chính của UBND.
4	Cập nhật Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính của UBND.
5	Cảnh báo đối tượng theo hành vi vi phạm tại QĐ 01, QĐ 02, BB01.
6	Cập nhật Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản_ MQĐ01.
7	Cập nhật Quyết định xử phạt vi phạm hành chính_ MQĐ02.
8	Cập nhật Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính_ MQĐ38.
9	Cập nhật Quyết định đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính_ MQĐ39.
10	Cập nhật Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính_ MQĐ40.
11	Cập nhật Biên bản vi phạm hành chính_ MBB01.
12	Cập nhật Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính_ MBB05.
13	Cập nhật Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính MBB27.
14	Cập nhật Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - MQĐ11.
B	Chỉnh sửa, bổ sung các chức năng đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ về thay đổi địa bàn hành chính
15	Bổ sung chức năng sáp nhập địa bàn.
16	Cập nhật các biên bản, quyết định và các văn bản khác liên quan đến việc thay đổi địa bàn hành chính
17	Điều chỉnh, bổ sung các chức năng trên phần mềm đáp ứng yêu cầu về thay đổi địa bàn hành chính
C	Chỉnh sửa, bổ sung các chức năng đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ về thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức
18	Quyết định số 939/QĐ-BCT ngày 02/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.
19	Thực hiện chỉnh sửa biểu mẫu phù hợp với việc thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức của đơn vị
D	Chỉnh sửa, bổ sung các chức năng đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ theo yêu cầu của người dùng
20	Phương án kiểm tra (MS10): Chỉnh sửa các thông tin thuộc khối Thành viên đoàn kiểm tra, điều kiện tìm kiếm cá nhân, tổ chức. Bổ sung các thông tin căn cứ vào văn bản chỉ đạo, thông tin liên quan đến thương mại điện tử.
21	Biểu mẫu MS04, MS01, MS03: Chỉnh sửa lại nội dung hiển thị trên biểu mẫu đối với khối căn cứ vào quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị
22	Biên bản vi phạm hành chính (BB01): - Chỉnh sửa thông tin Có người đại diện làm việc, thông tin chọn căn cứ tang vật, thông tin quyền và thời hạn giải trình, thời gian vi phạm hành chính, địa điểm vi phạm hành chính, thông tin căn cứ biên bản. Bổ sung thông tin "Nhóm hành vi" và "Hình thức xử lý" tại bảng tang vật, phương tiện, giấy tờ

STT	Yêu cầu
	- Biểu mẫu xem trước/tải về chỉnh sửa khối thông tin đối với trường hợp Có người đại diện làm việc, bỏ hiển thị căn cứ số quyết định
23	Chỉnh sửa Kế hoạch định kỳ/chuyên đề: - Khi cấp Cục thực hiện kiểm tra theo kế hoạch chỉ được phép chọn cá nhân, tổ chức thuộc danh sách cục đã đưa vào kiểm tra theo kế hoạch - Bổ sung thêm tiêu chí tìm kiếm các nhân, tổ chức thực hiện đưa vào kế hoạch kiểm tra; Không cho phép xóa cá nhân, tổ chức đã được kiểm tra ra khỏi danh sách
24	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (QĐ02): Chỉnh sửa căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính và Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính, chỉnh sửa cho phép chọn thông tin Nhóm hành vi, Hình thức xử lý đồng thời cho nhiều tang vật. Bổ sung thông tin hình thức xử lý "Buộc phân phối và đưa vào sử dụng"
25	Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (MS01): - Chỉnh sửa danh sách cá nhân, tổ chức cần kiểm tra theo kế hoạch của QLTT; - Chỉnh sửa biểu mẫu xem trước/tải về tại khối thông tin Thành viên đoàn kiểm tra, chỉnh sửa biểu mẫu đối với trường hợp đối tượng kiểm tra là hộ kinh doanh"; - Chỉnh sửa biểu mẫu xem trước/tải về Biên bản vi phạm hành chính (BB01): Biểu mẫu xem trước/tải về chỉnh sửa khối thông tin đối với trường hợp Có người đại diện làm việc, bỏ hiển thị căn cứ số quyết định, chỉnh sửa biểu mẫu trường hợp có từ 2 hành vi vi phạm trở lên
26	Quyết định xử phạt của UBND: Chỉnh sửa thông tin tại bảng hành vi vi phạm, thông tin trị giá hàng hóa tiêu hủy. Bổ sung các thông tin đối tượng xử phạt, bảng tang vật, phương tiện, giấy tờ.
27	Quản lý cá nhân tổ chức: Chỉnh sửa các thông tin như thông tin tìm kiếm, Lịch sử thay đổi cá nhân/tổ chức, Danh sách cá nhân/tổ chức, Địa điểm kinh doanh. Bổ sung/chỉnh sửa thông tin "Ngày áp dụng" đối với các chức năng thêm mới/sửa/ lịch sử thay đổi/địa điểm kinh doanh của cá nhân, tổ chức
28	Báo cáo tình hình cập nhật tiền xử phạt: Bổ sung thêm điều kiện xuất hồ sơ vượt thẩm quyền ở cấp đội, chỉnh sửa thông tin Tổng số tiền nộp NSNN
29	Báo cáo tình hình cập nhật hồ sơ: - Bổ sung thêm thông tin Số tiền xử phạt đã nộp, Vụ liên quan đến Thương mại điện tử, Tổng tiền phạt tại QĐXP, Tiền lãi đã nộp, Tên đối tượng kiểm tra, xử phạt; Chỉnh sửa các thông tin: Tổng tiền thu nộp ngân sách, Số tiền xử phạt đã nộp, Tổng tiền phạt tại QĐXP đã nộp NSNN - Chỉnh sửa lại cách lấy dữ liệu tại thông tin QĐXP của QLTT, QĐXP của UBND, Vụ liên quan đến Thương mại điện tử, Tổng tiền phạt đã nộp, Tổng thu nộp NSNN, Giá trị hàng hóa buộc tiêu hủy, cho phép xuất hồ sơ vượt thẩm quyền
30	Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS06: Chỉnh sửa các thông tin Kết quả kiểm tra, tiêu chí tìm kiếm, danh sách thông tin cá nhân/tổ chức, Tổ chức/cá nhân vắng mặt hoặc có tình trốn tránh, Người đại diện/Tên ủy ban nhân dân/cơ quan công an xã/Chức vụ
31	Đề xuất kiểm tra theo thủ tục hành chính - MS09: - Chỉnh sửa khối thông tin tìm kiếm; - Chỉnh sửa biểu mẫu xem trước/tải về tại thông tin tên đề xuất, nội dung gửi
32	Tra cứu theo kế hoạch: Chỉnh sửa các thông tin Trạng thái, bổ sung các cột thông tin Số QĐXP, Số tiền xử phạt tại Danh sách cá nhân/tổ chức.
33	Báo cáo kết quả xác minh/giám sát (MS08) ngoài hồ sơ: Bổ sung thông tin Năm ban hành QĐ phân công.

STT	Yêu cầu
34	Bổ sung chức năng Xác minh gửi lại/Chuyển về hồ sơ thường ở tài khoản Tổng cục trưởng.
35	Biên bản xác minh hoặc làm việc - MS07: Chính sửa biểu mẫu tại thông tin Đại diện, chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức trường hợp là tổ chức (thông tin Nghề nghiệp, Địa chỉ, Quốc tịch).
36	Các quyết định giao quyền MS03, QĐ 34, QĐ 35, QĐ 36: Chính sửa các thông tin Số thẻ KTTT, Hạn sử dụng.
37	Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ_BB16: Chính sửa cách hiển thị dữ liệu tại thông tin "Chủ sở hữu tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ".
38	Hồ sơ gộp: Chính sửa khi lập Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề_QĐ 20 bỏ bắt buộc trong hồ sơ phải có Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề_BB15
39	Bổ sung chức năng cho phép chọn cá nhân, tổ chức từ trên hệ thống đối với một số văn bản thuộc nhóm QĐ/BB xử phạt vi phạm hành chính, nhóm QĐ/BB thi hành xử phạt vi phạm hành chính, nhóm QĐ/BB hoãn, sửa đổi xử phạt vi phạm hành chính, nhóm QĐ khám/kiểm tra, nhóm QĐ giao quyền, nhóm QĐ cưỡng chế, nhóm QĐ/BB tạm giữ, nhóm QĐ/BB bàn giao, tiếp nhận, nhóm QĐ/BB khác.
40	Báo cáo theo nhóm hàng hóa/tang vật: Bổ sung thêm thông tin Tang vật tịch thu, Tang vật tiêu hủy. Chính sửa, bổ sung cách thống kê dữ liệu từ QĐXP của UBND
41	Báo cáo thẩm tra/xác minh, Báo cáo quản lý địa bàn (MS08), Đề xuất kiểm tra/khám (MS09) bổ sung chức năng cho phép công chức và cấp phó thuộc đội/phòng gửi báo cáo/đề xuất vượt cấp.
42	Chính sửa biểu mẫu tại thông tin thẩm quyền ban hành văn bản và chân ký đối với cán bộ tạm quyền phụ trách đối với văn bản thuộc nhóm QĐ xử phạt vi phạm hành chính, nhóm QĐ thi hành xử phạt vi phạm hành chính, nhóm QĐ hoãn, sửa đổi xử phạt vi phạm hành chính, nhóm QĐ khám/kiểm tra, nhóm QĐ giao quyền, nhóm QĐ cưỡng chế, nhóm QĐ tạm giữ, nhóm QĐ bàn giao, tiếp nhận, nhóm QĐ khác
43	Chính sửa biểu mẫu xem trước/tải về của Biên bản vi phạm hành chính (BB01) và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (QĐ02) trường hợp có từ 2 hành vi vi phạm trở lên
44	Tra cứu theo mặt hàng/Tra cứu theo hành vi vi phạm: Chính sửa tiêu chí tra cứu và Thẩm quyền, phạm vi tra cứu theo phân cấp tài khoản
45	Tra cứu theo cá nhân/tổ chức: Bổ sung thêm thông tin “Hình thức xử phạt bổ sung” và “Biện pháp khắc phục hậu” tại Danh sách hồ sơ
46	Phương án khám (MS10): Bổ sung thêm thông tin Liên quan đến TMĐT, chỉnh sửa thông tin địa điểm của khối thông tin cá nhân, tổ chức
47	Địa điểm kinh doanh thuộc tổ chức: Chính sửa thông tin tình trạng hoạt động; Địa điểm kinh doanh không thuộc tổ chức: Chính sửa các thông tin: Tên địa điểm kinh doanh, Ngày áp dụng, Thuộc đội quản lý
48	Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính –QĐ14: Chính sửa các thông tin: Căn cứ kết quả thông báo trên, Đơn vị niêm yết công khai, Thời gian đăng báo, Chọn căn cứ lấy phương tiện/ tang vật/giấy tờ. Bổ sung thêm thông tin: Căn cứ, Tổng giá trị hàng hóa tịch thu
49	Disable khối thông tin cá nhân/tổ chức tại một số văn bản thuộc nhóm QĐ thi hành xử phạt vi phạm hành chính, nhóm QĐ khám/kiểm tra, nhóm QĐ cưỡng chế, nhóm QĐ/BB tạm giữ, nhóm QĐ bàn giao, tiếp nhận, nhóm QĐ/BB khác.
50	Thêm mới chức năng Quản lý thông tin người đại diện

STT	Yêu cầu
51	Bổ sung chức năng thêm mới thông tin người đại diện tại màn hình thêm mới cá nhân/tổ chức
52	Quản lý cá nhân/tổ chức, trường hợp thêm mới cá nhân bổ sung các thông tin như: Giới tính, Điện thoại, Số CCCD/ CMTND/ GPTL/ hộ chiếu...
53	Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MQĐ27, chỉnh sửa các thông tin: Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động" "Ngày cấp, Nơi cấp".
54	Chức năng Tiền tiêu hủy tang vật/hàng hóa chỉnh sửa các thông tin: Số biên bản giám sát tiêu hủy tang, Biên bản tiêu hủy, Ngày biên bản.
55	Tiền tiêu hủy tang vật/hàng hóa thực hiện thêm mới, tại danh sách tang vật/hàng hóa chỉ hiển thị tang vật có hình thức xử lý là "Buộc tiêu hủy" theo QĐXP đã chọn.
56	Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề (QĐ 21): trường hợp đối tượng là HKD, chỉnh sửa lại biểu mẫu tại thông tin Điều 1, Điều 3.
57	Theo dõi hồ sơ vụ việc > Danh sách hồ sơ chỉnh sửa thông tin "Ngày tạo"
58	Quản lý người đại diện chỉnh sửa các thông tin: Thuộc đội quản lý, Danh sách hiển thị thông tin người đại diện, Tìm kiếm người đại diện
59	Báo cáo số vụ xử lý chỉnh sửa: chỉnh sửa cách tính đối với thông tin: Vụ vi phạm thuộc QLTT, Vụ vi phạm thuộc UBND
60	Báo cáo thống kê vụ việc phát sinh từ kế hoạch hoặc đột xuất: - Xuất dữ liệu tổng hợp chỉnh sửa lại cách tính tại thông tin: Tổng số vụ vi phạm. Bổ sung thêm các thông tin: Dữ liệu ở cột Số QĐ buộc thực hiện BPKPHQ của QLTT, Dữ liệu ở cột Số QĐ tịch thu của UBND, Dữ liệu ở cột Số QĐ buộc thực hiện BPKPHQ của UBND; - Xuất dữ liệu chi tiết bổ sung các thông tin: Số QĐ buộc thực hiện BPKPHQ, Ngày QĐ buộc thực hiện BPKPHQ, trường hợp chọn tiêu chí xuất theo chuyên đề, bổ sung thêm thông tin: Tên chuyên đề
61	Tra cứu theo hồ sơ vụ việc: bổ sung thêm tiêu chí tra cứu theo QĐXP, theo trạng thái hồ sơ đã hủy.
62	Thêm mới cá nhân, tổ chức: Chỉnh sửa cho phép được thêm nhiều lần thông tin GCN đủ điều kiện kinh doanh.
63	Cập nhập biên lai tiền nộp phạt: chỉnh sửa Cấp trưởng được phép chỉnh sửa/xóa tất cả Biên lai tiền nộp phạt thuộc các hồ sơ theo thẩm quyền quản lý.
64	Tra cứu theo văn bản và Tra cứu theo kế hoạch: chỉnh sửa phạm vi tra cứu của tài khoản thuộc cấp phòng thuộc Cục.
65	Chỉnh sửa biểu mẫu QĐ khám (QĐ 25, QĐ 26, QĐ 27) chỉnh sửa biểu mẫu đối với trường hợp căn cứ vào PA khám sẽ hiển thị khối thông tin này trên biểu mẫu.
66	Tra cứu theo kế hoạch chỉnh sửa/bổ sung các tiêu chí tra cứu, chỉnh sửa lại dữ liệu hiển thị tại các tiêu chí theo phân cấp tài khoản đăng nhập, chỉnh sửa lại dữ liệu hiển thị trên danh sách kế hoạch kiểm tra theo tài khoản đơn vị đăng nhập.
67	Chức năng Quyết định phân công> Danh sách quyết định phân công: Chỉnh sửa nghiệp vụ đối với trường hợp cán bộ chuyển từ đơn vị khác chuyển về, tại danh sách sẽ mặc định hiển thị tất cả quyết định phân công đã có của đơn vị từ trước đến nay và cho phép cán bộ lập Quyết định kéo dài/gia hạn thời hạn thẩm tra, xác minh (MS05)
68	Kế hoạch định kỳ/kế hoạch chuyên đề chỉnh sửa/bổ sung: - Bổ sung các thông tin tại Danh sách cá nhân.tổ chức: Ngành nghề/mặt hàng/lĩnh vực dự kiến kiểm tra, Cơ quan phối hợp, Thời điểm kiểm tra dự kiến (tháng/quý); - Bổ sung thêm thông tin hiển thị tương ứng tại danh sách cá nhân, tổ chức vào Phụ

STT	Yêu cầu
	lục Danh sách cá nhân, tổ chức kiểm tra theo kế hoạch Biểu mẫu xem trước/tải về của Quyết định ban hành kế hoạch định kỳ, kế hoạch chuyên đề
69	Danh mục văn bản quy định, chức năng nhiệm vụ: chỉnh sửa cho phép nhập nội dung và hiển thị theo nội dung nhập lên các văn bản liên quan.
70	Thêm mới chức năng gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị: Cho phép cấp trưởng thực hiện gán quyền xem hồ sơ vụ việc theo đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
71	Thêm mới chức năng Tra cứu đơn vị được gán quyền xem hồ sơ: Cho phép cán bộ, công chức tra cứu hồ sơ, danh sách hồ sơ được gán quyền xem.
72	Quyết định xử phạt của QLTT (QĐ01, QĐ02) và Quyết định xử phạt của UBND bổ sung thêm thông tin thanh toán (Tên tài khoản của cơ quan thu, Mã CITAD của Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng).
73	Tra cứu danh sách văn bản: chỉnh sửa thông tin tra cứu.
74	Báo cáo tang vật buộc tiêu hủy chỉnh sửa lại cách thống kê dữ liệu: thống kê thêm tang vật, hàng hóa có hình thức xử lý là buộc tiêu hủy tại bảng tang vật, phương tiện, giấy tờ của QĐXP UBND.
75	Danh mục địa bàn> Lịch sử địa bàn chỉnh sửa: khi thực hiện thay đổi thông tin địa bàn, hệ thống sẽ thực hiện cập nhật thông tin vào lịch sử địa bàn, các văn bản liên quan sẽ hiển thị thông tin địa bàn theo thông tin lịch sử đã thay đổi.
76	Thêm mới Danh mục chức vụ thực tế

4.2 Yêu cầu về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hệ thống xử phạt vi phạm hành chính

Hệ thống tích hợp kho tri thức pháp luật chuyên sâu, chatbot hỗ trợ nghiệp vụ và công cụ AI hỗ trợ phân tích, rà soát hành vi vi phạm hành chính.

- Khả năng tìm kiếm thông tin: cho phép truy vấn văn bản, hồ sơ theo nội dung và metadata. có khả năng tìm kiếm theo từ khóa, cụm từ và ngữ cảnh nghiệp vụ. Nền tảng có thể nâng cấp để hỗ trợ truy vấn semantic.

- Hiểu và phân tích câu hỏi tình huống pháp lý: Có thể hiểu các câu hỏi nghiệp vụ, có thể phân tích các câu hỏi thành các đối tượng: ai, hành vi gì, vi phạm ở đâu, từ đó đưa ra hướng xử lý và căn cứ pháp lý.

- Truy xuất văn bản pháp luật có liên qua: Có thể hỗ trợ truy xuất các văn bản liên quan theo từ khóa và chuyên đề.

- Hỗ trợ lập luận và trả lời có dẫn chiếu: Có thể trích xuất đoạn văn và điều khoản phù hợp để đưa vào phần trả lời, hỗ trợ người dùng lập luận.

Hệ thống cần phân tích, bóc tách dữ liệu từ các văn bản quy định về quy trình xử lý vi phạm hành chính, và các quy định về hành vi xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể:

STT	Tên văn bản
I	Các văn bản liên quan đến quy trình xử lý vi phạm hành chính
1	Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
2	Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;
3	Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính

STT	Tên văn bản
	phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;
4	Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính
5	Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính
6	Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường
7	Thông tư số 33/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Thẻ kiểm tra thị trường
8	Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường
9	Thông tư số 20/2021/TT-BCT của Bộ Công thương: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường
10	Thông tư số 22/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021 của Bộ Công thương quy định về quản lý, sử dụng biểu mẫu trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường
11	Pháp lệnh Quản lý thị trường số 11/2016/UBTVQH13 ngày 08/3/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
12	Luật số 67/2020/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính
13	Luật số 88/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính
14	Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn
15	Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính
16	Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15/07/2025 của Bộ Công thương: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường
17	Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27/5/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường
II	Các nghị định quy định về hành vi xử phạt vi phạm hành chính
1	Nghị định 156/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
2	Nghị định 128/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan
3	Nghị định 125/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

STT	Tên văn bản
4	Nghị định 119/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản và hoạt động in sản phẩm không phải là xuất bản phẩm
5	Nghị định 117/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế
6	Nghị định 36/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản
7	Nghị định 18/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ
8	Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt
9	Nghị định 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai
10	Nghị định 88/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng
11	Nghị định 115/2018/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm
12	Nghị định 75/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cạnh tranh
13	Nghị định 46/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thể thao
14	Nghị định 45/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch
15	Nghị định 42/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản
16	Nghị định 35/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp
17	Nghị định 162/2018/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng
18	Nghị định 55/2018/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón
19	Nghị định 41/2018/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập
20	Nghị định 99/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí
21	Nghị định 96/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia
22	Nghị định 142/2017/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải
23	Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y
24	Nghị định 04/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 31/2016/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định 90/2017/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y
25	Nghị định 71/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp
26	Nghị định 45/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
27	Nghị định 51/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ

STT	Tên văn bản
28	Nghị định 95/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê
29	Nghị định 122/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư
30	Nghị định 119/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa
31	Nghị định 139/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
32	Nghị định 88/2022/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp
33	Nghị định 14/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi
34	Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã
35	Nghị định 03/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều
36	Nghị định 98/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
37	Nghị định 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử
38	Nghị định 28/2017/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 131/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định 158/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo
39	Nghị định 04/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục
40	Nghị định 131/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan
41	Nghị định 120/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu
42	Nghị định 107/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử
43	Nghị định 99/2013/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp
44	Nghị định 12/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
45	Nghị định 31/2016/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật
46	Nghị định 63/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước
47	Nghị định 125/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới
48	Nghị định 37/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của Việt Nam

STT	Tên văn bản
49	Nghị định 04/2022/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ
50	Nghị định 41/2017/NĐ-CP sửa đổi nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản
51	Nghị định 48/2018/NĐ-CP sửa đổi 98/2013/NĐ-CP xử phạt vi phạm kinh doanh bảo hiểm mới nhất (thuvienphapluat.vn)
52	Nghị định 84/2017/NĐ-CP sửa đổi 173/2013/NĐ-CP xử phạt hành chính khí tượng đo đạc bản đồ mới nhất (thuvienphapluat.vn)
53	Nghị định 80/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 73/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Kinh doanh bảo hiểm sửa đổi; Nghị định 98/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi theo Nghị định 48/2018/NĐ-CP
54	Nghị định 173/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn
55	Nghị định 38/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo
56	Nghị định 162/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trên vùng biển, đảo và thềm lục địa của Việt Nam
57	Nghị định 130/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em
58	Nghị định 134/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực
59	Nghị định 109/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn
60	Nghị định 98/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số
61	Nghị định 65/2015/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hành vi đăng, cung cấp, đưa tin, công bố thông tin sai sự thật
62	Nghị định 23/2017/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 162/2013/NĐ-CP Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của Việt Nam
63	Nghị định 16/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng
64	Nghị định 142/2021/NĐ-CP quy định về hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất
65	Nghị định 49/2016/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 109/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn
66	Nghị định 49/2017/NĐ-CP sửa đổi Điều 15 Nghị định 25/2011/NĐ-CP hướng dẫn Luật viễn thông và Điều 30 Nghị định 174/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện
67	Nghị định 84/2006/NĐ-CP về việc bồi thường thiệt hại, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
68	Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình

STT	Tên văn bản
69	Nghị định 17/2022/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí
70	Nghị định 102/2021/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập
71	Nghị định 88-CP năm 1995 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá và phòng chống một số tệ nạn xã hội
72	Nghị định 14/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 15/2020/NĐ-CP xử phạt hành chính buro chính mới nhất (thuvienphapluat.vn)
73	Nghị định 123/2021/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng.
74	Nghị định 24/2025 sửa Nghị định 98/2020 về xử phạt hành chính trong hoạt động thương mại
75	Nghị định 24/2025/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2020/nđ-cp ngày 26 tháng 8 năm 2020 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo quy định tại nghị định số 17/2022/nđ-cp ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí

5. Danh sách các tác nhân của phần mềm

TT	Ký hiệu	Mô tả tác nhân	Loại
1	QTHT	Quản trị hệ thống thực hiện các chức năng sử dụng chung cho toàn hệ thống như: quản lý người dùng/nhóm người dùng, phân quyền người dùng/nhóm người dùng sử dụng chức năng phần mềm, sử dụng các chức năng tiện ích, tra cứu của hệ thống để hỗ trợ người dùng trong quá trình sử dụng phần mềm	Phức tạp
2	CT	Cục trưởng, Chi Cục trưởng, Đội trưởng: ra quyết định theo nghiệp vụ, tra cứu và báo cáo thống kê tình hình kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý	Phức tạp
3	CV	Công chức quản lý thị trường: Thi hành theo quyết định, văn bản đã được phân công, lập các biên bản, các báo cáo tiếp nhận thông tin, đề xuất kiểm tra/khám, báo cáo giám sát, báo cáo thẩm tra, xác minh,...	Phức tạp

6. Bảng sắp xếp thứ tự ưu tiên các yêu cầu chức năng cần nâng cấp của phần mềm

TT	Mô tả yêu cầu	Phân loại
I	Quản lý cá nhân tổ chức	
1	Thêm mới cá nhân, tổ chức	Dữ liệu đầu vào
2	Sửa cá nhân, tổ chức	Dữ liệu đầu vào
3	Lịch sử thay đổi cá nhân, tổ chức	Dữ liệu đầu ra
4	Chuyển từ địa điểm kinh doanh về cá nhân, tổ chức	Dữ liệu đầu vào
5	Thêm mới thông tin Người đại diện	Dữ liệu đầu vào
6	Sửa thông tin Người đại diện	Dữ liệu đầu vào
7	Xem thông tin Người đại diện	Dữ liệu đầu vào
8	Xóa thông tin Người đại diện	Dữ liệu đầu vào
9	Xem cá nhân, tổ chức liên quan đến người đại diện	Dữ liệu đầu vào
10	Tìm kiếm thông tin người đại diện	Yêu cầu truy vấn
11	Lịch sử thay đổi thông tin người đại diện	Dữ liệu đầu ra
12	Danh sách người đại diện	Yêu cầu truy vấn
13	Import người đại diện	Dữ liệu đầu vào
II	Quản lý kế hoạch kiểm tra	
14	Cập nhật Danh sách cá nhân, tổ chức đưa vào kế hoạch kiểm tra chuyên đề	Dữ liệu đầu vào
15	Cập nhật Danh sách cá nhân, tổ chức đưa vào kế hoạch kiểm tra định kỳ	Dữ liệu đầu vào
III	Quản lý hồ sơ kiểm tra nhiều địa điểm	
16	Bổ sung chức năng Xác minh vụ việc/Chuyển về hồ sơ thường	Dữ liệu đầu vào
17	Bổ sung chức năng chuyển hồ đối với hồ sơ đã gộp	Dữ liệu đầu vào
18	Cập nhật Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - QĐ20 trong hồ sơ gộp	Dữ liệu đầu vào
IV	Quản lý tiếp nhận, xử lý thông tin	
19	Cập nhật Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, giám sát, quản lý địa bàn - MS08	Dữ liệu đầu vào
20	Cập nhật Đề xuất kiểm tra theo thủ tục hành chính - MS09	Dữ liệu đầu vào
21	Cập nhật Đề xuất khám theo thủ tục hành chính - MS09	Dữ liệu đầu vào
22	Cập nhật Quyết định phân công phân công công chức thực hiện biện pháp nghiệp vụ - MS04	Dữ liệu đầu vào
V	Quản lý hồ sơ vụ việc	
23	Thêm mới thông tin Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	Dữ liệu đầu vào
24	Sửa thông tin Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	Dữ liệu đầu vào
25	Hủy thông tin Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	Dữ liệu đầu vào
26	Thêm mới thông tin Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	Dữ liệu đầu vào
27	Sửa thông tin Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	Dữ liệu đầu vào
28	Hủy thông tin Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	Dữ liệu đầu vào
29	Thêm mới thông tin Quyết định đình chỉ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	Dữ liệu đầu vào

TT	Mô tả yêu cầu	Phân loại
30	Sửa thông tin Quyết định đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	Dữ liệu đầu vào
31	Hủy thông tin Quyết định đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	Dữ liệu đầu vào
32	Thêm mới thông tin Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính của UBND	Dữ liệu đầu vào
33	Sửa thông tin Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính của UBND	Dữ liệu đầu vào
34	Hủy thông tin Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính của UBND	Dữ liệu đầu vào
35	Cập nhật thông tin Quyết định xử phạt của UBND	Dữ liệu đầu vào
36	Cập nhật Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản - MQĐ01	Dữ liệu đầu vào
37	Cập nhật Quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ02	Dữ liệu đầu vào
38	Cập nhật Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - MQĐ11	Dữ liệu đầu vào
39	Cập nhật Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ38	Dữ liệu đầu vào
40	Cập nhật Quyết định đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ39	Dữ liệu đầu vào
41	Cập nhật Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ40	Dữ liệu đầu vào
42	Cập nhật Biên bản vi phạm hành chính - MBB01	Dữ liệu đầu vào
43	Cập nhật Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính - MBB05	Dữ liệu đầu vào
44	Cập nhật Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính - MBB27	Dữ liệu đầu vào
45	Cập nhật Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS01	Dữ liệu đầu vào
46	Cập nhật Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS06	Dữ liệu đầu vào
47	Cập nhật Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề) - BB16	Dữ liệu đầu vào
48	Cập nhật Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận) - MQĐ14	Dữ liệu đầu vào
49	Cập nhật Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MQĐ27	Dữ liệu đầu vào
50	Cập nhật Biên bản xác minh/làm việc - MS07	Dữ liệu đầu vào
51	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định thi hành xử phạt vi phạm hành chính	Dữ liệu đầu vào
52	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định hoãn, sửa đổi xử phạt vi phạm hành chính	Dữ liệu đầu vào
53	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định khám/kiểm tra	Dữ liệu đầu vào
54	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định giao quyền	Dữ liệu đầu vào

TT	Mô tả yêu cầu	Phân loại
55	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định cưỡng chế	Dữ liệu đầu vào
56	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định tạm giữ	Dữ liệu đầu vào
57	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định bàn giao, tiếp nhận	Dữ liệu đầu vào
58	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định khác	Dữ liệu đầu vào
59	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm biên bản xử lý vi phạm hành chính	Dữ liệu đầu vào
60	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm biên bản khám/kiểm tra	Dữ liệu đầu vào
61	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm biên bản cưỡng chế	Dữ liệu đầu vào
62	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm biên bản tạm giữ	Dữ liệu đầu vào
63	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm biên bản bàn giao	Dữ liệu đầu vào
64	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm khác	Dữ liệu đầu vào
65	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định thi hành xử phạt vi phạm hành chính	Dữ liệu đầu vào
66	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định hoãn, sửa đổi xử phạt vi phạm hành chính	Dữ liệu đầu vào
67	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định khám/kiểm tra	Dữ liệu đầu vào
68	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định giao quyền	Dữ liệu đầu vào
69	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định cưỡng chế	Dữ liệu đầu vào
70	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định tạm giữ	Dữ liệu đầu vào
71	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định bàn giao, tiếp nhận	Dữ liệu đầu vào
72	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định khác	Dữ liệu đầu vào
73	Cập nhật thông tin cho nhóm biên bản xử lý vi phạm hành chính	Dữ liệu đầu vào
74	Cập nhật thông tin cho nhóm biên bản khám/kiểm tra	Dữ liệu đầu vào
75	Cập nhật thông tin cho nhóm biên bản cưỡng chế	Dữ liệu đầu vào
76	Cập nhật thông tin cho nhóm biên bản tạm giữ	Dữ liệu đầu vào
77	Cập nhật thông tin cho nhóm biên bản bàn giao	Dữ liệu đầu vào
78	Cập nhật thông tin cho nhóm biên bản khác	Dữ liệu đầu vào
VI	Thống kê báo cáo	
79	Cập nhật Báo cáo tình hình cập nhật tiền xử phạt	Yêu cầu truy vấn
80	Cập nhật Báo cáo tình hình cập nhật hồ sơ	Yêu cầu truy vấn
81	Cập nhật Báo cáo theo nhóm hàng hóa/tang vật	Yêu cầu truy vấn
82	Cập nhật Báo cáo Số vụ xử lý	Yêu cầu truy vấn
83	Cập nhật Báo cáo thống kê vụ việc phát sinh từ kế hoạch hoặc đột xuất	Yêu cầu truy vấn
84	Cập nhật Báo cáo tang vật buộc tiêu hủy	Yêu cầu truy vấn
VII	Quản trị hệ thống	
85	Thêm mới chức vụ thực tế	Dữ liệu đầu vào
86	Sửa chức vụ thực tế	Dữ liệu đầu vào
87	Xóa chức vụ thực tế	Dữ liệu đầu vào
88	Danh sách chức vụ thực tế	Yêu cầu truy vấn
89	Cập nhật Danh mục đơn vị	Dữ liệu đầu vào
90	Lịch sử thay đổi địa bàn	Dữ liệu đầu ra
91	Cập nhật Tìm kiếm địa bàn	Yêu cầu truy vấn
92	Gộp địa bàn cấp xã	Dữ liệu đầu vào
93	Cập nhật địa bàn cho cá nhân, tổ chức	Dữ liệu đầu vào
94	Sửa thông tin gộp địa bàn cấp xã	Dữ liệu đầu vào
95	Xóa thông tin gộp địa bàn cấp xã	Dữ liệu đầu vào

TT	Mô tả yêu cầu	Phân loại
96	Gộp địa bàn tỉnh	Dữ liệu đầu vào
97	Sửa thông tin gộp địa bàn tỉnh	Dữ liệu đầu vào
98	Gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị	Dữ liệu đầu vào
99	Sửa Gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị	Dữ liệu đầu vào
100	Danh sách cán bộ được gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị	Yêu cầu truy vấn
VIII	Tra cứu	
101	Cập nhật Tra cứu theo địa bàn	Yêu cầu truy vấn
102	Cập nhật Tra cứu theo cá nhân, tổ chức	Yêu cầu truy vấn
103	Cập nhật Tra cứu theo kế hoạch	Yêu cầu truy vấn
104	Cập nhật Tra cứu theo mặt hàng	Yêu cầu truy vấn
105	Cập nhật Tra cứu theo hành vi vi phạm	Yêu cầu truy vấn
106	Cập nhật Tra cứu theo hồ sơ vụ việc	Yêu cầu truy vấn
107	Tra cứu đơn vị gán quyền xem hồ sơ	Yêu cầu truy vấn
IX	Tiền tiêu hủy tang vật/hàng hóa	
108	Cập nhật Thêm mới tiền tiêu hủy tang vật/hàng hóa	Dữ liệu đầu vào
X	Cập nhật đơn vị	
109	Gộp đơn vị cấp đội	Dữ liệu đầu vào
110	Chuyển cán bộ giữa các đơn vị	Dữ liệu đầu vào
111	Chuyển hồ sơ giữa các đơn vị	Dữ liệu đầu vào
112	Sửa thông tin gộp đội	Dữ liệu đầu vào
113	Xóa thông tin gộp đội	Dữ liệu đầu vào
114	Gộp đơn vị cấp chi cục	Dữ liệu đầu vào
115	Sửa thông tin gộp đơn vị cấp chi cục	Dữ liệu đầu vào
XI	Ứng dụng AI	
116	Gửi thông tin yêu cầu tra soát biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính	Dữ liệu truy vấn
117	Gửi thông tin yêu cầu tra soát quy trình kiểm tra	Dữ liệu truy vấn
118	Gửi thông tin yêu cầu tra soát quy trình xử lý vi phạm	Dữ liệu truy vấn
119	Gửi thông tin yêu cầu hướng dẫn nghiệp vụ quy trình xử lý vi phạm	Dữ liệu truy vấn
120	Gửi thông tin yêu cầu tra soát thông tin các điều khoản trong văn bản pháp lý	Dữ liệu truy vấn
121	Gửi thông tin yêu cầu tra soát thông tin các thuật ngữ pháp lý	Dữ liệu truy vấn
122	Gửi thông tin yêu cầu tra soát thông tin theo vấn đề pháp lý	Dữ liệu truy vấn
123	Gửi thông tin yêu cầu tra soát về thẩm quyền xử phạt	Dữ liệu truy vấn
124	Gửi thông tin yêu cầu tra soát về chế tài xử phạt	Dữ liệu truy vấn

7. Bảng chuyển đổi các yêu cầu chức năng sang trường hợp sử dụng

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
I	Quản lý cá nhân tổ chức				
1	Thêm mới cá nhân, tổ chức	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn cập nhập đối tượng là tổ chức Hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin tổ chức trong đó có bổ sung ngày áp dụng		
			NSD chọn cập nhập đối tượng là cá nhân Hệ thống hiển thị giao diện thông tin cập nhật cho đối tượng là cá nhân có bổ sung thêm các thông tin: Ngày áp dụng, Giới tính, Điện thoại, Số CCCD/ CMTND/ GPTL/ hộ chiếu...		
			NSD chọn thêm GCN số (GCN đủ điều kiện kinh doanh) Hệ thống hiển thị khối thông tin cập nhật số và cho phép thêm nhiều lần khối thông tin GCN số		
			NSD cập nhật thông tin Tỉnh/xã Hệ thống hiển thị thông tin Tỉnh/xã, mặc định hiển thị 2 thông tin Tỉnh/thành phố và Phường/xã		
			NSD chọn thêm mới người đại diện Hệ thống hiển thị giao diện Thêm mới người đại diện		
			NSD chọn Lưu thông tin Hệ thống xử lý thông tin và lưu thông tin vào CSDL		
2	Sửa cá nhân, tổ chức	CT, CV		B	Trung bình

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn tổ chức cần sửa và nhấn sửa Hệ thống hiển thị màn hình sửa tổ chức có bổ sung thêm thông tin Ngày áp dụng		
			NSD chọn sửa đối tượng là cá nhân Hệ thống hiển thị giao diện thông tin cập nhật cho đối tượng là cá nhân có bổ sung thêm các thông tin: Ngày áp dụng, Giới tính, Điện thoại, Số CCCD/ CMTND/ GPTL/ hộ chiếu...		
			NSD chọn sửa GCN số (GCN đủ điều kiện kinh doanh) Hệ thống hiển thị khối thông tin cập nhật số và cho phép thêm nhiều lần khối thông tin GCN số		
			NSD sửa thông tin Tỉnh/xã Hệ thống hiển thị thông tin Tỉnh/xã, mặc định hiển thị 2 thông tin Tỉnh/thành phố và Phường/xã		
			NSD chọn sửa người đại diện Hệ thống hiển thị giao diện sửa, thêm mới người đại diện		
			NSD chọn Lưu thông tin vừa được sửa Hệ thống xử lý thông tin và lưu thông tin vào CSDL		
3	Lịch sử thay đổi cá nhân, tổ chức	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn Lịch sử thay đổi cá nhân, tổ chức Hệ thống hiển thị danh sách các lần thay đổi thông tin của cá nhân, tổ chức đã được thiết lập		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem lịch sử thay đổi của cá nhân Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết thông tin lần thay đổi được chọn của cá nhân		
			NSD chọn xem lịch sử thay đổi của tổ chức Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết thông tin lần thay đổi được chọn của tổ chức		
4	Chuyển từ địa điểm kinh doanh về cá nhân, tổ chức	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn chức năng Chuyển từ địa điểm kinh doanh về cá nhân, tổ chức Hệ thống hiển thị giao diện màn hình chuyển từ địa điểm kinh doanh về cá nhân, tổ chức		
			NSD nhập các thông tin cần thiết và lưu thông tin Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
5	Thêm mới thông tin Người đại diện	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD truy cập vào chức năng Quản lý người đại diện Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý người đại diện		
			NSD chọn thêm mới người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới người đại diện		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD nhập các thông tin cần thiết và chọn lưu thông tin Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
6	Sửa thông tin Người đại diện	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn Danh sách người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình danh sách người đại diện		
			NSD chọn sửa thông tin người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình sửa thông tin người đại diện		
			NSD chọn nhập lại các thông tin người đại diện và chọn lưu thông tin Hệ thống xử lý và lưu thông tin đã cập nhật vào CSDL		
7	Xem thông tin Người đại diện	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn Danh sách người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình danh sách người đại diện		
			NSD chọn xem thông tin người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết thông tin người đại diện		
			NSD chọn Đóng màn hình xem chi tiết thông tin người đại diện Hệ thống thực hiện đóng màn hình xem chi tiết thông tin người đại diện		
8	Xóa thông tin Người đại diện	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn Danh sách người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình danh sách người đại diện		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa thông tin người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa thông tin người đại diện		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
9	Xem cá nhân, tổ chức liên quan đến người đại diện	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn Danh sách người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình danh sách người đại diện		
			NSD chọn xem cá nhân, tổ chức liên quan đến người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình danh sách cá nhân, tổ chức liên quan đến người đại diện		
			NSD chọn Đóng Hệ thống thực hiện đóng danh sách cá nhân, tổ chức liên quan đến người đại diện		
10	Tìm kiếm thông tin người đại diện	CT, CV		B	Trung bình
			NSD truy cập vào chức năng Quản lý người đại diện Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý người đại diện		
			NSD chọn Danh sách người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình thông tin danh sách người đại diện		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn tìm kiếm thông tin người đại diện Hệ thống hiện thị giao diện tìm kiếm thông tin người đại diện		
			NSD nhập các tiêu chí tìm kiếm và nhấn tìm kiếm Hệ thống xử lý trả ra kết quả theo tiêu chí tìm kiếm		
11	Lịch sử thay đổi thông tin người đại diện	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn Danh sách người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình thông tin danh sách người đại diện		
			NSD chọn Lịch sử thay đổi thông tin người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình danh sách lịch sử thay đổi thông tin người đại diện		
			NSD chọn Đóng Hệ thống đóng lịch sử thay đổi và chuyển về trang danh sách người đại diện		
12	Danh sách người đại diện	CT, CV		B	Trung bình
			NSD truy cập vào chức năng Quản lý người đại diện Hệ thống hiển thị giao diện chức năng quản lý người đại diện		
			NSD chọn Danh sách người đại diện Hệ thống hiển thị màn hình thông tin danh sách người đại diện		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn số trang muốn xem dữ liệu Hệ thống xử lý, tổng hợp hiển thị dữ liệu phù hợp với yêu cầu của NSD		
			NSD thực hiện xuất dữ liệu ra excel Hệ thống xử lý, tổng hợp hiển thị dữ liệu phù hợp với yêu cầu của NSD và lưu file excel về máy		
			NSD thực hiện tải file Execl mẫu Hệ thống xử lý và tải mẫu excel về máy người dùng		
			NSD thực hiện cập nhật thông tin vào file excle mẫu và chọn Import dữ liệu lên hệ thống Hệ thống xử lý thông tin và thông báo kết quả.		
13	Import người đại diện	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn tải file mẫu import Hệ thống tải file mẫu đã được thiết lập về máy người dùng		
			NSD chọn file để import đã được bổ sung dữ liệu Hệ thống hiển thị màn hình cho phép chọn file từ máy người dùng		
			NSD chọn file và thực hiện import Hệ thống xử lý dữ liệu và thực hiện import dữ liệu người đại diện		
II	Quản lý kế hoạch kiểm tra				
14	Cập nhật Danh sách cá nhân, tổ chức đưa vào kế hoạch kiểm tra chuyên đề	CT		B	Trung bình

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn chức năng Lập danh sách đối tượng kiểm tra cho kế hoạch chuyên đề Hệ thống hiển thị màn hình Lập đối tượng kiểm tra		
			NSD chọn cá nhân, tổ chức đưa vào danh sách kiểm tra và nhấn đồng ý Hệ thống hiển thị thông tin Danh sách tổ chức, cá nhân đã chọn có cập nhật các cột thông tin: Cơ quan phối hợp; Thời điểm kiểm tra dự kiến,...		
			NSD nhập các thông tin và nhấn Xem trước Hệ thống thực hiện xử lý thông tin và hiển thị màn hình xem trước kế hoạch kiểm tra		
			NSD chọn sửa lại các thông tin và nhấn Xem trước Hệ thống thực hiện xử lý thông tin và hiển thị màn hình xem trước kế hoạch kiểm tra theo các thông tin đã được sửa		
			NSD chọn tải biểu mẫu kế hoạch kiểm tra Hệ thống thực hiện tải biểu mẫu về máy người dùng, các thông tin trên biểu mẫu có cập nhật theo dữ liệu đã bổ sung		
			NSD chọn thêm cá nhân, tổ chức vào kế hoạch Hệ thống hiển thị màn hình chọn cá nhân, tổ chức có bổ sung thêm tiêu chí tìm kiếm theo số GCNĐK		
			NSD chọn xóa cá nhân, tổ chức đã được kiểm tra theo kế hoạch Hệ thống kiểm tra và thực hiện xóa cá nhân, tổ chức đã chọn		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
15	Cập nhật Danh sách cá nhân, tổ chức đưa vào kế hoạch kiểm tra định kỳ	CT		B	Trung bình
			NSD chọn chức năng Lập danh sách đối tượng kiểm tra cho kế hoạch định kỳ Hệ thống hiển thị màn hình Lập đối tượng kiểm tra		
			NSD chọn cá nhân, tổ chức đưa vào danh sách kiểm tra và nhấn đồng ý Hệ thống hiển thị thông tin Danh sách tổ chức, cá nhân đã chọn có cập nhật các cột thông tin: Cơ quan phối hợp; Thời điểm kiểm tra dự kiến,...trong kế hoạch định kỳ		
			NSD nhập các thông tin và nhấn Xem trước kế hoạch định kỳ Hệ thống thực hiện xử lý thông tin và hiển thị màn hình xem trước kế hoạch kiểm tra định kỳ		
			NSD chọn sửa lại các thông tin và nhấn Xem trước Hệ thống thực hiện xử lý thông tin và hiển thị màn hình xem trước kế hoạch kiểm tra định kỳ theo các thông tin đã được sửa		
			NSD chọn tải biểu mẫu kế hoạch kiểm tra định kỳ Hệ thống thực hiện tải biểu mẫu về máy người dùng, các thông tin trên biểu mẫu có cập nhật theo dữ liệu đã bổ sung		
			NSD chọn thêm cá nhân, tổ chức vào kế hoạch định kỳ Hệ thống hiển thị màn hình chọn cá nhân, tổ chức có bổ sung thêm tiêu chí tìm kiếm theo số GCNĐK		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa cá nhân, tổ chức đã được kiểm tra theo kế hoạch định kỳ Hệ thống kiểm tra và thực hiện xóa cá nhân, tổ chức đã chọn		
III	Quản lý hồ sơ kiểm tra nhiều địa điểm				
16	Bổ sung chức năng Xác minh vụ việc/Chuyển về hồ sơ thường	CT		B	Trung bình
			NSD truy cập vào Danh sách hồ sơ thành phần Hệ thống hiển thị giao diện danh sách hồ sơ thành phần		
			NSD chọn chức năng Xác minh/gửi lại Hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin Xác minh vụ việc		
			NSD chọn Chuyển về hồ sơ thường Hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin chuyển về hồ sơ thường		
			NSD nhập các thông tin và gửi Hệ thống kiểm tra và lưu thông tin đã nhập vào CSDL và gửi đến đơn vị liên quan		
17	Bổ sung chức năng chuyển hồ đối với hồ sơ đã gộp	CT		B	Trung bình

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD truy cập vào Danh sách hồ sơ đã gộp với tài khoản cấp cục Hệ thống hiển thị danh sách hồ sơ đã gộp		
			NSD chọn chức năng Chuyển hồ sơ Hệ thống hiển thị màn hình chức năng chuyển hồ sơ		
			NSD chọn Chuyển hồ sơ yêu cầu cần xử lý và nhấn Đồng ý Hệ thống hiển thị màn hình thông tin chuyển hồ sơ yêu cầu		
			NSD nhập các thông tin cần thiết và nhấn Gửi yêu cầu Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn Chuyển hồ sơ lên cấp trên và nhấn Đồng ý Hệ thống hiển thị màn hình nhập lý do chuyển hồ sơ		
			NSD nhập lý do chuyển và nhấn Chuyển Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
18	Cập nhật Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - QĐ20 trong hồ sơ gộp	CT		B	Trung bình
			NSD chọn cập nhật hồ sơ gộp Hệ thống hiển thị giao diện hồ sơ		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - QĐ20 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới quyết định không bắt buộc phải có Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - BB15		
			NSD nhập các thông tin cần thiết và nhấn xem trước Hệ thống hiển thị xem trước biểu mẫu quyết định		
			NSD chọn sửa Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - QĐ20 Hệ thống hiển thị màn hình sửa quyết định không bắt buộc phải Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - BB15		
			NSD chọn gửi Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - QĐ20 Hệ thống xử lý và gửi thông tin QĐ20		
IV	Quản lý tiếp nhận, xử lý thông tin				
19	Cập nhật Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, giám sát, quản lý địa bàn - MS08	CV		B	Phức tạp

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, giám sát - MS08 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, kết quả giám sát có bổ sung thông tin quyết định phân công...		
			NSD nhập thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, giám sát - MS08 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, kết quả giám sát có bổ sung thông tin quyết định phân công...		
			NSD cập nhật thông tin và xem trước. Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn Xem trước Hệ thống xử lý hiển thị báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, kết quả giám sát		
			NSD chọn xem chi tiết Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, kết quả giám sát - MS08 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh có thông tin đã bổ sung		
			NSD chọn xóa Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, kết quả giám sát - MS08 và đồng ý xóa Hệ thống thực hiện xóa báo cáo		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn gửi Báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh, giám sát, quản lý địa bàn - MS08 Hệ thống hiển thị màn hình cho phép chọn Gửi đội phòng/cục		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
20	Cập nhật Đề xuất kiểm tra theo thủ tục hành chính - MS09	CT, CV		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Đề xuất kiểm tra theo thủ tục hành chính - MS09 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Đề xuất kiểm tra theo thủ tục hành chính, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức, địa bàn hành chính,...		
			NSD nhật thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Đề xuất kiểm tra theo thủ tục hành chính - MS09 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Đề xuất kiểm tra theo thủ tục hành chính, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức, địa bàn hành chính,...		
			NSD cập nhật thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị Đề xuất kiểm tra theo thủ tục hành chính có chỉnh sửa thông tin kính gửi, cơ quan chủ quản,...		
			NSD chọn xem chi tiết Đề xuất kiểm tra theo thủ tục hành chính - MS09 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Đề xuất kiểm tra theo thủ tục hành chính		
			NSD chọn xóa Đề xuất kiểm tra theo thủ tục hành chính - MS09 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gửi Đề xuất kiểm tra theo thủ tục hành chính - MS09 cho đội phòng/cục và xác nhận gửi Hệ thống kiểm tra thông tin và thực hiện gửi đề xuất		
21	Cập nhật Đề xuất khám theo thủ tục hành chính - MS09	CT, CV		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Đề xuất khám theo thủ tục hành chính - MS09 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Đề xuất khám theo thủ tục hành chính có chỉnh sửa thông tin theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD nhập thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Đề xuất khám theo thủ tục hành chính - MS09 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Đề xuất khám theo thủ tục hành chính có chỉnh sửa thông tin theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD cập nhật thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị dữ liệu dạng word Đề xuất khám theo thủ tục hành chính có chỉnh sửa thông tin tiêu đề của đề xuất và thông tin kính gửi theo nhu cầu quản lý		
			NSD chọn xem chi tiết Đề xuất khám theo thủ tục hành chính - MS09 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Đề xuất khám theo thủ tục hành chính		
			NSD chọn xóa Đề xuất khám theo thủ tục hành chính - MS09 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gửi Đề xuất khám theo thủ tục hành chính - MS09 Hệ thống hiển thị màn hình có bổ sung chức năng Gửi cục		
			NSD chọn Gửi cục Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi cục		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
22	Cập nhật Quyết định phân công phân công công chức thực hiện biện pháp nghiệp vụ - MS04	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định phân công phân công công chức thực hiện biện pháp nghiệp vụ - MS04 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Quyết định phân công phân công công chức thực hiện biện pháp nghiệp vụ - MS04 có chỉnh sửa các thông tin cá nhân, tổ chức, địa bàn hành chính,...		
			NSD nhập thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định phân công phân công công chức thực hiện biện pháp nghiệp vụ - MS04 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Quyết định phân công phân công công chức thực hiện biện pháp nghiệp vụ - MS04 có chỉnh sửa các thông tin cá nhân, tổ chức, địa bàn hành chính,...		
			NSD cập nhật thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị Quyết định phân công phân công công chức thực hiện biện pháp nghiệp vụ có cập nhật theo thông tin chỉnh sửa		
			NSD chọn xem chi tiết Quyết định phân công phân công công chức thực hiện biện pháp nghiệp vụ - MS04 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Quyết định phân công phân công công chức thực hiện biện pháp nghiệp vụ		
			NSD chọn xóa Quyết định phân công phân công công chức thực hiện biện pháp nghiệp vụ - MS04 và đồng ý xóa Hệ thống kiểm tra và thực hiện xóa quyết định		
			NSD chọn gửi Quyết định phân công phân công công chức thực hiện biện pháp nghiệp vụ và chọn đồng ý Hệ thống kiểm tra và thực hiện gửi quyết định		
V	Quản lý hồ sơ vụ việc				
23	Thêm mới thông tin Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	CT		B	Trung bình
			NSD chọn Quyết định hủy bỏ của UBND Hệ thống hiển thị giao diện thông tin của quyết định		
			NSD nhấn chọn Cập nhật quyết định hủy bỏ của UBND Hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin quyết định hủy bỏ của UBND		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD nhập các thông tin cần thiết và nhấn Cập nhật Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem thông tin Quyết định hủy bỏ của UBND Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của quyết định hủy bỏ của UBND đã được cập nhật		
24	Sửa thông tin Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	CT		B	Đơn giản
			NSD chọn Quyết định hủy bỏ của UBND Hệ thống hiển thị giao diện thông tin của quyết định		
			NSD nhấn chọn Cập nhật QĐ hủy bỏ UBND để sửa thông tin quyết định Hệ thống hiển thị màn hình sửa thông tin quyết định		
			NSD sửa lại các thông tin cần thiết và nhấn Cập nhật Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
25	Hủy thông tin Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	CT		B	Đơn giản
			NSD nhấn chọn Cập nhật QĐ hủy bỏ UBND Hệ thống hiển thị màn hình thông tin quyết định		
			NSD chọn hủy Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận hủy quyết định		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và xóa thông tin quyết định đã nhập trong CSDL		
26	Thêm mới thông tin Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	CT		B	Trung bình
			NSD chọn Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần của UBND Hệ thống hiển thị giao diện thông tin của quyết định		
			NSD nhấn chọn Cập nhật QĐ sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần UBND Hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin quyết định		
			NSD nhập các thông tin cần thiết và nhấn Cập nhật Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem thông tin Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần của UBND Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của quyết định đã được cập nhật		
27	Sửa thông tin Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	CT		B	Đơn giản

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn QĐ sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần UBND Hệ thống hiển thị giao diện thông tin của quyết định		
			NSD nhấn chọn Cập nhật QĐ sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần UBND để sửa thông tin quyết định Hệ thống hiển thị màn hình sửa thông tin quyết định đã được nhập và cần chỉnh sửa		
			NSD sửa lại các thông tin cần thiết và nhấn Cập nhật Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
28	Hủy thông tin Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	CT		B	Đơn giản
			NSD nhấn chọn Cập nhật QĐ sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần UBND Hệ thống hiển thị màn hình thông tin quyết định		
			NSD chọn hủy Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận hủy quyết định		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và xóa thông tin đã nhập trong CSDL		
29	Thêm mới thông tin Quyết định đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	CT		B	Trung bình

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn Quyết định đính chính của UBND Hệ thống hiển thị giao diện thông tin của quyết định		
			NSD nhấn chọn Cập nhật QĐ đính chính UBND Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới thông tin quyết định		
			NSD nhập các thông tin cần thiết và nhấn Cập nhật Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem thông tin Quyết định đính chính của UBND Hệ thống hiển thị thông tin đã nhập của quyết định		
30	Sửa thông tin Quyết định đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	CT		B	Đơn giản
			NSD chọn QĐ đính chính UBND Hệ thống hiển thị giao diện thông tin của quyết định		
			NSD nhấn chọn Cập nhật QĐ đính chính UBND để sửa thông tin quyết định Hệ thống hiển thị màn hình sửa thông tin quyết định		
			NSD sửa lại các thông tin cần thiết và nhấn Cập nhật Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
31	Hủy thông tin Quyết định đính chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính của UBND	CT		B	Đơn giản
			NSD nhấn chọn Cập nhật QĐ đính chính UBND Hệ thống hiển thị màn hình thông tin quyết định		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn hủy Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận hủy quyết định		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và xóa thông tin quyết định đã nhập trong CSDL		
32	Thêm mới thông tin Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính của UBND	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính của UBND Hệ thống hiển thị giao diện thông tin của biên bản		
			NSD nhấn chọn Cập nhật BB xác minh tình tiết UBND Hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin biên bản		
			NSD nhập các thông tin cần thiết và nhấn Cập nhật Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem thông tin Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính của UBND Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của biên bản đã cập nhật		
33	Sửa thông tin Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính của UBND	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn Cập nhật BB xác minh tình tiết UBND Hệ thống hiển thị giao diện thông tin của biên bản		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD nhấn chọn Cập nhật QĐ đính chính UBND để sửa thông tin biên bản Hệ thống hiển thị màn hình sửa thông tin biên bản		
			NSD sửa lại các thông tin cần thiết và nhấn Cập nhật Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
34	Hủy thông tin Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính của UBND	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD nhấn chọn Cập nhật BB xác minh tình tiết UBND Hệ thống hiển thị màn hình thông tin biên bản		
			NSD chọn hủy Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận hủy biên bản		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
35	Cập nhật thông tin Quyết định xử phạt của UBND	CT		B	Trung bình
			NSD chọn Quyết định xử phạt của UBND Hệ thống hiển thị giao diện thông tin của quyết định		
			NSD nhấn chọn Cập nhật QĐ xử phạt UBND Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới thông tin quyết định có chỉnh sửa các thông tin: bổ sung chọn đối tượng từ quản lý cá nhân/tổ chức, ...		
			NSD nhập các thông tin và cập nhật Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa lại thông tin QĐ xử phạt của UBND để sửa thông tin quyết định Hệ thống hiển thị màn hình cập nhật thông tin quyết định có chỉnh sửa các thông tin: bổ sung chọn đối tượng từ quản lý cá nhân/tổ chức, ...		
			NSD sửa các thông tin và cập nhật Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn hủy Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận hủy Quyết định xử phạt của UBND		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và xóa thông tin quyết định đã nhập trong CSDL		
36	Cập nhật Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản - MQĐ01	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản - MQĐ01 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản có điều chỉnh các thông tin như: Thông tin thanh toán, xem thông tin vi phạm của đối tượng, chỉnh sửa theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản - MQĐ01 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản có điều chỉnh các thông tin như: Thông tin thanh toán, xem thông tin vi phạm của đối tượng, chỉnh sửa theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản có chỉnh sửa đáp ứng theo ND 68/2025/ND-CP, ND 190/2025/ND-CP đúng với ngày hiệu lực của văn bản		
			NSD chọn xem Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản - MQĐ01 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản theo các thông tin đã điều chỉnh		
			NSD chọn xóa Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản - MQĐ01 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và xóa quyết định trong CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn gửi Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản - MQĐ01 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
37	Cập nhật Quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ02	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ02 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có chỉnh sửa, bổ sung các thông tin như: thông tin thanh toán, xem thông tin vi phạm của đối tượng, chỉnh sửa theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ02 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có chỉnh sửa, bổ sung các thông tin như: thông tin thanh toán, xem thông tin vi phạm của đối tượng, chỉnh sửa theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có chỉnh sửa đáp ứng theo NĐ 68/2025/NĐ-CP, NĐ 190/2025/NĐ-CP theo ngày hiệu lực của văn bản		
			NSD chọn xem Quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ02 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Quyết định xử phạt vi phạm hành chính		
			NSD chọn xóa Quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ02 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và xóa thông tin quyết định đã nhập trong CSDL		
			NSD chọn gửi Quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ02 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
38	Cập nhật Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - MQĐ11	CT		B	Phức tạp

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - MQĐ11 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả có bổ sung các thông tin như: thông tin cập nhật cá nhân, tổ chức, chỉnh sửa theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - MQĐ11 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả có bổ sung các thông tin như: thông tin cập nhật cá nhân, tổ chức, chỉnh sửa theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả có chỉnh sửa đáp ứng theo NĐ 68/2025/NĐ-CP, NĐ 190/2025/NĐ-CP theo ngày hiệu lực của văn bản		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - MQĐ11 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả		
			NSD chọn xóa Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - MQĐ11 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gửi Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - MQĐ11 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
39	Cập nhật Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ38	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ38 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ38 có bổ sung thông tin căn cứ,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ38 Hệ thống hiển thị màn hình cập nhật Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ38 có thông tin căn cứ,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ38 có chỉnh sửa đáp ứng theo NĐ 68/2025/NĐ-CP, NĐ 190/2025/NĐ-CP tùy theo ngày hiệu lực văn bản		
			NSD chọn xem Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ38 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết thông tin của quyết định đã chọn		
			NSD chọn xóa Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ38 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý xóa thông tin trong CSDL		
			NSD chọn gửi Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ38 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
40	Cập nhật Quyết định đình chỉ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ39	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định đình chỉ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ39 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Quyết định đình chỉ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính có chỉnh sửa thông tin căn cứ,...		
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định đình chỉ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ39 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Quyết định đình chỉ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính có chỉnh sửa thông tin căn cứ,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị Quyết định đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính có chỉnh sửa đáp ứng theo ND 68/2025/ND-CP, ND 190/2025/ND-CP theo ngày hiệu lực của văn bản		
			NSD chọn xem Quyết định đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ39 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Quyết định đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính		
			NSD chọn xóa Quyết định đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ39 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gửi Quyết định đình chính quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ39 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
41	Cập nhật Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ40	CT		B	Phức tạp

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ40 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính có bổ sung thông tin căn cứ,...		
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ40 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính có bổ sung thông tin căn cứ,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính có chỉnh sửa đáp ứng theo NĐ 68/2025/NĐ-CP, NĐ 190/2025/NĐ-CP tùy theo ngày ban hành của quyết định		
			NSD chọn xem Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ40 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ40 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gửi Quyết định hủy bỏ quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ40 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
42	Cập nhật Biên bản vi phạm hành chính - MBB01	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản vi phạm hành chính - MBB01 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Biên bản vi phạm hành chính có chỉnh sửa các thông tin như: thông tin căn cứ, có người đại diện làm việc, xem thông tin vi phạm của đối tượng, chỉnh sửa theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Biên bản vi phạm hành chính - MBB01 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Biên bản vi phạm hành chính có chỉnh sửa các thông tin như: thông tin căn cứ, có người đại diện làm việc, xem thông tin vi phạm của đối tượng, chỉnh sửa theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị Biên bản vi phạm hành chính có chỉnh sửa đáp ứng theo NĐ 68/2025/NĐ-CP, NĐ 190/2025/NĐ-CP theo ngày ban hành biên bản		
			NSD chọn xem Biên bản vi phạm hành chính - MBB01 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Biên bản vi phạm hành chính		
			NSD chọn xóa Biên bản vi phạm hành chính - MBB01 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gửi Biên bản vi phạm hành chính - MBB01 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
43	Cập nhật Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính - MBB05	CT, CV		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính - MBB05 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính có chỉnh sửa các thông tin như: thông tin người có thẩm quyền xử phạt, chỉnh sửa theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính - MBB05 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính có chỉnh sửa các thông tin như: thông tin người có thẩm quyền xử phạt, chỉnh sửa theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính có chỉnh sửa đáp ứng theo NĐ 68/2025/NĐ-CP, NĐ 190/2025/NĐ-CP tùy theo ngày lập biên bản		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính - MBB05 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính		
			NSD chọn xóa Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính - MBB05 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gửi Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính - MBB05 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
44	Cập nhật Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính - MBB27	CT, CV		B	Phức tạp

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính - MBB27 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính có chỉnh sửa các thông tin như: chọn cá nhân/tổ chức, chỉnh sửa theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính - MBB27 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính có chỉnh sửa các thông tin như: chọn cá nhân/tổ chức, chỉnh sửa theo thay đổi địa bàn hành chính,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính có chỉnh sửa đáp ứng theo NĐ 68/2025/NĐ-CP, NĐ 190/2025/NĐ-CP theo ngày lập biên bản		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính - MBB27 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính		
			NSD chọn xóa Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính - MBB27 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gửi Biên bản mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính - MBB27 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
45	Cập nhật Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS01	CT		B	Phức tạp

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS01 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,...		
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS01 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị dữ liệu dạng word Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có chỉnh sửa thông tin căn cứ vào quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, thông tin đối tượng, cơ cấu tổ chức,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS01 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ		
			NSD chọn xóa Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS01 và đồng ý Hệ thống kiểm tra và thực hiện xóa		
			NSD chọn gửi Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS01 và đồng ý Hệ thống kiểm tra và thực hiện gửi quyết định		
46	Cập nhật Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS06	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS06 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có chỉnh sửa các thông tin như: thông tin cá nhân/tổ chức, kết quả kiểm tra, thông tin người đại diện,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS06 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có chỉnh sửa các thông tin như: thông tin cá nhân/tổ chức, kết quả kiểm tra, thông tin người đại diện,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có chỉnh sửa đáp ứng theo mô hình tổ chức,...		
			NSD chọn xem Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS06 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ		
			NSD chọn xóa Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS06 và đồng ý xóa Hệ thống kiểm tra và thực hiện xóa quyết định		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn gửi Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS06 và đồng ý Hệ thống gửi quyết định đã chọn		
47	Cập nhật Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề) - BB16	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề) - BB16 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề) có chỉnh sửa các thông tin như: thông tin cá nhân/tổ chức, chủ sở hữu tang vật, phương tiện,...		
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề) - BB16 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề) có chỉnh sửa các thông tin như: thông tin cá nhân/tổ chức, chủ sở hữu tang vật, phương tiện,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị dữ liệu dạng word Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề) có chỉnh sửa đáp ứng theo mô hình tổ chức		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề) - BB16 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề)		
			NSD chọn xóa Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề) - BB16 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gửi Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề) - BB16 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
48	Cập nhật Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận) - MQĐ14	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận) - MQĐ14 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận) có chỉnh sửa các thông tin như: thông tin căn cứ, thông tin cá nhân/tổ chức,...		
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận) - MQĐ14 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận) có chỉnh sửa các thông tin như: thông tin căn cứ, thông tin cá nhân/tổ chức,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị dữ liệu dạng word Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận) có chỉnh sửa đáp ứng theo mô hình tổ chức		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận) - MQĐ14 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận)		
			NSD chọn xóa Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận) - MQĐ14 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gửi Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc hết thời hạn tạm giữ mà người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận) - MQĐ14 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
49	Cập nhật Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MQĐ27	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MQĐ27 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có chỉnh sửa các thông tin như: Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động, thông tin cá nhân tổ chức,...		
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MQĐ27 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có chỉnh sửa các thông tin như: Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động, thông tin cá nhân tổ chức,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị dữ liệu dạng word Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có chỉnh sửa đáp ứng theo mô hình tổ chức		
			NSD chọn xem Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MQĐ27 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính		
			NSD chọn xóa Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MQĐ27 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gửi Quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MQĐ27 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
50	Cập nhật Biên bản xác minh/làm việc - MS07	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản xác minh/làm việc - MS07 Hệ thống hiển thị màn hình thêm mới Biên bản xác minh/làm việc có chỉnh sửa các thông tin cá nhân tổ chức,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản xác minh/làm việc - MS07 Hệ thống hiển thị màn hình sửa Biên bản xác minh/làm việc có chỉnh sửa các thông tin cá nhân tổ chức,...		
			NSD cập nhập các thông tin và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xem trước Hệ thống xử lý hiển thị dữ liệu dạng word Biên bản xác minh/làm việc có bổ sung chỉnh sửa thông tin người đại diện và đáp ứng theo mô hình tổ chức,...		
			NSD chọn xem Biên bản xác minh/làm việc - MS07 Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết Biên bản xác minh/làm việc		
			NSD chọn xóa Biên bản xác minh/làm việc - MS07 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gửi Biên bản xác minh/làm việc - MS07 Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận gửi		
			NSD chọn Đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
51	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định thi hành xử phạt vi phạm hành chính	CT		B	Trung bình
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định nộp tiền phạt nhiều lần - MQĐ05 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ05 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính) - MQĐ15 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ15 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định buộc tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MQĐ16 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ16 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp người bị xử phạt chết/mất tích; tổ chức bị giải thể/phá sản) - MQĐ17 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ17 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
52	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định hoãn, sửa đổi xử phạt vi phạm hành chính	CT		B	Trung bình
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền - MQĐ03 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ03 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định giảm/miễn phần còn lại/miễn toàn bộ tiền phạt vi phạm hành chính - MQĐ04 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ04 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt trực xuất - MQĐ06 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ06 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính - MQĐ29 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ29 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ31 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ31 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định chấm dứt tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ32 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ32 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
53	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định khám/kiểm tra	CT		B	Đơn giản

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định khám người theo thủ tục hành chính - MQĐ25 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ25 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính - MQĐ26 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ26 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ - MS02 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MS02 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định,...		
54	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định giao quyền	CT		B	Trung bình
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định về việc giao quyền ban hành quyết định kiểm tra - MS03 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MS03 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định, quy định chức năng nhiệm vụ theo yêu cầu,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ34 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ34 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định, quy định chức năng nhiệm vụ theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ35 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ35 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định, quy định chức năng nhiệm vụ theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định về việc giao quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ36 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ36 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định, quy định chức năng nhiệm vụ theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định chấm dứt việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính/cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ37 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ37 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định, quy định chức năng nhiệm vụ theo yêu cầu		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
55	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định cưỡng chế	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định cưỡng chế khấu trừ một phần lương/một phần thu nhập - MQĐ07 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ07 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản - MQĐ08 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ08 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/phải hoàn trả - MQĐ09 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ09 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/hoàn trả kinh phí - MQĐ10 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ10 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp cưỡng chế khấu trừ một phần lương/một phần thu nhập/tiền từ tài khoản và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) - MQĐ12a Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ12a có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/phải hoàn trả và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) - MQĐ12b Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ12b có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/hoàn trả kinh phí và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) - MQĐ12c Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ12c có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt - MQĐ13 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ13 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
56	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định tạm giữ	CT		B	Trung bình
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ18 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ18 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ19 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ19 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MQĐ20 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ20 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MQĐ21 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ21 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định, thông tin đối tượng là hộ kinh doanh theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định giao phương tiện giao thông bị tạm giữ theo thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân giữ, bảo quản - MQĐ22 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ22 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định, theo yêu cầu,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ - MQĐ24 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ24 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định chuyển phương tiện giao thông đã giao cho tổ chức, cá nhân giữ, bảo quản về nơi bị tạm giữ - MQĐ30 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ30 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
57	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định bàn giao, tiếp nhận	CT		B	Đơn giản
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự - MQĐ33 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ33 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định chuyển giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã quá thời hạn tạm giữ/hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ42 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ42 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định tiếp nhận hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính - MPL14 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MPL14 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
58	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm quyết định khác	CT		B	Đơn giản
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định trưng cầu giám định - MQĐ41 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MQĐ41 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành, thẩm quyền ra quyết định theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Quyết định kéo dài/ gia hạn thời hạn thẩm tra, xác minh - MS05 Hệ thống xử lý hiển thị quyết định MS05 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
59	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm biên bản xử lý vi phạm hành chính	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản về việc không nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MBB06 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB06 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB20 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB20 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB21 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB21 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản bàn giao người có hành vi vi phạm hành chính/bị áp giải - MBB22 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB22 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
60	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm biên bản khám/kiểm tra	CT, CV		B	Đơn giản

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản khám người theo thủ tục hành chính - MBB23 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB23 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính - MBB24 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB24 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB25 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB25 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
61	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm biên bản cưỡng chế	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản về việc không nhận quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MBB07 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB07 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản xác minh thông tin về tiền, tài sản của cá nhân/tổ chức bị cưỡng chế - MBB09 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB09 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/hoàn trả kinh phí - MBB10 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB10 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - MBB11 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB11 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/phải hoàn trả - MBB12 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB12 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu		
62	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm biên bản tạm giữ	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MBB08 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB08 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MBB15 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB15 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ - MBB17 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB17 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Giao phương tiện giao thông bị tạm giữ theo thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân giữ, bảo quản - MBB19 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB19 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính - MBB26 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB26 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
63	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm biên bản bàn giao	CT, CV		B	Trung bình

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản giao bảo quản tài sản kê biên - MBB13 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB13 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá - MBB14 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB14 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản bàn giao hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự - MBB28 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB28 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản chuyển hồ sơ và quyết định xử phạt vi phạm hành chính để tổ chức thi hành - MBB29 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB29 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản chuyển giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã quá thời hạn tạm giữ/hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MBB30 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB30 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
64	Cập nhật thông tin biểu mẫu cho nhóm khác	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản làm việc - MBB02 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB02 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản phiên giải trình trực tiếp - MBB03 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB03 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB04 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB04 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
			NSD chọn xem trước biểu mẫu Biên bản Đặt/Trả lại tiền bảo lãnh - MBB18 Hệ thống xử lý hiển thị biên bản MBB18 có cập nhật thông tin khối cơ quan ban hành theo yêu cầu,...		
65	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định thi hành xử phạt vi phạm hành chính	CT		B	Phức tạp

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định nộp tiền phạt nhiều lần - MQĐ05, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định nộp tiền phạt nhiều lần - MQĐ05, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,...sửa lại các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định nộp tiền phạt nhiều lần - MQĐ05 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính) - MQĐ15, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính) - MQĐ15, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (sử dụng cho trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính) - MQĐ15 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp người bị xử phạt chết/mất tích; tổ chức bị giải thể/phá sản) - MQĐ17, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp người bị xử phạt chết/mất tích; tổ chức bị giải thể/phá sản) - MQĐ17, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp người bị xử phạt chết/mất tích; tổ chức bị giải thể/phá sản) - MQĐ17 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
66	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định hoãn, sửa đổi xử phạt vi phạm hành chính	CT		B	Phức tạp

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền - MQĐ03, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền - MQĐ03, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền - MQĐ03 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định giảm/miễn phần còn lại/miễn toàn bộ tiền phạt vi phạm hành chính - MQĐ04, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định giảm/miễn phần còn lại/miễn toàn bộ tiền phạt vi phạm hành chính - MQĐ04, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định giảm/miễn phần còn lại/miễn toàn bộ tiền phạt vi phạm hành chính - MQĐ04 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt trực xuất - MQĐ06, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt trực xuất - MQĐ06, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt trực xuất - MQĐ06 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính - MQĐ29, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính - MQĐ29, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính - MQĐ29 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ31, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ31, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ31 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định chấm dứt tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ32, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định chấm dứt tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ32, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa Quyết định chấm dứt tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ32 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
67	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định khám/kiểm tra	CT		B	Trung bình
			NSD chọn thêm mới Quyết định khám người theo thủ tục hành chính - MQĐ25, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định khám người theo thủ tục hành chính - MQĐ25, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định khám người theo thủ tục hành chính - MQĐ25 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính - MQĐ26, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính - MQĐ26, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính - MQĐ26 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
68	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định giao quyền	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ34, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ34, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ34 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ35, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ35, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ35 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định về việc giao quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ36, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định về việc giao quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ36, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa Quyết định về việc giao quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ36 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định chấm dứt việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính/cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ37, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định chấm dứt việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính/cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ37, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định chấm dứt việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính/cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ37 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
69	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định cưỡng chế	CT		B	Phức tạp

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định cường chế khấu trừ một phần lương/một phần thu nhập - MQĐ07, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định cường chế khấu trừ một phần lương/một phần thu nhập - MQĐ07, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định cường chế khấu trừ một phần lương/một phần thu nhập - MQĐ07 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định cường chế khấu trừ tiền từ tài khoản - MQĐ08, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định cường chế khấu trừ tiền từ tài khoản - MQĐ08, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định cường chế khấu trừ tiền từ tài khoản - MQĐ08 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/phải hoàn trả - MQĐ09, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/phải hoàn trả - MQĐ09, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/phải hoàn trả - MQĐ09 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/hoàn trả kinh phí - MQĐ10, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/hoàn trả kinh phí - MQĐ10, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa Quyết định cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/hoàn trả kinh phí - MQĐ10 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp cưỡng chế khấu trừ một phần lương/một phần thu nhập/tiền từ tài khoản và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) - MQĐ12a, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp cưỡng chế khấu trừ một phần lương/một phần thu nhập/tiền từ tài khoản và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) - MQĐ12a, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp cưỡng chế khấu trừ một phần lương/một phần thu nhập/tiền từ tài khoản và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) - MQĐ12a và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/phải hoàn trả và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) - MQĐ12b, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/phải hoàn trả và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) - MQĐ12b, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/phải hoàn trả và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) - MQĐ12b và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/hoàn trả kinh phí và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) - MQĐ12c, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/hoàn trả kinh phí và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) - MQĐ12c, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (sử dụng cho trường hợp cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/hoàn trả kinh phí và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả) - MQĐ12c và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt - MQĐ13, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt - MQĐ13, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt - MQĐ13 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
70	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định tạm giữ	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ18, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ18, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ18 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ19, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ19, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính - MQĐ19 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MQĐ20, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MQĐ20, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MQĐ20 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MQĐ21, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MQĐ21, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MQĐ21 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định giao phương tiện giao thông bị tạm giữ theo thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân giữ, bảo quản - MQĐ22, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Quyết định giao phương tiện giao thông bị tạm giữ theo thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân giữ, bảo quản - MQĐ22, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định giao phương tiện giao thông bị tạm giữ theo thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân giữ, bảo quản - MQĐ22 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định khấu trừ tiền bảo lãnh - MQĐ23, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định khấu trừ tiền bảo lãnh - MQĐ23, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định khấu trừ tiền bảo lãnh - MQĐ23 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định khấu trừ tiền bảo lãnh - MQĐ23, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ - MQĐ24, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ - MQĐ24 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định chuyển phương tiện giao thông đã giao cho tổ chức, cá nhân giữ, bảo quản về nơi bị tạm giữ - MQĐ30, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định chuyển phương tiện giao thông đã giao cho tổ chức, cá nhân giữ, bảo quản về nơi bị tạm giữ - MQĐ30, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định chuyển phương tiện giao thông đã giao cho tổ chức, cá nhân giữ, bảo quản về nơi bị tạm giữ - MQĐ30 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
71	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định bàn giao, tiếp nhận	CT		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự - MQĐ33, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự - MQĐ33, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự - MQĐ33 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định chuyển giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã quá thời hạn tạm giữ/hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ42, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Quyết định chuyển giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã quá thời hạn tạm giữ/hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ42, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định chuyển giấy phép, chứng chỉ hành nghề đã quá thời hạn tạm giữ/hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MQĐ42 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Quyết định tiếp nhận hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính - MPL14, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định tiếp nhận hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính - MPL14, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định tiếp nhận hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính - MPL14 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
72	Cập nhật thông tin cho nhóm quyết định khác	CT		B	Đơn giản

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Quyết định trung cầu giám định - MQĐ41, có chỉnh sửa thông tin địa bàn hành chính,.. nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Quyết định trung cầu giám định - MQĐ41, có chỉnh sửa thông tin địa bàn hành chính,.. cập nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Quyết định trung cầu giám định - MQĐ41 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
73	Cập nhật thông tin cho nhóm biên bản xử lý vi phạm hành chính	CT, CV		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản về việc không nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MBB06, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản về việc không nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MBB06, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa Biên bản về việc không nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MBB06 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB20, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB20, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB20 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB21, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB21, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa Biên bản tiêu hủy tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB21 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản bàn giao người có hành vi vi phạm hành chính/bị áp giải - MBB22, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản bàn giao người có hành vi vi phạm hành chính/bị áp giải - MBB22, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản bàn giao người có hành vi vi phạm hành chính/bị áp giải - MBB22 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
74	Cập nhật thông tin cho nhóm biên bản khám/kiểm tra	CT, CV		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản khám người theo thủ tục hành chính - MBB23, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Biên bản khám người theo thủ tục hành chính - MBB23, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản khám người theo thủ tục hành chính - MBB23 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính - MBB24, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính - MBB24, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính - MBB24 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB25, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Biên bản khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB25, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - MBB25 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
75	Cập nhật thông tin cho nhóm biên bản cưỡng chế	CT, CV		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản về việc không nhận quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MBB07, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản về việc không nhận quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MBB07, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản về việc không nhận quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính - MBB07 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản xác minh thông tin về tiền, tài sản của cá nhân/tổ chức bị cưỡng chế - MBB09, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản xác minh thông tin về tiền, tài sản của cá nhân/tổ chức bị cưỡng chế - MBB09, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản xác minh thông tin về tiền, tài sản của cá nhân/tổ chức bị cưỡng chế - MBB09 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/hoàn trả kinh phí - MBB10, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/hoàn trả kinh phí - MBB10, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa Biên bản cưỡng chế thu tiền, tài sản để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính/hoàn trả kinh phí - MBB10 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - MBB11, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - MBB11, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả - MBB11 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/phải hoàn trả - MBB12, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Biên bản cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/phải hoàn trả - MBB12, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản cưỡng chế kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt/phải hoàn trả - MBB12 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
76	Cập nhật thông tin cho nhóm biên bản tạm giữ	CT, CV		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MBB08, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MBB08, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MBB08 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MBB15, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MBB15, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - MBB15 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ - MBB17, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ - MBB17, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ - MBB17 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản giao phương tiện giao thông bị tạm giữ theo thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân giữ, bảo quản - MBB19, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản giao phương tiện giao thông bị tạm giữ theo thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân giữ, bảo quản - MBB19, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản giao phương tiện giao thông bị tạm giữ theo thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân giữ, bảo quản - MBB19 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính - MBB26, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính - MBB26, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính - MBB26 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
77	Cập nhật thông tin cho nhóm biên bản bàn giao	CT, CV		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản giao bảo quản tài sản kê biên - MBB13, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản giao bảo quản tài sản kê biên - MBB13, có chỉnh sửa các thông tin như, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản giao bảo quản tài sản kê biên - MBB13, có chỉnh sửa các thông tin như và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá - MBB14, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá - MBB14, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản chuyển giao tài sản đã kê biên để bán đấu giá - MBB14 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản bàn giao hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự - MBB28, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản bàn giao hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự - MBB28, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn xóa Biên bản bàn giao hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự - MBB28 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản chuyển hồ sơ và quyết định xử phạt vi phạm hành chính để tổ chức thi hành - MBB29, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản chuyển hồ sơ và quyết định xử phạt vi phạm hành chính để tổ chức thi hành - MBB29, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản chuyển hồ sơ và quyết định xử phạt vi phạm hành chính để tổ chức thi hành - MBB29 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
78	Cập nhật thông tin cho nhóm biên bản khác	CT, CV		B	Phức tạp
			NSD chọn thêm mới Biên bản làm việc - MBB02, có chỉnh sửa cho phép chọn dữ liệu từ CDSL cá nhân/tổ chức nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Biên bản làm việc - MBB02, có chỉnh sửa cho phép chọn dữ liệu từ CDSL cá nhân/tổ chức cập nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản làm việc - MBB02, có chỉnh sửa các thông tin như và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản phiên giải trình trực tiếp - MBB03, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa Biên bản phiên giải trình trực tiếp - MBB03, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản phiên giải trình trực tiếp - MBB03 và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn thêm mới Biên bản Đặt/Trả lại tiền bảo lãnh - MBB18, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... nhập các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn sửa Biên bản Đặt/Trả lại tiền bảo lãnh - MBB18, có chỉnh sửa thông tin cá nhân, tổ chức,... sửa các thông tin cần thiết và xem trước Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn xóa Biên bản Đặt/Trả lại tiền bảo lãnh - MBB18, có chỉnh sửa các thông tin như và xác nhận xóa Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
VI	Thông kê báo cáo				
79	Cập nhật Báo cáo tình hình cập nhật tiền xử phạt	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn Báo cáo tình hình cập nhật tiền xử phạt Hệ thống thực hiện khởi tạo và hiển thị màn hình cho phép nhập các điều kiện để lập báo cáo		
			NSD chọn điều kiện lập báo cáo, tích chọn hồ sơ vượt thẩm quyền chọn hình thức xuất báo cáo là HTML và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và hiển thị dữ liệu báo cáo có chỉnh sửa thông tin Tổng tiền phạt đã nộp		
			NSD chọn điều kiện lập báo cáo, tích chọn hồ sơ vượt thẩm quyền chọn hình thức xuất báo cáo là PDF và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và xuất dữ liệu ra file báo cáo định dạng PDF có chỉnh sửa thông tin Tổng tiền phạt đã nộp		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn điều kiện lập báo cáo, tích chọn hồ sơ vượt thẩm quyền chọn hình thức xuất báo cáo là EXCEL và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và xuất dữ liệu ra file báo cáo định dạng EXCEL có chỉnh sửa thông tin Tổng tiền phạt đã nộp		
80	Cập nhật Báo cáo tình hình cập nhật hồ sơ	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn Báo cáo tình hình cập nhật hồ sơ Hệ thống thực hiện khởi tạo và hiển thị màn hình cho phép nhập các điều kiện để lập báo cáo		
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo tình hình cập nhật hồ sơ, chọn xuất tổng hợp hoặc xuất chi tiết, phương thức xuất báo cáo là HTML và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và hiển thị dữ liệu báo cáo theo dưới dạng trình duyệt HTML có bổ sung, chỉnh sửa các thông tin: Số tiền xử phạt đã nộp, Tiền lãi đã nộp, thông tin liên quan đến thương mại điện tử,...		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo tình hình cập nhật hồ sơ, chọn xuất tổng hợp hoặc xuất chi tiết, phương thức xuất báo cáo là PDF và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và xuất dữ liệu báo cáo theo dưới dạng PDF có bổ sung, chỉnh sửa các thông tin: Số tiền xử phạt đã nộp, Tiền lãi đã nộp, thông tin liên quan đến thương mại điện tử,...		
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo tình hình cập nhật hồ sơ, chọn xuất tổng hợp hoặc xuất chi tiết, phương thức xuất báo cáo là EXCEL và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và xuất dữ liệu báo cáo theo dưới dạng EXCEL có bổ sung, chỉnh sửa các thông tin: Số tiền xử phạt đã nộp, Tiền lãi đã nộp, thông tin liên quan đến thương mại điện tử,...		
81	Cập nhật Báo cáo theo nhóm hàng hóa/tang vật	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn Báo cáo theo nhóm hàng hóa/tang vật Hệ thống thực hiện khởi tạo và hiển thị màn hình cho phép nhập các điều kiện để lập báo cáo		
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo theo nhóm hàng hóa/tang vật, chọn phương thức là HTML và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và hiển thị dữ liệu báo cáo theo dưới dạng HTML có bổ sung, chỉnh sửa các thông tin:		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			thông tin trị giá, số lượng của tang vật tịnh thu và tiêu hủy,...		
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo theo nhóm hàng hóa/tang vật, chọn phương thức là PDF và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và xuất dữ liệu báo cáo theo dưới dạng PDF có bổ sung, chỉnh sửa các thông tin: thông tin trị giá, số lượng của tang vật tịnh thu và tiêu hủy,...		
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo theo nhóm hàng hóa/tang vật, chọn phương thức là EXCEL và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và xuất dữ liệu báo cáo theo dưới dạng EXCEL có bổ sung, chỉnh sửa các thông tin: thông tin trị giá, số lượng của tang vật tịnh thu và tiêu hủy,...		
82	Cập nhật Báo cáo Số vụ xử lý	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn Báo cáo Số vụ xử lý Hệ thống thực hiện khởi tạo và hiển thị màn hình cho phép nhập các điều kiện để lập báo cáo		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo Số vụ xử lý, chọn phương thức là HTML và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và hiển thị dữ liệu báo cáo theo dưới dạng HTML có chỉnh sửa các thông tin: số vụ vi phạm thuộc QLTT, vụ vi phạm thuộc UBND...		
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo Số vụ xử lý, chọn phương thức là PDF và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và xuất dữ liệu báo cáo theo dưới dạng PDF có chỉnh sửa các thông tin: số vụ vi phạm thuộc QLTT, vụ vi phạm thuộc UBND...		
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo Số vụ xử lý, chọn phương thức là EXCEL và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và xuất dữ liệu báo cáo theo dưới dạng EXCEL có chỉnh sửa các thông tin: số vụ vi phạm thuộc QLTT, vụ vi phạm thuộc UBND...		
83	Cập nhật Báo cáo thống kê vụ việc phát sinh từ kế hoạch hoặc đột xuất	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn Báo cáo thống kê vụ việc phát sinh từ kế hoạch hoặc đột xuất Hệ thống thực hiện khởi tạo và hiển thị màn hình cho phép nhập các điều kiện để lập báo cáo		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo thống kê vụ việc phát sinh từ kế hoạch hoặc đột xuất, chọn xuất tổng hợp hoặc xuất chi tiết, chọn phương thức xuất là HTML và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và hiển thị dữ liệu báo cáo theo dưới dạng HTML có bổ sung, chỉnh sửa các thông tin: Tổng số vụ vi phạm, Số QĐ buộc thực hiện BPKPHQ của QLTT,...		
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo thống kê vụ việc phát sinh từ kế hoạch hoặc đột xuất, chọn xuất tổng hợp hoặc xuất chi tiết, chọn phương thức xuất là PDF và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và kết xuất dữ liệu báo cáo theo dưới dạng PDF có bổ sung, chỉnh sửa các thông tin: Tổng số vụ vi phạm, Số QĐ buộc thực hiện BPKPHQ của QLTT,...		
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo thống kê vụ việc phát sinh từ kế hoạch hoặc đột xuất, chọn xuất tổng hợp hoặc xuất chi tiết, chọn phương thức xuất là EXCEL và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và kết xuất dữ liệu báo cáo theo dưới dạng EXCEL có bổ sung, chỉnh sửa các thông tin: Tổng số vụ vi phạm, Số QĐ buộc thực hiện BPKPHQ của QLTT,...		
84	Cập nhật Báo cáo tang vật buộc tiêu hủy	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn Báo cáo tang vật buộc tiêu hủy Hệ thống thực hiện khởi tạo và hiển thị màn hình cho phép nhập các điều kiện để lập báo cáo		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo tang vật buộc tiêu hủy, chọn phương thức xuất báo cáo là HTML và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và hiển thị dữ liệu báo cáo theo dưới dạng HTML có chỉnh sửa cách thống kê tang vật, hàng hóa có hình thức xử lý là buộc tiêu hủy của QĐXP của UBND...		
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo tang vật buộc tiêu hủy, chọn phương thức xuất báo cáo là PDF và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và xuất dữ liệu báo cáo theo dưới dạng PDF có chỉnh sửa cách thống kê tang vật, hàng hóa có hình thức xử lý là buộc tiêu hủy của QĐXP của UBND...		
			NSD lựa chọn điều kiện Báo cáo tang vật buộc tiêu hủy, chọn phương thức xuất báo cáo là EXCEL và nhấn Xuất Hệ thống thực hiện tổng hợp và xuất dữ liệu báo cáo theo dưới dạng EXCEL có chỉnh sửa cách thống kê tang vật, hàng hóa có hình thức xử lý là buộc tiêu hủy của QĐXP của UBND...		
VII	Quản trị hệ thống				
85	Thêm mới chức vụ thực tế	QTHT		B	Đơn giản
			NSD chọn thêm mới chức vụ thực tế Hệ thống hiển thị màn hình nhập thông tin thêm mới chức vụ thực tế		
			NSD nhập thông tin và nhấn Lưu Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
86	Sửa chức vụ thực tế	QTHT		B	Đơn giản
			NSD chọn sửa chức vụ thực tế Hệ thống hiển thị màn hình cho phép sửa chức vụ thực tế		
			NSD cập nhập thông tin và nhấn Lưu Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
87	Xóa chức vụ thực tế	QTHT		B	Đơn giản
			NSD chọn xóa chức vụ thực tế Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa chức vụ thực tế đã chọn		
			NSD chọn đồng ý xóa Hệ thống xử lý và thực hiện xóa thông tin khỏi CSDL		
88	Danh sách chức vụ thực tế	QTHT		B	Đơn giản
			NSD chọn xem danh sách chức vụ thực tế Hệ thống xử lý, tổng hợp hiển thị danh sách chức vụ thực tế đã lưu trên hệ thống		
			NSD chọn các tiêu chí tìm kiếm và tìm kiếm Hệ thống xử lý, tổng hợp hiển thị dữ liệu phù hợp với tiêu chí tìm kiếm		
			NSD thực hiện xem chức vụ thực tế Hệ thống hiển thị màn hình xem chi tiết thông tin chức vụ thực tế		
89	Cập nhật Danh mục đơn vị	QTHT		B	Đơn giản

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn Danh mục đơn vị Hệ thống hiển thị danh sách đơn vị được cập nhật theo tên đơn vị, cơ cấu theo yêu cầu thay đổi mô hình tổ chức mới		
			NSD chọn tìm kiếm đơn vị Hệ thống hiển thị tiêu chí tìm kiếm được chỉnh sửa theo yêu cầu mô hình tổ chức và theo địa bàn hành chính		
90	Lịch sử thay đổi địa bàn	QTHT		B	Trung bình
			NSD chọn Danh mục địa bàn Hệ thống hiển thị màn hình danh mục địa bàn		
			NSD chọn Lịch sử thay đổi địa bàn Hệ thống hiển thị màn hình danh sách lịch sử thay đổi địa bàn		
			NSD chọn xem chi tiết lịch sử thay đổi thông tin địa bàn Hệ thống hiển thị màn hình chi tiết thông tin theo từng bản ghi đã chọn		
			NSD chọn sửa lịch sử thay đổi địa bàn Hệ thống hiển thị màn hình sửa lịch sử thay đổi địa bàn tùy theo từng bản ghi		
			NSD chọn xóa lịch sử thay đổi thông tin địa bàn Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa		
91	Cập nhật Tìm kiếm địa bàn	QTHT		B	Đơn giản
			NSD chọn xem danh sách địa bàn Hệ thống xử lý, tổng hợp hiển thị dữ liệu phù hợp với yêu cầu		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn tìm kiếm địa bàn Hệ thống hệ thống hiển thị giao diện tìm kiếm có điều chỉnh tiêu chí tỉnh, thành phố/quận, huyện/xã, phường, bổ sung thêm tiêu chí trạng thái		
			NSD nhập các tiêu chí và tìm kiếm Hệ thống xử lý, tổng hợp hiển thị dữ liệu phù hợp với tiêu chí tìm kiếm		
92	Gộp địa bàn cấp xã	QTHT		B	Trung bình
			NSD chọn Gộp địa bàn cấp xã Hệ thống hiển thị màn hình cho phép chọn cách thức gộp địa bàn		
			NSD lựa gộp thành địa bàn mới và nhấn tiếp tục Hệ thống hiển thị màn hình thông tin gộp thành địa bàn xã mới		
			NSD tích chọn các địa bàn xã cần gộp, nhập thông tin địa bàn mới và Lưu Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gộp vào địa bàn có sẵn và nhấn tiếp tục Hệ thống hiển thị màn hình thông tin gộp vào địa bàn có sẵn		
			NSD tích chọn các địa bàn xã cần gộp vào địa bàn có sẵn và nhấn Lưu Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
93	Cập nhật địa bàn cho cá nhân, tổ chức	QTHT		B	Trung bình
			NSD chọn cập nhật địa bàn cho cá nhân, tổ chức Hệ thống hiển thị màn hình cho phép tìm kiếm cá nhân, tổ chức theo địa bàn đã chọn		
			NSD nhập các tiêu chí và tìm kiếm Hệ thống xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả phù hợp		
			NSD chọn các cá nhân, tổ chức cần cập nhật và chọn chuyển Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận đồng ý cập nhật dữ liệu địa bàn cho cá nhân, tổ chức đã chọn		
			NSD chọn đồng ý Hệ thống xử lý và lưu dữ liệu địa bàn mới cho cá nhân, tổ chức đã chọn		
			NSD chọn tiếp tục thực hiện Hệ thống chuyển về trang cho phép tìm kiếm và chọn cá nhân, tổ chức tiếp tục cập nhật thông tin địa bàn		
94	Sửa thông tin gộp địa bàn cấp xã	QTHT		B	Trung bình
			NSD chọn sửa thông tin gộp địa bàn cấp xã Hệ thống hiển thị màn hình thông tin gộp đã chọn		
			NSD tích chọn thêm các xã để thực hiện gộp Hệ thống bổ sung thêm thông tin của xã cần gộp vào danh sách các xã đã chọn		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD bỏ các xã đã chọn gộp Hệ thống hiển thị thông báo cho đối với thông tin cá nhân, tổ chức đã cập nhật		
			NSD chọn cập nhật lại thông tin cá nhân, tổ chức đã được chuyển địa bàn Hệ thống xử lý dữ liệu và cập nhật thông tin địa bàn của cá nhân, tổ chức vào CSDL		
			NSD sửa các thông tin khác và chọn lưu Hệ thống xử lý dữ liệu và lưu thông tin đã sửa		
95	Xóa thông tin gộp địa bàn cấp xã	QTHT		B	Trung bình
			NSD chọn xóa thông tin gộp địa bàn cấp xã Hệ thống hiển thị màn hình thông báo các thông tin cần cập nhật cho cá nhân, tổ chức đã thực hiện		
			NSD chọn đồng ý Hệ thống xử lý dữ liệu địa bàn của cá nhân, tổ chức liên quan đến địa bàn bị xóa		
			NSD chọn xóa địa bàn đã chọn Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa thông tin		
			NSD chọn đồng ý Hệ thống thực hiện xóa địa bàn đã chọn trong CSDL		
96	Gộp địa bàn tỉnh	QTHT		B	Đơn giản

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn gộp địa cấp tỉnh Hệ thống hiển thị màn hình cho phép cập nhật các thông tin gộp		
			NSD chọn các xã cần gộp và cập nhật thông tin địa bàn tỉnh cấp cha và chọn lưu Hệ thống xử lý dữ liệu và lưu thông tin vào CSDL		
97	Sửa thông tin gộp địa bàn tỉnh	QTHT		B	Đơn giản
			NSD chọn sửa thông tin gộp địa cấp tỉnh Hệ thống hiển thị màn hình cho phép sửa các thông tin gộp		
			NSD chọn hoặc bỏ chọn các xã cần gộp và cập nhật thông tin địa bàn tỉnh cấp cha và chọn lưu Hệ thống xử lý dữ liệu và lưu thông tin vào CSDL		
98	Gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị	CT		B	Đơn giản
			NSD chọn Gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị Hệ thống hiển thị giao diện chức năng gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị		
			NSD chọn Gán quyền Hệ thống hiển thị màn hình thông tin gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị		
			NSD nhập thông tin gán quyền và lưu thông tin Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
99	Sửa Gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị	CT		B	Đơn giản
			NSD chọn sửa gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị Hệ thống hiển thị màn hình sửa gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị		
			NSD cập nhập thông tin gán quyền và lưu thông tin Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
100	Danh sách cán bộ được gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị	CT		B	Đơn giản
			NSD chọn Gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị Hệ thống hiển thị giao diện chức năng gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị		
			NSD chọn tìm kiếm cán bộ được gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị theo các tiêu chí và tìm kiếm Hệ thống xử lý và tổng hợp kết quả theo tiêu chí tìm kiếm		
			NSD chọn xóa gán quyền xem hồ sơ theo đơn vị và đồng ý Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
VIII	Tra cứu				
101	Cập nhật Tra cứu theo địa bàn	CT, CV		B	Đơn giản

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn Tra cứu theo địa bàn Hệ thống hiển thị giao diện chức năng tra cứu theo địa bàn, có bổ sung thêm tiêu chí "Thời gian tra cứu", có chỉnh sửa thông tin địa bàn tra cứu theo lịch sử địa bàn		
			NSD chọn tra cứu theo Thời gian tra cứu, nhập các điều kiện tra cứu khác và tìm kiếm Hệ thống xử lý và tổng hợp kết quả theo tiêu chí tìm kiếm		
102	Cập nhật Tra cứu theo cá nhân, tổ chức	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn Tra cứu theo cá nhân, tổ chức Hệ thống hiển thị giao diện chức năng tra cứu theo cá nhân, tổ chức, có bổ sung thêm tiêu chí "Thời gian tra cứu", có chỉnh sửa thông tin địa bàn tra cứu theo thời lịch sử địa bàn		
			NSD chọn tra cứu theo Thời gian tra cứu, nhập các điều kiện tra cứu khác và tìm kiếm Hệ thống xử lý và tổng hợp kết quả theo tiêu chí tìm kiếm		
			NSD chọn xem chi tiết thông tin hồ sơ liên quan đến cá nhân, tổ chức Hệ thống hiển thị Danh sách hồ sơ có bổ sung thêm cột thông tin: Hình thức xử phạt bổ sung, Biện pháp khắc phục hậu		
103	Cập nhật Tra cứu theo kế hoạch	CT, CV		B	Đơn giản

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn Tra cứu theo kế hoạch Hệ thống hiển thị giao diện tra cứu theo kế hoạch có chỉnh sửa tiêu chí tra cứu: Đơn vị thực hiện kế hoạch, Đơn vị ban hành kế hoạch		
			NSD chọn xem thông tin chi tiết kế hoạch Hệ thống hiển thị thông tin kế hoạch kiểm tra có chỉnh sửa tiêu chí tìm kiếm "Trạng thái", Danh sách cá nhân, tổ chức có bổ sung thêm các cột thông tin: Số QĐXP, Số tiền xử phạt		
104	Cập nhật Tra cứu theo mặt hàng	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn Tra cứu theo theo mặt hàng Hệ thống hiển thị giao diện tra cứu theo mặt hàng có bổ chỉnh sửa, bổ sung các tiêu chí tra cứu như: Đơn vị kiểm tra, Nhóm hàng hóa/tang vật, Chứng loại/nhãn hiệu...		
			NSD chọn tra cứu theo các tiêu chí Đơn vị kiểm tra, Nhóm hàng hóa/tang vật, Chứng loại/nhãn hiệu, các tiêu chí khác và tìm kiếm Hệ thống xử lý và tổng hợp kết quả hiển thị trên danh sách mặt hàng có bổ sung thêm các cột thông tin: Mã nhóm hàng hóa/tang vật, Tên nhóm hàng hóa/tang vật, Chứng loại/nhãn hiệu		
105	Cập nhật Tra cứu theo hành vi vi phạm	CT, CV		B	Đơn giản

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn Tra cứu theo hành vi vi phạm Hệ thống hiển thị giao diện tra cứu theo hành vi có bổ chỉnh sửa thông tin "Đơn vị kiểm tra"		
			NSD chọn tra cứu theo các tiêu chí Đơn vị kiểm tra, các tiêu chí khác và tìm kiếm Hệ thống xử lý và tổng hợp kết quả hiển thị trên danh sách hành vi vi phạm		
106	Cập nhật Tra cứu theo hồ sơ vụ việc	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn Tra cứu theo hồ sơ vụ việc Hệ thống hiển thị giao diện tra cứu theo hồ sơ vụ việc có chỉnh sửa, bổ sung các tiêu chí tra cứu: Số quyết định xử phạt, Quyết định kiểm tra/Khám, Trạng thái...,		
			NSD chọn tra cứu theo các tiêu chí số quyết định xử phạt, Quyết định kiểm tra/Khám, Trạng thái chọn trạng thái "Đã hủy" và tìm kiếm Hệ thống xử lý và tổng hợp kết quả hiển thị trên danh sách hồ sơ vụ việc		
107	Tra cứu đơn vị gán quyền xem hồ sơ	CT, CV		B	Đơn giản
			NSD chọn Tra cứu đơn vị gán quyền xem hồ sơ Hệ thống hiển thị giao diện chức năng Tra cứu đơn vị gán quyền xem hồ sơ		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn các tiêu chí tra cứu và tìm kiếm Hệ thống xử lý và tổng hợp kết quả hiển thị trên danh sách hồ sơ được gán quyền		
IX	Tiền tiêu hủy tang vật/hàng hóa				
108	Cập nhật Thêm mới tiền tiêu hủy tang vật/hàng hóa	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn Thêm mới tiền tiêu hủy tang vật/hàng hóa Hệ thống hiển thị giao diện thêm mới tiền tiêu hủy tang vật/hàng hóa		
			NSD chọn thông tin Số QĐXP/QĐ tịch thu Hệ thống hiển thị danh sách tang vật/hàng hóa có chỉnh sửa cách lấy thông tin tang vật/hàng hóa		
			NSD nhập các thông tin cần thiết khác và nhấn lưu Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn sửa tiền tiêu hủy tang vật/hàng hóa Hệ thống hiển thị giao diện sửa tiền tiêu hủy tang vật/hàng hóa		
			NSD chọn thông tin Số QĐXP/QĐ tịch thu Hệ thống hiển thị danh sách tang vật/hàng hóa có chỉnh sửa cách lấy thông tin tang vật/hàng hóa		
			NSD cập nhập các thông tin cần thiết khác và nhấn lưu Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
X	Cập nhật đơn vị				

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
109	Gộp đơn vị cấp đội	QTHT		B	Trung bình
			NSD chọn Gộp đơn vị cấp đội Hệ thống hiển thị màn hình cho phép chọn cách thức gộp đơn vị		
			NSD lựa gộp thành đơn vị mới và nhấn tiếp tục Hệ thống hiển thị màn hình thông tin gộp thành đơn vị cấp đội mới		
			NSD tích chọn các đội cần gộp, nhập thông tin đội quản lý mới và Lưu Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
			NSD chọn gộp vào đội có sẵn và nhấn tiếp tục Hệ thống hiển thị màn hình thông tin gộp vào đội có sẵn		
			NSD tích chọn các đội cần gộp vào đội có sẵn và nhấn Lưu Hệ thống xử lý và lưu thông tin vào CSDL		
110	Chuyển cán bộ giữa các đơn vị	QTHT		B	Trung bình
			NSD chọn cập nhật cán bộ trong đơn vị quản lý Hệ thống hiển thị màn hình cho phép tìm kiếm cán bộ trong đơn vị		
			NSD nhập các tiêu chí và tìm kiếm Hệ thống xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả phù hợp		
			NSD chọn các cán bộ cần chuyển và chọn chuyển Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận thông tin chuyển cán bộ		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD nhập thông tin và chọn đồng ý Hệ thống xử lý và lưu dữ liệu cán bộ về đơn vị quản lý đã chọn		
111	Chuyển hồ sơ giữa các đơn vị	QTHT		B	Trung bình
			NSD chọn cập nhật hồ sơ cho đơn vị quản lý Hệ thống hiển thị màn hình danh sách hồ sơ của đơn vị được chọn		
			NSD nhập các tiêu chí và tìm kiếm Hệ thống xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả phù hợp		
			NSD chọn các hồ sơ cần chuyển sang đơn vị quản lý và nhân chuyển hồ sơ Hệ thống hiển thị màn hình cho phép cập nhật thông tin để chuyển hồ sơ		
			NSD cập nhật thông tin cho việc chuyển hồ sơ về đơn vị và lưu Hệ thống kiểm tra thông tin và lưu dữ liệu vào CSDL		
112	Sửa thông tin gộp đội	QTHT		B	Trung bình
			NSD chọn sửa thông tin gộp đội Hệ thống hiển thị màn hình cho phép sửa thông tin gộp đã chọn		
			NSD tích chọn thêm các đội để thực hiện gộp Hệ thống bổ sung thêm thông tin của đội cần gộp vào danh sách các đội đã chọn		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD bỏ các đội đã chọn gộp Hệ thống hiển thị thông báo cho đối với thông tin hồ sơ đã cập nhật		
			NSD chọn cập nhật lại thông tin cán bộ đã được gộp đội Hệ thống xử lý dữ liệu và cập nhật thông tin cán bộ khi thực hiện gộp đội		
			NSD chọn cập nhật lại thông tin hồ sơ đã được gộp đội Hệ thống xử lý dữ liệu và cập nhật thông tin hồ sơ khi thực hiện gộp đội		
			NSD sửa các thông tin khác và chọn lưu Hệ thống xử lý dữ liệu và lưu thông tin đã sửa		
113	Xóa thông tin gộp đội	QTHT		B	Đơn giản
			NSD chọn sửa thông tin gộp đội Hệ thống hiển thị màn hình xác nhận xóa đội đã gộp		
			NSD xác nhận đồng ý xóa Hệ thống thực hiện xóa đội đã chọn trong CSDL		
114	Gộp đơn vị cấp chi cục	QTHT		B	Đơn giản
			NSD chọn gộp đơn vị cấp chi cục Hệ thống hiển thị màn hình cho phép cập nhật các thông tin gộp các chi cục		
			NSD chọn các chi cục cần gộp và cập nhật thông tin khác và chọn lưu Hệ thống xử lý dữ liệu và lưu thông tin vào CSDL		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
115	Sửa thông tin gộp đơn vị cấp chi cục	QTHT		B	Đơn giản
			NSD chọn sửa thông tin gộp đơn vị cấp chi cục Hệ thống hiển thị màn hình cho phép sửa các thông tin gộp các chi cục		
			NSD chọn sửa lại các chi cục cần gộp và cập nhật thông tin khác và chọn lưu Hệ thống xử lý dữ liệu và lưu thông tin vào CSDL		
XI	Ứng dụng AI				
116	Gửi thông tin yêu cầu tra soát biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn chức năng chatbot Hệ thống hiển thị giao diện chatbot cho phép yêu cầu tra soát thông tin		
			NSD nhập thông tin tra soát biểu mẫu xử lý vi phạm hành chính Hệ thống hiển thị gợi ý cho người dùng chọn biểu mẫu cần tra soát		
			NSD nhập thông tin biểu mẫu tra soát Hệ thống hiển thị biểu mẫu theo thông tin đã tra soát		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn gửi file định dạng word, excel, pdf cần tra soát về biểu mẫu Hệ thống mở màn hình cho phép chọn và tải file cần tra soát dữ liệu		
			NSD chọn file, ảnh và nhấn gửi Hệ thống tiếp nhận file định dạng word, excel, pdf , xử lý bóc tách file và hiển thị kết quả		
117	Gửi thông tin yêu cầu tra soát quy trình kiểm tra	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn chức năng chatbot Hệ thống hiển thị giao diện chatbot cho phép yêu cầu tra soát thông tin		
			NSD nhập thông tin tra soát về quy trình kiểm tra Hệ thống hiển thị thông tin quy trình cần tra soát và gợi ý các trường hợp có thể tra soát thông tin chi tiết		
			NSD nhập chi tiết thông tin cần tra soát Hệ thống truy vấn hiển thị dữ liệu người dùng đã nhập		
			NSD chọn gửi file định dạng word, excel, pdf cần tra soát về quy trình kiểm tra Hệ thống mở màn hình cho phép chọn và tải file định dạng word, excel, pdf cần tra soát dữ liệu		
			NSD chọn file, ảnh và nhấn gửi Hệ thống tiếp nhận file định dạng word, excel, pdf xử lý bóc tách file và hiển thị kết quả		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
118	Gửi thông tin yêu cầu tra soát quy trình xử lý vi phạm	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn chức năng chatbot Hệ thống hiển thị giao diện chatbot cho phép yêu cầu tra soát thông tin		
			NSD nhập thông tin tra soát về quy trình xử lý vi phạm Hệ thống hiển thị thông tin quy trình cần tra soát và gợi ý các trường hợp có thể tra soát thông tin chi tiết		
			NSD nhập chi tiết thông tin cần tra soát Hệ thống truy vấn hiển thị dữ liệu người dùng đã nhập		
			NSD chọn gửi file định dạng word, excel, pdf cần tra soát về quy trình xử lý vi phạm Hệ thống mở màn hình cho phép chọn và tải file định dạng word, excel, pdf cần tra soát dữ liệu		
			NSD chọn file, ảnh và nhấn gửi Hệ thống tiếp nhận file định dạng word, excel, pdf, xử lý bóc tách file và hiển thị kết quả		
119	Gửi thông tin yêu cầu hướng dẫn nghiệp vụ quy trình xử lý vi phạm	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn chức năng chatbot Hệ thống hiển thị giao diện chatbot cho phép yêu cầu tra soát thông tin		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD nhập thông tin tra soát về quy trình xử lý vi phạm Hệ thống hiển thị thông tin quy trình cần tra soát và gợi ý các trường hợp có thể tra soát thông tin chi tiết		
			NSD nhập chi tiết thông tin cần tra soát Hệ thống truy vấn hiển thị dữ liệu người dùng đã nhập		
			NSD chọn gửi file định dạng word, excel, pdf cần tra soát về quy trình xử lý vi phạm Hệ thống mở màn hình cho phép chọn và tải file cần tra soát dữ liệu		
			NSD chọn file, ảnh và nhấn gửi Hệ thống tiếp nhận file định dạng word, excel, pdf xử lý bóc tách file và hiển thị kết quả		
120	Gửi thông tin yêu cầu tra soát thông tin các điều khoản trong văn bản pháp lý	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn chức năng chatbot Hệ thống hiển thị màn hình giao diện chatbot		
			NSD nhập yêu cầu tra soát thông tin về các căn cứ pháp lý Hệ thống tiếp nhận thông tin, xử lý ngôn ngữ và tra soát theo căn cứ pháp lý hiển thị kết quả cho người dùng		
			NSD chọn gửi file định dạng word, excel, pdf cần tra soát thông tin căn cứ pháp lý Hệ thống mở màn hình cho phép chọn và tải file định dạng word, excel, pdf cần tra soát dữ liệu		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD chọn file định dạng word, excel, pdf và nhấn gửi Hệ thống tiếp nhận file định dạng word, excel, pdf, xử lý bóc tách file và hiển thị kết quả		
121	Gửi thông tin yêu cầu tra soát thông tin các thuật ngữ pháp lý	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn chức năng chatbot Hệ thống hiển thị màn hình giao diện chatbot		
			NSD nhập yêu cầu tra soát thông tin về các thuật ngữ pháp lý Hệ thống tiếp nhận thông tin, xử lý ngôn ngữ và tra soát theo căn cứ pháp lý hiển thị kết quả cho người dùng		
			NSD chọn gửi file định dạng word, excel, pdf cần tra soát thông tin các thuật ngữ pháp lý Hệ thống mở màn hình cho phép chọn và tải file định dạng word, excel, pdf cần tra soát dữ liệu		
			NSD chọn file định dạng word, excel, pdf và nhấn gửi Hệ thống tiếp nhận file định dạng word, excel, pdf, xử lý bóc tách file và hiển thị kết quả		
122	Gửi thông tin yêu cầu tra soát thông tin theo vấn đề pháp lý	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn chức năng chatbot Hệ thống hiển thị màn hình giao diện chatbot		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
			NSD nhập yêu cầu tra soát thông tin theo vấn đề pháp lý Hệ thống tiếp nhận thông tin, xử lý ngôn ngữ và tra soát theo căn cứ pháp lý hiển thị kết quả cho người dùng		
			NSD chọn gửi file định dạng word, excel, pdf cần tra soát thông tin vấn đề pháp lý Hệ thống mở màn hình cho phép chọn và tải file định dạng word, excel, pdf cần tra soát dữ liệu		
			NSD chọn file, ảnh và nhấn gửi Hệ thống tiếp nhận file định dạng word, excel, pdf, xử lý bóc tách file và hiển thị kết quả		
123	Gửi thông tin yêu cầu tra soát về thẩm quyền xử phạt	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn chức năng chatbot Hệ thống hiển thị màn hình giao diện chatbot		
			NSD nhập yêu cầu tra soát thông tin về thẩm quyền xử phạt Hệ thống tiếp nhận thông tin, xử lý ngôn ngữ và tra soát theo căn cứ pháp lý hiển thị kết quả cho người dùng		
			NSD chọn gửi file định dạng word, excel, pdf cần tra soát thông tin về thẩm quyền xử phạt Hệ thống mở màn hình cho phép chọn và tải file cần tra soát dữ liệu		
			NSD chọn file định dạng word, excel, pdf và nhấn gửi Hệ thống tiếp nhận file định dạng word, excel, pdf, xử lý bóc tách file và hiển thị kết quả		

TT	Tên Use-Case	Tên tác nhân	Giao dịch (Transaction)	Phân loại theo BMT	Phân loại theo độ phức tạp
124	Gửi thông tin yêu cầu tra soát về chế tài xử phạt	CT, CV		B	Trung bình
			NSD chọn chức năng chatbot Hệ thống hiển thị màn hình giao diện chatbot		
			NSD nhập yêu cầu tra soát thông tin về chế tài xử phạt Hệ thống tiếp nhận thông tin, xử lý ngôn ngữ và tra soát theo căn cứ pháp lý hiển thị kết quả cho người dùng		
			NSD chọn gửi file định dạng word, excel, pdf cần tra soát thông tin về chế tài xử phạt Hệ thống mở màn hình cho phép chọn và tải file định dạng word, excel, pdf cần tra soát dữ liệu		
			NSD chọn file định dạng word, excel, pdf và nhấn gửi Hệ thống tiếp nhận file định dạng word, excel, pdf, xử lý bóc tách file và hiển thị kết quả		

8. Các yêu cầu phi chức năng

8.1 Yêu cầu cần đáp ứng đối với cơ sở dữ liệu

Hệ thống được xây dựng thiết kế và lưu trữ thông tin, dữ liệu trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server. Bảng dữ liệu, các trường dữ liệu được đặt tên theo một quy chuẩn nhất định. Các bảng dữ liệu được thiết kế để liên kết và ràng buộc với nhau để đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu.

Các thao tác truy xuất, cập nhật dữ liệu vào hệ thống đều được sử dụng thông qua các thủ tục để thuận tiện cho quá trình bảo trì nâng cấp hệ thống, tránh việc phải biên dịch lại hệ thống khi cần chỉnh sửa các thao tác nhỏ trên CSDL. Việc truy xuất dữ liệu có thể thực hiện trực tiếp trên các bảng hoặc thông qua các View để tăng tính linh hoạt của hệ thống.

Cập nhật, bổ sung dữ liệu được thực hiện thông qua các thủ tục bên trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu (Stored Procedures) thuận tiện cho việc bảo trì nâng cấp. Các thủ tục đều sử dụng giao dịch (Transactions) để cập nhật số liệu đảm bảo sự toàn vẹn dữ liệu. Các giao dịch bị ngắt giữa chừng dữ liệu có thể được khôi phục lại trạng thái ban đầu.

8.2 Yêu cầu về an toàn thông tin

Yêu cầu chung

Hệ thống phần mềm xử lý vi phạm hành chính, Hệ thống quản lý tài chính-kế toán, Hệ thống phân tích dữ liệu và dự báo biến động giá cả thị trường là các thành phần trong hệ thống thông tin tổng thể của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, do vậy cần phải tương thích, phù hợp với thiết kế tổng thể về hạ tầng thông tin của Cục, tuân thủ các nguyên tắc và các chuẩn đã được triển khai áp dụng cho hạ tầng kỹ thuật của Cục, tuân thủ các yêu cầu về bảo mật thông tin dữ liệu, tuân thủ nguyên tắc kết hợp sử dụng có hiệu quả các phương tiện hạ tầng và dịch vụ hạ tầng đã có sẵn của Cục. Cụ thể, các hệ thống này cần tuân thủ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, bao gồm các điều kiện phải tuân thủ nhằm đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường máy tính, mạng máy tính và các hệ thống có khả năng tiếp cận thông tin số của ngành Công Thương.

Thông tin được đảm bảo an toàn bao gồm tất cả các loại thông tin của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước và các đơn vị trực thuộc, thông tin tại các cơ quan địa phương thuộc lĩnh vực do Tổng cục quản lý, thông tin do các cơ quan, tổ chức khác gửi đến Tổng cục và các đơn vị thuộc Bộ.

Yêu cầu về bảo mật ứng dụng web:

- Kiểm soát truy vấn cơ sở dữ liệu để tránh lỗ hổng SQL Injection.
- Xử lý dữ liệu đầu vào để tránh lỗ hổng XSS.

- Sử dụng token trong các phương thức GET và POST tránh lỗ hổng CSRF: Phát sinh token theo từng request để đảm bảo an toàn cho các thao tác trên dữ liệu.
- Kiểm soát các thao tác với file: Có cơ chế kiểm tra tính hợp lệ và xử lý tập tin trong các thao tác người upload tập tin lên hệ thống.
- Mã hóa dữ liệu nhạy cảm
- Mã hóa một chiều các thông tin liên quan đến CSDL.
- Mật khẩu người dùng lưu trữ trong CSDL được mã hóa một chiều và kết hợp thêm salt khác nhau theo từng người dùng.
- Kiểm tra quyền truy cập của người dùng: Sử dụng hệ thống riêng để chứng thực người dùng đăng nhập và phân quyền.
- Phòng chống lỗi user enumeration.
- Phòng chống lỗi session fixation.
- Sử dụng cookie an toàn: Mã hóa thông tin sessionid trong cookies, sessionid được phát sinh là duy nhất, hủy các thông tin session khi người dùng thoát khỏi hệ thống.
- Chuyển hướng và chuyển tiếp thiếu thẩm tra (Unvalidated Redirects and Forwards).
- Không để lộ dữ liệu của hệ thống: Mã hóa các thông tin nhạy cảm người dùng trong các kết quả trả về từ máy chủ.
- Chống thất thoát thông tin do kiểm soát lỗi và ngoại lệ không tốt: Không cho hiển thị các thông tin về ứng dụng khi ứng dụng bị lỗi.
- Sử dụng Captcha: Hạn chế các request liên tục và giống nhau lên server.
- Phòng chống lỗi file inclusion.
- Phòng chống lỗi Command injection.
- Phòng chống lỗi Xml/Xpath injection.
- Phòng chống các lỗi liên quan đến xử lý luồng nghiệp vụ, logic: Kiểm tra quyền hạn của người dùng trên từng thao tác.
- Bảo vệ cách tấn công Brute force: Thiết lập thời gian hết hiệu lực cho session để giới hạn thời gian kết nối.

8.3 Xác định cấp độ đảm bảo an toàn hệ thống thông tin

Cấp độ an toàn hệ thống thông tin cho hệ thống cơ sở dữ liệu, các phần mềm thuộc nhiệm vụ này được xác định căn cứ theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Các hệ thống Xử lý vi phạm hành chính, Quản lý tài chính-kế toán, Phân tích dữ liệu và dự báo giá cả thị trường có các mục đích hoạt động sau:

Phục vụ hoạt động nội bộ của cơ quan, tổ chức và có xử lý thông tin riêng, thông tin cá nhân của người sử dụng nhưng không xử lý thông tin bí mật nhà nước.

Hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ hoạt động của một cơ quan, tổ chức.

Theo Điều 8 của Nghị định 85/2016/NĐ-CP thì các hệ thống này có cấp độ đảm bảo an toàn hệ thống thông tin là **cấp độ 2**.

Vì vậy các hệ thống Xử lý vi phạm hành chính, Quản lý tài chính-kế toán, Phân tích dữ liệu và dự báo giá cả thị trường cần tuân thủ các quy định tại Phụ lục 2 “*Yêu cầu cơ bản bảo đảm an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống thông tin cấp độ 2*” ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/08/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và phải đảm bảo các yêu cầu an toàn cơ bản đối với phần mềm nội bộ được quy định tại Quyết định số 742/QĐ-BTTTT ngày 22/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

8.4 Các yêu cầu cần đáp ứng về thời gian xử lý, độ phức tạp xử lý của các phần mềm

Yêu cầu về tính đáp ứng tức thời và đảm bảo thông lượng:

- + Hệ thống phải có khả năng đáp ứng tức thời, phục vụ công tác quản lý, tra cứu.
- + Hệ thống cần đảm bảo thông lượng lớn, đáp ứng số lượng người sử dụng đồng thời cao và lượng dữ liệu truyền tải lớn trong các thời điểm, Cụ thể:
 - Thời gian đáp ứng trung bình đối với các chức năng nghiệp vụ, trong điều kiện bình thường đạt dưới 5 giây.
 - Tốc độ tra cứu, tìm kiếm dữ liệu theo nhiều điều kiện dưới 1 phút.
 - Tốc độ tổng hợp, kết xuất báo cáo dữ liệu dưới 3 phút.

Yêu cầu về hiệu quả sử dụng trực tuyến (end user efficiency online): Hệ thống cần thiết kế đảm bảo hỗ trợ người sử dụng thực hiện tốt và nhanh chóng các quy trình nghiệp vụ quản lý, tra cứu.

Yêu cầu về độ phức tạp của xử lý bên trong (complex internal processing):

- + Hệ thống đáp ứng xử lý khối lượng dữ liệu lớn của toàn hệ thống.
- + Hệ thống cần đáp ứng xử lý tính toán trích xuất dữ liệu chính xác.

8.5 Các yêu cầu về cài đặt, hạ tầng, đường truyền, an toàn vận hành, khai thác, sử dụng

- Các phần mềm sẽ được cài đặt, cấu hình và vận hành trên hệ thống máy chủ đặt tại Trung tâm dữ liệu thuộc phạm vi hạng mục thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật phục vụ vận hành các phần mềm ứng dụng của Chủ đầu tư tại Trung tâm dữ liệu VNPT tại Nam Thăng Long. Địa chỉ: Khu B2-1-6 Khu công nghiệp Nam Thăng Long - Bắc Từ Liêm - Hà Nội.
- Triển khai tại Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước - Bộ Công Thương. Địa chỉ: Số 91, Đinh Tiên Hoàng - Hoàn Kiếm - Hà Nội.
- Triển khai cho các đơn vị trực thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước và các chi cục, đội quản lý thị trường tại các tỉnh, thành phố trên toàn quốc, các đơn vị sử dụng sẽ kết nối với hệ thống thông qua đường truyền Internet được bảo mật.

8.6 Các ràng buộc đối với hệ thống gồm: ràng buộc môi trường, sự phụ thuộc vào hệ thống nền tảng

Kỹ thuật công nghệ xây dựng hệ thống phần mềm nghiệp vụ:

Công cụ lập trình: Microsoft Visual Studio 2019 trở lên.

Nền tảng, công nghệ: Microsoft .NET 4.5 trở lên.

Ngôn ngữ lập trình: C#, ASP.NET, CSS, HTML, XML, AJAX.

Công cụ thiết kế báo cáo: Crystal Report, Microsoft Report Viewer hoặc tương đương.

Web server: IIS 7.5 trở lên.

Môi trường mạng: LAN, WAN, Internet.

Hệ điều hành máy chủ: Windows Server 2012 trở lên.

Hệ quản trị CSDL: SQL Server 2019 trở lên.

Máy trạm: Hệ điều hành Linux, Windows.

Trình duyệt web: IE phiên bản 9 trở lên, Microsoft Edge, Firefox, Chrome,...

Kỹ thuật công nghệ xây dựng trí tuệ nhân tạo:

- Hệ điều hành máy chủ: Ubuntu 22.04 LTS
- Hệ quản trị CSDL: PostgreSQL 15 trở lên hoặc tương đương
- Framework/Middleware: FastAPI hoặc Node.js (áp dụng cho tầng API trung gian) hoặc tương đương
- Nền tảng AI: PyTorch 2.x, TensorFlow 2.x (dùng để huấn luyện và triển khai mô hình học máy) hoặc tương đương
- Vector Database: Pgvector (plugin PostgreSQL hỗ trợ lưu trữ vector embedding) hoặc tương đương
- Hệ thống message queue xử lý bất đồng bộ: Kafka 3.x hoặc Redis Stream hoặc tương đương
- Công cụ lập trình: Microsoft Visual Studio Code, Jupyter Notebook, PyCharm...
- Ngôn ngữ lập trình: Python 3.11 trở lên, JavaScript (cho giao diện web), ReAct (cho logic tác nhân AI) hoặc tương đương
- Web server: Nginx hoặc Uvicorn (đối với FastAPI) hoặc tương đương
- Môi trường mạng: LAN, WAN, Internet
- Máy trạm: Hệ điều hành Ubuntu, Linux Mint, Windows 10/11
- Trình duyệt web: Chrome, Firefox, Microsoft Edge, Safari,...

8.7 Yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6

Phần mềm hoạt động trên môi trường Internet, do vậy nền tảng hạ tầng máy chủ, mạng cần đảm bảo sẵn sàng với đồng thời IPv4 và IPv6, cụ thể như sau:

- Phần mềm ứng dụng cần thiết được cài đặt trên các thiết bị máy chủ, lưu trữ, thiết bị mạng có hỗ trợ công nghệ Ipv6 hoặc đối với các thiết bị cũ cần có kế hoạch nâng cấp, bổ sung, thay thế;

- Yêu cầu hỗ trợ IPv6 trong các hợp đồng thuê dịch vụ kết nối Internet, hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet (web hosting, email hosting...).

8.8 Yêu cầu về mức độ chịu đựng sai hỏng đối với các lỗi cú pháp lập trình, lỗi lô-gic trong xử lý dữ liệu, lỗi kiểm soát tính đúng đắn của dữ liệu đầu vào

- Các ô nhập liệu trên giao diện người dùng phải đảm bảo các nguyên tắc sau:
 - Dữ liệu được kiểm tra ngay thời điểm người dùng nhập dữ liệu vào ô nhập.
 - Hiện thị thông báo ngay hoặc không cho nhập khi người dùng nhập dữ liệu không hợp lệ.

- Các ô nhập phải hiển thị dấu thông báo ô nhập là bắt buộc hoặc tùy chọn nhập dữ liệu cho Người dùng.

- Các ô nhập cần có định dạng của dữ liệu nhập chuyên biệt ví dụ: Ô nhập ngày tháng, ô nhập số...

- Thứ tự các ô nhập tuân theo đúng logic của văn bản cần nhập, người dùng hoàn toàn có thể sử dụng bàn phím (không cần chuột) để di chuyển tới các ô nhập này.

- Các ô nhập hỗ trợ phím nóng để di chuyển nhanh tới ô nhập mong muốn.

- Đối với các ô nhập có dữ liệu cố định như: Danh mục, ngày tháng, danh sách cụ thể... cần hỗ trợ hiển thị danh sách để người dùng chọn mà không cần nhập.

Việc nhập dữ liệu trên hệ thống đảm bảo ràng buộc xử lý logic của chương trình.

8.9 Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình

- Hệ thống sẽ cung cấp giao diện trực quan, thân thiện với người sử dụng và phù hợp đối với các nhóm người sử dụng khác nhau.

- Khuôn dạng hiển thị ngày DD/MM/YYYY và căn giữa. Các trường thể hiện dữ liệu kiểu text căn bên trái.

Các giao diện thiết kế một cách đơn giản nhưng hiệu quả cao về thao tác, giảm thiểu việc mở quá nhiều tab, hiển thị và xử lý hình ảnh nhanh, màu sắc không gây cảm giác nhàm chán cho người sử dụng và theo một chuẩn giao diện thống nhất.

Các trường thể hiện dữ liệu kiểu số căn bên phải, dùng dấu ‘.’ để ngăn cách giữa hàng triệu và hàng ngàn, dấu ‘,’ để thể hiện phần thập phân

- Các giao diện màn hình có liên quan tới biểu mẫu cần sắp xếp các thành phần cho phù hợp với biểu mẫu giúp cho NSD dễ theo dõi, đối chiếu trong quá trình nhập.

- Các màn hình cập nhật dữ liệu về cơ bản phải thống nhất về các nút lệnh cũng như về màu sắc, font chữ. Các màn hình hỏi đáp điều kiện lọc báo cáo cũng phải thống nhất với nhau.

- Hệ thống sẽ cho phép lưu trữ tất cả dữ liệu theo định dạng Unicode, chấp nhận tất cả các ký tự tiếng Việt có dấu. Giao diện màn hình, các thông báo lỗi và trợ giúp là ngôn ngữ tiếng Việt theo chuẩn TCVN6909:2001 dựa trên bảng mã Unicode dựng sẵn (ISO 10646), với trợ giúp của các bộ gõ Unikey, Vietkey.

- Hệ thống được xây dựng với một cơ chế thông báo lỗi thân thiện và rõ ràng. Thông báo lỗi phải được Việt hóa tối đa, giúp cho người sử dụng biết được lý do gây ra lỗi để tránh lặp lại các trường hợp tương tự.

- Các biểu tượng, hình ảnh, phím tắt được thống nhất trong toàn bộ chương trình.

- Các thành phần trong giao diện màn hình nhập liệu phải được focus tuần tự liên tiếp nhau khi thực hiện phím Tab.

8.10 Các yêu cầu về năng lực của cán bộ tham gia xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm

- Cán bộ Quản lý dự án: Có trình độ Thạc sỹ hoặc tương đương trở lên, chuyên ngành: Công nghệ thông tin/ Điện/Điện tử - Viễn thông/ Kinh tế. Có tối thiểu 07 năm kinh nghiệm đảm nhiệm vai trò Quản lý dự án hoặc tương đương trong các hợp đồng xây dựng/nâng cấp/chỉnh sửa phần mềm nội bộ (tính đến thời điểm đóng thầu) trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng về hệ thống phần mềm xử lý vi phạm hành chính. Có chứng chỉ/ chứng nhận Lập và Quản lý dự án.

- Cán bộ Trưởng nhóm lập trình: Có trình độ Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Công nghệ thông tin/ Điện/ Điện tử - Viễn thông. Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm đảm nhiệm vai trò Trưởng nhóm lập trình trong các hợp đồng xây dựng/nâng cấp/chỉnh sửa phần mềm nội bộ (tính đến thời điểm đóng thầu) trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng về hệ thống phần mềm xử lý vi phạm hành chính.

- Các cán bộ Lập trình: Có trình độ Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Công nghệ thông tin/ Điện/ Điện tử - Viễn thông. Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm việc tại vị trí Lập trình trong các hợp đồng xây dựng/nâng cấp/chỉnh sửa phần mềm nội bộ (tính đến thời điểm đóng thầu) trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng về hệ thống phần mềm xử lý vi phạm hành chính.

- Cán bộ trưởng nhóm kiểm thử: Có trình độ Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Công nghệ thông tin/ Điện/ Điện tử - Viễn thông. Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm Trưởng nhóm kiểm thử trong các hợp đồng xây dựng/nâng cấp/chỉnh sửa phần mềm nội bộ (tính đến thời điểm đóng thầu) trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng về hệ thống phần mềm xử lý vi phạm hành chính. Có chứng chỉ kiểm thử quốc tế ISTQB hoặc tương đương.

- Các cán bộ Kiểm thử: Có trình độ Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Công nghệ thông tin/ Điện/ Điện tử - Viễn thông. Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm Cán bộ kiểm thử trong các hợp đồng xây dựng/nâng cấp/chỉnh sửa phần mềm nội bộ (tính đến thời điểm đóng thầu) trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng về hệ thống phần mềm xử lý vi phạm hành chính.

- Các cán bộ Phân tích nghiệp vụ: Có trình độ Đại học trở lên thuộc chuyên ngành tài chính kế toán. Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm Cán bộ phân tích nghiệp vụ trong các hợp đồng xây dựng/nâng cấp/chỉnh sửa phần mềm nội bộ (tính đến thời điểm đóng thầu) trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng về hệ thống phần mềm xử lý vi phạm hành chính.

8.11 Yêu cầu về kiểm thử, vận hành thử

Trước khi triển khai vận hành chính thức hệ thống, đơn vị phát triển phải phối hợp với Chủ đầu tư cùng các đơn vị có liên quan để lập kế hoạch và thực hiện kiểm thử chức năng, vận hành thử nghiệm hệ thống, đảm bảo hệ thống sau khi sửa đổi sẽ hoạt động an toàn, ổn định và hiệu quả theo đúng nhu cầu người dùng. Môi trường máy chủ kiểm thử sẽ do đơn vị triển khai chuẩn bị phù hợp với hệ thống đề xuất.

V. CÁC YÊU CẦU KHÁC

1. Đào tạo sử dụng hệ thống

1.1 Mục đích đào tạo

Phần mềm được thiết kế hỗ trợ cho nhiều đối tượng người dùng khác nhau nên việc đào tạo cần phải tổ chức cho học viên có thể nắm vững các nội dung quản trị, vận hành, khai thác sử dụng, để có thể hướng dẫn cho nhiều đối tượng người dùng.

Các đối tượng đào tạo sẽ được đào tạo theo đúng mục đích, đúng nhu cầu khai thác hệ thống, đảm bảo các đối tượng có thể vận hành sử dụng hệ thống phục vụ tác nghiệp hàng ngày.

Hướng dẫn quản trị phần mềm, đảm bảo học viên có khả năng đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt, ổn định và thực hiện thành thạo các công tác quản trị hệ thống phần mềm ứng dụng.

1.2 Phạm vi và hình thức đào tạo

Phạm vi đào tạo: Đào tạo toàn bộ các đối tượng có tham gia vào sử dụng, vận hành hệ thống, bao gồm:

- Cán bộ quản trị hệ thống.
- Lãnh đạo đơn vị/phòng ban có liên quan.

Hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung 02 lớp, cụ thể như sau:

- Lớp 1: Quản trị hệ thống: Cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản trị người dùng, theo dõi và duy trì vận hành hệ thống.
- Lớp 2: Hướng dẫn sử dụng phần mềm: Cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý, khai thác phần mềm.

1.2.1 Nội dung đào tạo

Việc triển khai đào tạo bao gồm:

- Chuẩn bị đào tạo:
 - + Lập kế hoạch đào tạo chi tiết cho các đối tượng;
 - + Chuẩn bị nội dung và tài liệu đào tạo;
 - + Thống nhất về kế hoạch và nội dung đào tạo;
 - + Chuẩn bị phòng đào tạo;
 - + Chuẩn bị trang thiết bị (máy tính, máy chiếu, ...);
 - + Cài đặt máy móc, thiết bị và phần mềm phục vụ học tập và giảng dạy
- Thực hiện đào tạo:
 - + Khai giảng khoá đào tạo;
 - + Phát tài liệu đào tạo cho học viên.
 - + Hướng dẫn cách đọc và khai thác tài liệu hướng dẫn khai thác sử dụng phần mềm.

- + Hướng dẫn các nghiệp vụ thực tế do phần mềm thực hiện.
- + Hướng dẫn thực hành khai thác sử dụng các chức năng phần mềm chuyển giao.
- + Hướng dẫn cách thức kiểm tra, đối chiếu số liệu.
- + Mô tả một số tình huống thường gặp trong quá trình khai thác sử dụng phần mềm chuyển giao.
- + Giải đáp thắc mắc trong quá trình hướng dẫn khai thác sử dụng phần mềm chuyển giao.
- + Hỗ trợ giải đáp cho học viên

1.2.2 Chương trình đào tạo

- Dự kiến tổ chức 02 lớp đào tạo với các nội dung như sau:

TT	Nội dung đào tạo	Số lớp	Số người	Số ngày	Ghi chú
1	Đào tạo quản trị hệ thống	1	5	1	
2	Đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm	1	20	1	Tối đa 20 người

2. Bàn giao sản phẩm

Chủ đầu tư thực hiện việc ký biên bản xác nhận bàn giao sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết. Các sản phẩm giao nộp cho chủ đầu tư gồm: Mã nguồn, bộ cài đặt, các tài liệu kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn quản trị, sử dụng phần mềm và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Đĩa DVD chứa mã nguồn phần mềm nâng cấp.

Đĩa DVD chứa bộ cài đặt các phần mềm kèm theo và nội dung các tài liệu kỹ thuật.

Tài liệu hướng dẫn quản trị và sử dụng phần mềm.

Các tài liệu khác (nếu có).

3. Bản quyền phần mềm

Bản quyền phần mềm nâng cấp thuộc về Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước - Bộ Công Thương.

4. Thời hạn bảo hành

Thời hạn bảo hành các nội dung nâng cấp, bổ sung, chỉnh sửa của phần mềm là 12 tháng.

5. Phương thức và dịch vụ bảo hành

Thời gian hỗ trợ: thời gian hỗ trợ dịch vụ là 24/7.

Thời gian vận hành thử nghiệm hệ thống là 5 ngày kể từ sau khi hoàn thành bàn giao hệ thống. Trong thời gian vận hành thử nghiệm bên thi công phải cử người

thường trực hỗ trợ 24/7 kể cả ngày nghỉ, ngày lễ.

Đơn vị thi công phải có trách nhiệm bảo hành sản phẩm trong thời gian 12 tháng. Trong thời hạn bảo hành, Đơn vị thực hiện phải có trách nhiệm bảo đảm điều kiện để hệ thống vận hành thông suốt, bảo đảm các yêu cầu hệ thống vận hành ổn định, liên tục.

Thời gian xử lý các hỏng hóc, sự cố tối đa không quá 03 ngày làm việc.

Hình thức tiếp nhận các thông tin về hỏng hóc, sự cố, lỗi của hệ thống có thể bằng: điện thoại, thư điện tử, văn bản, công cụ trò chuyện (chat) trực tuyến...